



Nhà sách **HOÀNG MAI**
 736/79 LÊ ĐỨC THỌ,
 P.15, Q.GÒ VẤP, TP.HCM
 ĐT: 08.39961289
 DD: 0903 83 05 05
 Email:
 nguoi_phuocvi@yahoo.com.vn
 www.nhacsachhoangmai.com

**in ấn,
 phát hành,
 hỗ trợ
 xuất bản**

IN ẤN-PHÁT HÀNH
 HỖ TRỢ XUẤT B
 IN ẤN-PHÁT H
 HỖ TRỢ XUẤT
 IN ẤN-PHÁT
 HỖ TRỢ XUA
 HỖ TRỢ XU
 IN ẤN-PHÁT HÀNH
 HỖ TRỢ XUẤT B
 IN ẤN-PH
 HỖ TRỢ X
 IN ẤN-P
 HỖ TR
 HỖ TR



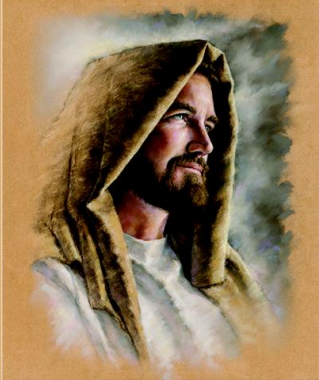

Nhà sách **HOÀNG MAI**
 736/79 LÊ ĐỨC THỌ, P.15, Q.GÒ VẤP, TP.HCM
 ĐT: 08.39961289 - DD: 0903 83 05 05
 www.nhacsachhoangmai.com
 Email: nguoi_phuocvi@yahoo.com.vn

ISBN: 978-604-63-2436-2



GIÁ: 00.000đ

EYMARD An Mai Đố, O.Cist

CHÚA GIÊSU
 ý nghĩa cuộc đời

ĐỨC GIÊSU - Ý NGHĨA CUỘC ĐỜI

ISBN: 978-604-63-2436-2

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

PHƯƠNG ĐÔNG

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

EYMARD
An Mai Đổ, O.Cist.

ĐỨC GIÊSU

Ý Nghĩa

Cuộc Đời

2017

MỤC LỤC

DẪN NHẬP	5
NGẠC NHIÊN	7
1.CON NGƯỜI	7
1.1.HIỆN HỮU LÀ MỘT ÂN BAN.....	8
1.1.1.Hiện hữu.....	8
1.1.2.Hiện hữu ảo.....	11
1.1.3.Đồng hiện hữu.....	12
1.2.Ngũ quan	14
1.2.1.Thị giác và vẻ đẹp	14
1.2.2.Miệng và lời tạ ơn	15
1.2.3.Thính giác và tiếng Chúa	16
1.2.4.Khứu giác và hương thơm.....	18
1.2.5.Xúc giác và cuộc tiếp xúc.....	18
1.3.Những năng lực tinh thần	19
1.3.1.Lý trí và sự thật	19
1.3.2.Ý chí tự do và sự thiện	21
1.3.3.Vô thức và giấc mơ	22
1.3.4.Ý thức và ý thức tội lỗi.....	23
1.3.5.Ý thức phản tỉnh và Bí tích Giao hòa	24
1.3.6.Lương tâm.....	26
2.ĐẶC TÍNH CỦA NHÂN VỊ	29
2.1.Mềm thiện	29
2.2.Độc đáo và duy nhất.....	30
2.3.Không thay thế	31
3.LÒNG TỰ TRỌNG	32
4.NHỮNG CẢN TRỞ TRONG VIỆC TÌM RA Ý NGHĨA CUỘC SỐNG	35
4.1.Ký ức nghèo nàn	35

4.2.Những tiêu cực trong cuộc sống	36
4.3.Ghen tị.....	37
5.TỪ THẦN TƯỢNG ĐẾN ĐỨC GIÊSU	39
5.1.Thần tượng	39
5.2.Tôi	40
5.3.Đức Giêsu.....	41
6.TÔI CHỌN GIÊSU	44
7.LÝ DO TÔI CHỌN GIÊSU.....	45
7.1.Chúa yêu thương tôi.....	46
7.2.Chúa hiến mạng vì tôi	47
8.LỜI TUYÊN BỐ CỦA ĐỨC GIÊSU	49
8.1.Con đường mang tên Giêsu	49
8.2. Đức Giêsu giải thoát tôi	50
8.3.Đức Giêsu là ý nghĩa tối hậu.....	51
9.ĐAU KHỔ	51
10.SỰ CHẾT	54
11.CẦU NGUYỆN	56
12.CHÚA GIÊSU THÁNH THỂ - TRUNG TÂM ĐỜI SỐNG	58
13.THINH LẶNG NỘI TÂM.....	60
14.NIỀM HY VỌNG	62
15.TÌNH YÊU.....	63
16.SỐNG PHÚT HIỆN TẠI	67
KẾT LUẬN.....	69

DẪN NHẬP

Chúng ta cùng nghe Đức Phanxicô, vị Cha Chung của Giáo Hội, nhận định sâu sắc về con người thời đại: “*Trong thế giới ngày nay có rất nhiều dấu chỉ, thường được tỏ lộ gián tiếp hay tiêu cực về sự khao khát Thiên Chúa, về ý nghĩa tối hậu của cuộc đời*”.¹ Mà dấu chỉ rõ ràng dễ thấy nhất là việc con người hủy diệt chính sự sống của mình vì không tìm ra ý nghĩa cho cuộc sống.

Gần đây, chúng ta nghe nhiều tin tức về những ca tự tử tập thể rất ngoạn mục, rồi những minh tinh màn bạc nổi tiếng... chúng tạo một làn sóng tiêu cực lây lan trên cộng đồng mạng.

Các bạn sẽ giật mình khi biết rằng: Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) công bố báo cáo cho biết cứ 40 giây lại có một người tự tử trên thế giới, số người chết vì tự tử còn nhiều hơn tất cả nạn nhân của các cuộc chiến tranh và thảm họa tự nhiên hàng năm. Đây là báo cáo đầu tiên của WHO về tình trạng tự tử trên toàn cầu, với số liệu thu thập từ 172 quốc gia trên thế giới.

Với con số hàng triệu người tự tử hằng năm, người ta thông kê cho biết tỉ lệ tự tử của giới nghệ sĩ tăng gấp 18 lần người bình thường.

Tỉ lệ tự tử quá cao đến nỗi chính phủ các nước Nhật bản, Hàn Quốc phải đề ra một chiến dịch chống tự tử.

Trước đó, người ta ghi nhận rằng Kim Young-Ha, tác giả cuốn tiểu thuyết nổi tiếng “Tôi có quyền hủy hoại bản thân” (đã xuất bản tại Việt Nam) đã đưa ra cách nhìn của ông về vấn nạn quốc gia này trong bài viết cho tờ New York Times số ra ngày 2/4/2014. Chỉ cần dựa vào tựa đề của tác phẩm đã cho thấy tác giả là một người chủ trương tự do quá khích. Xin mượn tư tưởng của triết gia Gabriel Marcel để nhận định vấn đề này. Ông phát biểu: “*Tôi là thân xác tôi*”. Nhiều người hiểu lầm cho rằng ông đề cao thân xác để cổ xúy chủ nghĩa hưởng thụ khoái lạc. Thật ra, chủ trương của ông tích cực và sâu sắc hơn nhiều. Khi con người chỉ nghĩ rằng mình sở hữu một thân xác thì hậu quả là mình có quyền hủy diệt nó bằng bất cứ giá nào. Không ! Thân xác con người là thành phần hiện hữu của chính mình nên nó không được tách rời khỏi chủ thể. Nói cách khác, tôi không có quyền hủy hoại bản thân. Chúng ta mới xét trên bình diện triết học đã thấy câu nói của tác giả cuốn tiểu thuyết là một lối nguy hiểm. Còn theo quan điểm Công Giáo, hiện hữu của chúng ta là một ân ban đến từ Thiên Chúa. Như thế, Thiên Chúa ban cho chúng ta toàn quyền quản lý và làm sinh ích cho bản thân. Nghĩa là chúng ta có trách nhiệm tìm ra những cách thức giúp con người hoàn thành định mệnh của mình theo ý Chúa chứ không phải *được quyền hủy hoại bản thân*...

Với tư cách là một nhà tri thức viết sách để phục vụ cho đời sống phong phú của xã hội mà lại đề ra những tư tưởng tiêu cực đại loại như thế thì thế giới sẽ về đâu ?

Chúng ta lắng nghe giới chức y tế nhận định những người cảm thấy bị cô lập, trầm cảm và vô vọng thường có xu hướng tự tìm tới cái chết. Bên cạnh đó, các chuyên gia cho rằng cách thức báo chí đưa tin về các vụ tự vẫn của những người nổi tiếng cũng có liên quan. Theo các chuyên gia tâm lý, việc tường thuật chi tiết các vụ tự tử của những người nổi tiếng có thể dẫn tới tâm lý bắt chước đối với những người khác, theo đó các chuyên gia khuyến cáo giới truyền thông nên cân nhắc kỹ khi đưa tin về các vụ việc này.

¹ Đức Phanxicô, *Evangelii Gaudium*, số 86.

Thiết tưởng, những nhận định trên đây chỉ là hậu quả của một nguyên nhân sâu xa hơn. Chúng ta sẽ phân tích một vài trường hợp cụ thể để thấy rõ vấn đề.

Roh Moo-Hyun, cựu Tổng thống Hàn Quốc tự tử ở tuổi 62. Ông nhảy xuống vách núi phía sau tư gia của mình vào tháng 5, 2009, chỉ một năm sau khi rời ghế tổng thống. Trong thư tuyệt mệnh, ông cho biết với sức khỏe yếu, nếu tiếp tục sống ông sẽ trở thành gánh nặng cho những người xung quanh. Ở đây, có một sự chạy trốn thực tại cuộc sống. Cho dù sức khỏe yếu hay tinh thần suy sụp... cũng không có quyền tự tử như “một cách giải thoát”. Chúng ta cần khẳng định ngay rằng *tự ý tìm đến cái chết không phải là lối giải thoát, đúng hơn, nó là một cuộc trốn chạy*. Triết gia Nietzsche có lý khi khẳng định: “*Người nào có lý do để sống thì sẽ có thể tồn tại trong mọi nghịch cảnh*”.² Mà theo ông cựu tổng thống này chỉ vì lý do sức khỏe. Đây quả là cách biện minh cho một cuộc sống không ý nghĩa.

Chúng ta cũng xét đến trường hợp của diễn viên Lê Công Tuấn Anh. Trong lúc, sự nghiệp nghệ thuật của anh đạt được những thành quả đáng kể và được mọi người hâm mộ và yêu mến, đồng thời, họ thán phục tài năng của anh. Anh lại tìm đến cái chết chỉ vì bị người yêu khước từ. Chúng ta có thể xét đến anh là một người có tuổi thơ bất hạnh, mồ côi cha mẹ. Do tuổi thơ thiếu tình cảm âu yếm của cha mẹ, anh dễ nhạy cảm với những gì thuộc lãnh vực tình yêu. Mà một khi yêu mà không được yêu lại, anh cảm thấy cuộc sống vô nghĩa... Chính khi đặt sai về ý nghĩa của cuộc sống, anh đã quyết định tự tử.

Tóm lại, từ những gì vừa trình bày, chúng ta có thể tạm rút ra một kết luận: phần lớn những người tự ý tìm đến cái chết đều cảm thấy bất lực trước những nghịch cảnh của cuộc sống. Điều đó cho thấy cuộc sống của họ không tìm được ý nghĩa. Đồng thời, từ những dẫn chứng vừa nêu trên, một cách gián tiếp cuốn sách muốn đề cao tầm quan trọng của cuộc sống có ý nghĩa. Chúng ta chỉ mới dừng lại dưới góc độ nhân bản; cần đi xa hơn, khi bàn chúng trong lãnh vực đức tin và tu đức.

Thật vậy, sau khi đọc xong cuốn *Nhật ký tâm hồn* của thánh Giáo Hoàng Gioan XXIII, điều duy nhất còn lại trong tâm trí mỗi người là lòng cảm phục về sự kiên trì trong linh đạo nên thánh của ngài bằng cách xét mình luôn luôn và đặt mình sống dưới sự hướng dẫn của Chúa. Đồng thời, một lời khẳng định hết sức xác tín đánh động tâm hồn người viết, rằng: *Đức Giêsu là giải đáp cho mọi vấn đề*. Xét dưới nhãn quan thần học, đây là lập trường của người chủ trương qui Kitô. Còn xét theo thần học đời sống tâm linh, thánh nhân là một người kinh nghiệm sống thân tình với Chúa Giêsu.

Quả thật, Đức Giêsu là giải đáp cho mọi vấn đề, mà vấn đề lớn nhất đời người liên quan đến ý nghĩa cuộc sống. Thế nên, đời sống của Người khá dĩ soi sáng cho điều hệ trọng này. Nói cách khác, Người chính là ý nghĩa của cuộc đời con người.

Khi giải thích về thuật ngữ *Logos* trong tác phẩm *Đức tin Kitô giáo, hôm qua và hôm nay*, Đức Bênêdictô XVI đã đưa ra một khẳng định hết sức nền tảng của Đạo: “*Ý nghĩa của thế giới là một con người, một ngôi vị sống động*”. Và cuối cùng, ngài kết luận Đấng ấy chính là Đức Kitô.³ Không dừng lại ở việc nghiên cứu khoa bảng, Đức Bênêdictô XVI còn giúp các Kitô hữu sống và mở ra tương quan với một Đức Giêsu, Đấng trở thành ý nghĩa cho mọi đời sống.

Hai tư tưởng trên đã tác động mạnh mẽ trong tiến trình suy tư để hình thành nên cuốn sách này. Có thể nói, chúng cất vắn lương tâm chúng ta, khiến mỗi khi suy tưởng, nói năng hay hành động, chúng ta cố gắng đặt Chúa Giêsu vào trung tâm của cuộc đời mình thay vì lấy *cái tôi* làm tiêu chuẩn. Dù vậy, chúng ta vẫn va vấp, sa sầy lắm khi oán trách, giận hờn... nhưng tin rằng Chúa không bao giờ bỏ rơi ta. Và chúng ta cần xác tín rằng: “*Chỉ đứng yên một chỗ thì không*

² Trích lại Viktor E. Frankl, *Đi tìm lẽ sống*, Nxb Trẻ, tr.144.

³ X. Joseph Ratzinger, *Đức tin Kitô giáo hôm qua và hôm nay*, Nxb Tôn giáo, tr.69-81.

bao giờ bị ngã. Càng đi nhiều, nguy cơ vấp ngã càng lớn, nhưng khả năng đến đích càng cao” (Charles F. Kettering). Đích đến của ta chính là Đức Giêsu.

Chúng ta vẫn ý thức rằng ý nghĩa của cuộc sống là một thực tại sống động thu hút mọi người. Bởi đó, mỗi người có một cách tiếp cận khác nhau. Thế nên, bài viết không tránh những cách nhìn chủ quan, rất mong sự chỉ bảo của bạn đọc.

NGẠC NHIÊN

Một trong những cách tiếp cận mà cuốn sách muốn đề nghị với bạn, là *ngạc nhiên*.

Trước hết, ngạc nhiên giúp bạn mở ra một thế giới mới mà bạn không thể khám phá và mức cạn hết. Thật vậy, có những sự kiện thấy trước mắt mà nếu bạn không ngạc nhiên đủ sẽ đánh giá vấn đề một cách vội vã và hời hợt.

Truyện kể rằng có một bà mẹ tần tảo cả ngày lo việc nội trợ trong gia đình, lại phải chạy vạy kiếm tiền để sơn lại bức tường sau nhà. Thế mà, vừa đi chợ về, bà đã nghe đứa con gái mách với mẹ rằng đứa em trai nghịch viết chữ lên làm dơ cái tường vừa được sơn lại. Vừa mệt mỏi, vừa bức tức vì hành vi thiếu ý thức của con, bà làm một bài giáo hóa mười phút về công sức và tiền bạc đổ vào để sơn tường. Càng mắng con bà càng giận. Rồi bà lao đến chỗ thằng bé đang sợ sệt lấy thân mình che tác phẩm của nó. Thế rồi, mắt bà đã nhòa đi khi nhìn lên chỗ tường đứa bé vẽ. Những gì bà thấy như một mũi tên xuyên thấu lòng bà: dòng chữ “con yêu mẹ” được viết nắn nót và được viền ngoài cẩn thận bằng hình một trái tim nguệch ngoạc nhưng rất ngộ nghĩnh và dễ thương.

Bạn nghĩ sao, khi đặt mình vào tâm trạng của người mẹ và chị gái trước khi biết sự thật? Cả một thế giới tình yêu sau lưng đứa con trai có vẻ nghịch này. Và ngay cả khi đã khám phá được những dòng chữ trên tường kia, cũng còn một không gian của tinh thần mà đứa con trai ấy không thể nào diễn tả được bằng ngôn ngữ con người. Bởi đó, chỉ có cái nhìn ngạc nhiên và đánh giá bằng những giá trị tinh thần, bạn mới thực sự giúp mình thăng hoa cuộc sống.

Thứ đến, ngạc nhiên giúp bạn nhận ra những giới hạn bản thân, rằng những thực tại bạn đang tiếp xúc lớn hơn bản thân mình. Ý thức điều này, nhà hiền triết Socrate đã tự coi mình là kẻ ngu ngốc, với một câu nói thời danh: *tôi biết một điều là tôi chẳng biết gì cả*. Thế nhưng, chính khi ý thức giới hạn bản thân mà ông đã chọn thái độ khiêm tốn khi tiếp cận mọi thực tại đời sống. Nhờ đó, các hậu sinh đều tuyên dương ông như bậc khôn ngoan. Bậc khôn ngoan không có nghĩa là người có chỉ số IQ cao, nó chỉ biểu thị một tiềm năng lớn của người đó về mặt tri thức. Còn khôn ngoan được áp dụng cho nhà hiền triết này là sự giao thoa của sự hiểu biết thực tại cộng thêm thái độ sống đức hạnh để khám phá thế giới quanh mình với một sự ngạc nhiên lớn lao. Như thế, theo một nghĩa nào đó, ngạc nhiên là thái độ của bậc khôn ngoan.

Sau cùng, ngạc nhiên giúp con người mở ra với Thực tại Tối hậu. Thật vậy, đứng trước cái chết và sự sống đời sau, con người chỉ biết cúi đầu và lấy thái độ đức tin mà “giải mã” hầu giúp cho bản thân sống tích cực và sung mãn giây phút hiện tại.

Mời bạn bước vào thế giới của những ý nghĩa, nó giúp bạn cảm nghiệm rằng cuộc đời này đáng sống và Đáng bạn tin đáng để bạn phó thác cuộc đời và tìm câu trả lời cho mọi sự vì *Đức Giêsu là giải pháp cho mọi vấn đề*.

1. CON NGƯỜI

Con người, xét theo phương diện thể chất, bác sĩ Clauber người Đức đã đưa ra một nghiên cứu khá thú vị. Nếu một người cân nặng 70 kg, khi đem phân loại các chất trong cơ thể thì có kết quả như sau:

-Lân: đủ chế tạo 2.100 que diêm.

- Mỡ: đủ làm 7 cục xà phòng.
- Nước: 40 lít.
- Than: đủ làm 9.000 ruột bút chì.
- Sắt: đủ để làm một cây đinh 3 phân.
- Magnesie: một muỗng.
- Vôi: đủ quét một phòng nhỏ.
- Luu huỳnh: đủ để giết chết hết bọ của một con chó.
- Oxy: đủ bơm một trái banh.

Với những gì vừa liệt kê, con người có thể trị giá vài triệu đồng.

Thế nhưng con người không thuần vật chất để các nhà khoa học cân, đong, đo hay đếm. Con người là một tinh thần nhập thể, tự nó là một huyền nhiệm được Thiên Chúa « rút ra » từ hư vô. Bởi đó, chúng ta cần khẳng định ngay: Thiên Chúa dựng nên mọi sự nơi con người đều hữu lý. Cái lý ấy không chỉ được minh chứng bằng khoa học nhưng được mỗi người kinh nghiệm qua đời sống cụ thể. Cứu cánh tính đặt để trong từng cơ phận của con người, nói cách khác, ý muốn của Chúa được ghi khắc trong từng đường gân thớ thịt của con người. Vấn đề là chúng ta cần khám phá ra nếu muốn sống một cuộc đời có ý nghĩa.

1.1.HIỆN HỮU LÀ MỘT ÂN BAN

Hiện hữu tự nó là một ân ban ; vì thế, mỗi hiện hữu đều mang một ý nghĩa nào đó trong công trình sáng tạo của Thiên Chúa. Chúng ta được tạo dựng nên *nhờ* và *trong* Đức Kitô. Thế nên, chúng ta có sống là sống *cho* và *vì* Chúa. Có thể nói, Đức Giêsu phải là điểm qui chiếu cho một cuộc sống có ý nghĩa và chính Người là ý nghĩa cuộc đời ta. Cùng với thời gian, ý thức ấy dần nguôi ngoai nên hiện hữu kia đôi khi cũng mờ nhạt cách nào đó. Từng bước, mỗi người lại quay về với căn tính ban đầu của mình trong Thiên Chúa.

1.1.1.Hiện hữu

Bạn hiện hữu từ đời đời trong ý muốn Thiên Chúa. Quả thật, trước khi bạn được hình thành trong dạ mẹ, Người đã tưởng nghĩ đến bạn. Như bình gốm đã thành hình trong Thượng Trí Đấng Tối Cao, được nung chảy trong tình yêu Chúa, bạn đã được nặn ra từ bàn tay vô hình. Trong bạn một phần được tạo nên cho vĩnh cửu, bất diệt; một phần thuộc thời gian, mau tan. Hai trong một, có thể phân biệt mà không thể tách biệt. Rồi Người đặt để trong bạn một khát vọng hướng về trời cao và đồng thời Người sắm sẵn cho bạn đôi cánh khả dĩ giúp bạn vươn cao. Ngày nào bạn còn ngẩng cao đầu ngày ấy ánh sáng của Bình Minh còn chiếu sáng trên bạn. Ánh sáng ấy sưởi ấm tâm hồn bạn và ánh sáng ấy cũng soi chiếu con đường bạn đi.

Tại sao tôi không sinh ra cách đây vài năm trước mà là đến bây giờ tôi mới được hiện hữu? Câu hỏi ấy đôi khi hết một đời cũng chưa có câu trả lời. Thánh Têrêsa Calcutta được sinh ra trong thời điểm ấy để giúp những người cùng khốn mang hình ảnh của Đức Kitô. Đức Hồng Y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận sinh ra trong thời điểm đen tối ấy để làm chứng nhân niềm hy vọng. Còn bạn sinh ra trong khoảnh khắc này để làm gì? Chắc hẳn, Chúa có lý trong cuộc hiện hữu của bạn. Bạn chỉ có thể mò mẫm từng ngày trong trái tim Người mới khả dĩ tìm được một câu trả lời. Dù vậy, nó chỉ là câu trả lời chưa trọn vẹn, không dứt khoát vì ngày nào bạn còn sống trong thân xác này, bạn còn lặn mò trong đêm tối. Chính lúc ấy bạn cần bám vào Chúa vì Người là câu trả lời chung cuộc cho cuộc đời bạn. Các thánh không bao giờ cho mình là thánh vì

như thế là thánh “tôi” chứ không phải thánh thật. Các ngài đều có chung một thao thức là sống trọn vẹn trong giây phút hiện tại với tất cả tình yêu. Quả thật, nơi đâu có dấu vết tình yêu, nơi đó có Thiên Chúa.

Thiên Chúa là tình yêu và bạn được sinh ra từ đó, nên bạn được bao bọc trong tình yêu. Thiên Chúa là Chân, Thiện, Mỹ và bạn được sinh ra từ đó, nên bạn là vẻ đẹp của Người. Nơi bạn có một nét đẹp ẩn tàng, vô hình mà chỉ mình Thiên Chúa khả dĩ nhận ra. Đến khi chị Têrêsa HĐGS qua đời, các chị trong dòng kháo láo nhau: không biết chị này có điếm gì để ta ghi lại trong tiểu sử. Và cả đến lúc lập án phong thánh, một vị chức sắc thuộc giáo triều đã phát biểu rằng: “Đời chị Têrêsa không có gì lạ cả, chỉ toàn là những việc tầm thường thôi”. Đức Pio XI trả lời ngay: “Tôi chấp nhận việc phong thánh cho chị, vì chị đã làm những việc tầm thường”.⁴ Vẻ đẹp của chị thánh chỉ được Chúa ghi nhận qua người thay mặt Chúa ở trần gian. Đó là vẻ đẹp đến từ Thiên Chúa, chứ không phải hào nhoáng bên ngoài. Vẻ đẹp ấy được sắm lấy bằng những hiểu lầm của nhân đức khiêm hạ chứ không phải những lời khen ngợi sáo chữ kiểu người đời. Bởi vậy, Chúa Giêsu có lý khi khuyên chúng ta rằng: *Đừng khinh một ai bé mọn này... vì Thiên Thần của họ trên trời hằng chiêm ngưỡng Cha Ta.*

Thân phận của hạt muối

Dương và Âm là hai cực nằm trong “biểu đồ” của Thiên Chúa. Chúng đối và nghịch nhưng không xung và khắc nhau. Trái lại, chúng hòa quyện vào nhau như một thực thể huyền nhiệm mà mắt trần không sao phân biệt được. Chỉ trong Thiên Chúa hiện hữu ấy mới được sáng tỏ. Vì chúng từ Chúa mà được sinh ra.

Dường như trong Thiên Chúa có cả Phụ Tính và Mẫu Tính. Thiên Chúa rất công bằng nhưng cũng đầy từ bi. Thiên Chúa rất công thẳng nhưng cũng giàu lòng thương xót. Cả Hai hòa quyện với nhau nên một Thực Thể gọi là Tình Yêu. Sự Kết hợp này huyền nhiệm đến nỗi tròn đầy trong một Hữu Thể Duy Nhất. Đó là điều có từ trước đời đời mà chỉ có những tâm hồn hằng khát khao mới chứng nghiệm được.

Tôi là hạt muối, xin kể lại câu chuyện của tôi.

Cha tôi là ánh sáng chói chang của Mặt Trời không bao giờ tắt. Nơi người có một năng lực Dương cực mạnh khiến mọi loài đều tan biến và phôi trần trước mặt người. Còn mẹ tôi là nước biển của Mênh Mông không bao giờ cạn. Nơi người có một năng lực Âm cực đại khiến mọi loài đều được tắm mát và chữa lành khi chìm mình trong đó. Rồi vào một ngày đẹp trời hai cực ấy giao thoa, ánh sáng đi vào trong lòng biển. Cho đến khi nổi lên tấm những hạt trắng trên mặt đất. Ấy là lúc tôi được sinh ra. Tôi đã được kết tinh từ hai nguồn sự sống. Tôi đã được sinh ra như một định mệnh là kết quả của một tình yêu. Và tôi cũng được gọi là tình yêu. Bởi đó, có thể định nghĩa muối là gì? Muối là sự kết tinh của một tình yêu vô vị lợi. Bây giờ tôi mới hiểu lời của Chúa Giêsu: “Anh em hãy là muối cho đời”.

Tại sao là muối mà không phải là một thứ khác? Phải chăng vì muối mang một sứ mạng từ khi mới thành hình. Và muối không phải cho mình nhưng là muối cho đời. Thân phận của muối không thể nào lên tiếng. Chỉ biết sống và giữ mãi sự mặn mà của tình yêu ban đầu. Làm sao có thể thực hiện điều này nếu không phải là làm sống mãi những cảm nghiệm về tình yêu mà hai

⁴ x. ĐHY Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, *Những người lữ hành trên đường hy vọng*, tr 399.

Đấng sinh thành đã trao ban cho tôi. Muối không cao rao nhưng biểu dương bằng sức sống nội tại đang hằng cuộn trào và từng giây phút tiếp tục kết tinh nên tôi. Muối một ngày sẽ nhạt nhưng nó lại tái kết tinh trong sự giao thoa của tình yêu ấy. Và cứ thế mỗi ngày nó lại được sinh ra.

Và còn một điều tôi quên không nhắc tới. Đó là trong khoảnh khắc giao thoa huyền nhiệm ấy có một Làn Khí bốc lên là là và phủ trên tôi. Tôi cảm nhận một phần sự sống trong tôi bay lên. Đồng thời có một bàn tay vô hình nào đó vỗ về và bảo tôi: “Hãy ở lại đây một thời gian nữa, Ta có một sứ mạng gởi đến con. Hãy là tình yêu mặn mà trong thế gian này”. Dường như đó là lời của Chúa Cha với sự chứng giám của Chúa Giêsu và trong sự bảo toàn của Chúa Thánh Thần. Đó là sự giao thoa huyền nhiệm Nên Một giữa Ánh Sáng, Nước Biển và Làn Khí mà chỉ có hạt muối mới cảm nghiệm được thôi.

Lời cuối cùng tôi muốn nói rằng: Tôi và bạn hãy là muối mặn mà trong thế gian này nhé! Và thế giới chỉ mặn nồng khi hạt muối đã được hòa tan. Chỉ khi nào muối xóa mình đi, muối không còn là muối nữa khi ấy mọi sự sẽ trợn vện và lâu bền.

Lời tâm sự của muối chắc hẳn cách nào đó làm bạn suy nghĩ lại sứ mạng của bản thân. Có bao giờ bạn tự hỏi: “Chúa muốn con làm gì cho Chúa không?” Vì chưa bao giờ bạn hỏi nên Người có trả lời bạn cũng chẳng sẵn sàng để nghe. Bạn cứ mãi quay quắt, quanh quẩn tìm kiếm những thứ trang sức phô diễn bên ngoài chỉ một thời gian là tàn phai, cảnh đời vô thường là thế! Những cái bạn đang sở hữu chỉ là những cái “có” được đo lường bằng vật chất, nay còn mai mất. Chúng ta là một “tinh thần nhập thể”. Hiện hữu của bạn, tự nó là một vẻ đẹp. Bạn không cần tô điểm thêm bên ngoài bằng những trang sức linh kinh, linh tinh ấy đâu! Có một vẻ đẹp bạn đáng ước ao như thánh Phaolô nói, đó là mặc lấy Đức Kitô. Quả thật, Đức Kitô là vẻ đẹp của bạn. Vẻ Đẹp mà thánh Augustino nói là Vẻ Đẹp vừa xưa nhưng lại mới mãi. Vì sao lại có một Vẻ Đẹp lạ lùng thế! Vừa cũ lại vừa mới mãi? Thưa: vì vẻ đẹp ấy luôn được tái sinh trong bạn. Và một khi bạn khoác vào vẻ đẹp ấy, bạn sẽ là vẻ đẹp của Người.

Bạn đừng tìm kiếm sự khen ngợi nơi người đời. Họ không thể khám phá ra vẻ đẹp của bạn nếu không sống trong Thần Khí. Thật vậy, người đời chỉ khám phá ra vẻ đẹp của thánh nữ Têrêsa HDGS khi chị đã qua đời. Cuốn Tự Thuật của chị được viết bằng máu, nước mắt và Thần Khí. Có thể, một người sống trong bốn bức tường của dòng kín lại được Thần Khí đặt làm bản mạng của các xứ truyền giáo. Một hạt muối âm thầm chẳng bao giờ lên tiếng mà lại có một sứ mạng bao trùm cả thế giới này. Quả thật, chỉ có hạt muối tình yêu mới có thể vượt mọi biên giới để đến với muôn dân. Chỉ có hạt muối quên mình mới ướp cho mặn những tấm lòng tan vỡ, rửa nát. Muối không chỉ giữ cho thức ăn lâu bền nhưng còn sát trùng và chữa lành nữa! Chỉ có hạt muối dễ tan mới mau thấm nhập vào những góc ngách của cuộc đời. Nhờ thế, nó lại được tái sinh và mặn mà như xưa. Tình yêu mặn mà ấy vẫn thế vì mặc lấy Đức Kitô.

Hiện hữu của con người thật cao trọng vì được dựng nên giống hình ảnh Thiên Chúa. Trong đó, việc con người được hưởng tự do là dấu chỉ rõ ràng nhất nhằm giải thích con người là hình ảnh của Ngài.⁵ Nếu Thiên Chúa toàn quyền tự do hành động theo bản tính thiện hảo của mình thì con người cũng được mời gọi sống những giá trị thiện hảo nhất nhằm xây dựng bản thân mỗi ngày nên đồng hình đồng dạng với Người. Tự do của con người thật cao cả, nó có thể

⁵ X. Sách GLHTCG số 1705.

dùng tự do để yêu mến Thiên Chúa, đồng thời, lạm dụng nó mà khước từ Ngài. Con người không thể nào sống mà ở ngoài Ngài nhưng thực tế con người muốn loại Thiên Chúa ra khỏi cuộc sống mình. Đó là một hiện hữu ảo.

1.1.2. Hiện hữu ảo

Có một sự ảo tưởng về hiện hữu của bản thân khi con người tách mình ra khỏi nguồn sống là chính Thiên Chúa. Thật vậy, chúng ta không thể sống, cử động và hiện hữu ở ngoài Người. Thế mà người Con Hoang Đàng lại muốn tách mình ra khỏi nguồn sống. Anh muốn tự do kiếm cho mình một không gian không có Thiên Chúa. Phải chăng trong thế giới vô thần con người có một thứ tự do tuyệt đối và hiện hữu sung mãn?

Thánh Augustino nói: khát vọng là chiều kích hiện hữu nền tảng của con người. Có thể nói, sống khát vọng làm cho con người ý thức có một cái gì bên ngoài mình và lớn hơn mình khiến bản thân phải ngưỡng vọng trời cao. Nếu Thiên Chúa đặt để khát vọng trong tim con người thì chỉ mình Người có thể lấp đầy vực thẳm ấy. Nhưng nếu con người đảo ngược bậc thang giá trị: đặt mình làm Thượng Đế hay tôn người khác làm thần tượng, thì khi ấy con người sống trong ảo tưởng về hiện hữu siêu việt nào đó của mình. Thực chất chúng ta là con Thiên Chúa, là một siêu nhân. Nhưng chúng ta chỉ thực sự là con khi chấp nhận Thiên Chúa là Cha, nghĩa là chúng ta tùy thuộc vào Người. Như người Con Hoang Đàng, chúng ta tách mình ra khỏi thế giới của Thiên Chúa là nguồn sống thực. Lúc đó phản ứng của Thiên Chúa ra sao? Người im lặng. Người tôn trọng sự tự do của bạn và để bạn ra đi. Bạn xin gì, Người cũng cho. Bạn xin của gia tài điều không thể thực hiện khi Cha còn sống, Người cũng ban cho bạn, cốt sao cho bạn hạnh phúc. Người không đi tìm bạn nhưng “bắt lực” ngóng chờ bạn quay về. Người biết chắc bạn sẽ quay về, vì biết rằng của cải vật chất không bao giờ làm bạn thỏa mãn. Trái tim bạn được dựng nên chỉ để cho Người. Chính khi bụng đói lả, lòng trống không, đến cả đậu muông heo cũng không được nuốt vào, thì nỗi khát vọng muôn thưở lại lên tiếng. Chỉ khi con người thực sự bắt lực, Thiên Chúa mới ra tay. Thế chúng ta mới hiểu: *chính lúc tôi yếu là lúc tôi mạnh*. Thật vậy, Thiên Chúa chỉ thực sự tỏ lộ quyền năng trong sự yếu đuối. Mà quyền năng lớn lao nhất của Người là lòng xót thương. Đúng thế, chính lúc thứ tha là lúc Chúa thể hiện quyền năng cách tỏ tường hơn cả.⁶ Người tha thứ không chỉ để chúng ta yên ổn lương tâm nhưng còn chữa lành về mặt tâm thể lý. Người không chỉ hồi phục cho chúng ta tước vị làm con của Người mà con giúp ta mở ra với tha nhân. Bữa tiệc là biểu tượng cho niềm vui lớn lao này.

Như vậy, trong thế giới vắng bóng Thiên Chúa không có niềm vui trọn vẹn của một tâm hồn tự do đích thực. Từ đây, người Con Hoang Đàng hiểu rằng: chỉ trong Chúa, con người mới có tự do đích thực. Đúng thế, tự do thực sự là chọn lấy Sự Thiện hảo nhất đó chính là Thiên Chúa.

Tình thương Chúa bền vững muôn đời

Còn lòng người thay đổi muôn năm.

Chúng ta sẽ tiếp tục sai đường lạc lối, Thiên Chúa lại tiếp tục dẫn dắt trong yêu thương và tín thành. Đó là điều xác tín còn lại sau những gì đã mất.

⁶ Lời nguyện của Chúa Nhật tuần 26 TN.

Con người là một hữu thể hữu hạn, bất tất, đang trên đường hoàn thiện. Quả thật, như thánh Phaolô đã khẳng định, con người là chiếc bình sành dễ vỡ chứa đựng hồng ân của Chúa. Nếu như lầm lỗi là chuyện thường tình nơi con người thì việc chữa lành là chuyện thường hằng nơi Thiên Chúa. Có thể nói, cả cuộc đời con người là một cuộc hiện sinh được chữa lành. Chúng ta đi từ sai lầm này đến tội lỗi khác, từ ảo tưởng này đến ảo vọng kia. Nhưng chính kinh nghiệm vấp ngã sẽ giúp bạn hiện hữu ngày một tràn đầy hơn.

Đến đây, chúng ta tiếp tục quay lại vấn nạn ban đầu: sa ngã, tội lỗi có gắn liền cuộc sống chúng ta?

Thánh Augustino đã giải thích có một thứ Tội Hồng Phúc. Nói cách khác, tội là cơ may giúp bạn đến gần Thiên Chúa. Đúng hơn, khi ý thức về tình trạng tội lỗi của mình, con người càng được chữa lành trong ân sủng Chúa. Khi ý thức về sự bất lực của mình, con người càng bám chặt vào Chúa. Mỗi lần sa phạm tội, là mỗi lần chúng ta khoét sâu vực thẳm ngăn cách giữa mình với Thiên Chúa. Nhưng khi biết mở rộng lòng ra, chúng ta lại được Chúa thương chữa lành. Quả thật, *tội lỗi đã tạo ra một vết thương có tác dụng tốt. Chúa cho phép nó xảy ra để Ngài có thể tìm được con đường đi vào tâm hồn chúng ta.*⁷ Mỗi dịp sa sẩy, là mỗi dịp nhận ra mình yếu đuối và học bài học khiêm nhường. Cha thánh Biển Đức có lý khi mời gọi các đan sĩ bác một nhịp cầu đến Thiên Chúa qua 12 bậc khiêm nhường. Có thể nói, tội lỗi và Lòng Thương Xót làm nên mâu nhiệm mà mỗi ngày đan sĩ chân tu không ngừng tâm niệm.

Nếu như hiện hữu ảo tách con người xa lìa Thiên Chúa thì tình trạng đồng hiện hữu lại giúp con người giao hòa với Người và mở ra với tha nhân.

1.1.3. Đồng hiện hữu

Con người đã sống là sống với. Quả thật, con người không thể sống mà không nhờ một ai khác. Tương quan liên vị trở thành yếu tố sống còn của một hiện hữu nhân vị.

Nhưng ngày nay, nhờ tiến bộ của công nghệ thông tin, con người có thể nghe tiếng nhau, nhìn mặt nhau mà không thể đụng chạm nhau vì mỗi người là một thế giới, mà nói như linh mục Thiện Cẩm là sự hiện diện vắng mặt. Quả thật, *“thế giới tuy đầy dẫy sự vật, nhưng thực ra lại trống rỗng, bởi vì sự vật đã làm đông đặc các tâm hồn, khiến chúng ta khó có thể gần gũi cảm thông. Thế giới hiện đại đã vật chất hóa con người, khiến cho sự hiện diện của ta cũng chỉ còn là một sự có đấy như một cái bóng, cái hình, chứ không phải là bản thân ta”*.⁸ Thật vậy, con người có thể dành cả vài tiếng đồng hồ để có thể nhìn mặt và trao đổi trên màn hình mà bên cạnh nhà có người đang hấp hối lại không hay biết. Điều này phản ánh một thái độ duy tâm,⁹ thờ ơ với thực tại quanh ta.

Bởi đó, sự hiện diện đích thực là hiện diện của toàn vẹn con người với tất cả năng lực bản thân để yêu thương, chia sẻ, để sống và hiện diện bên nhau.

Chúng ta không ngạc nhiên khi thấy rằng các triết gia hiện sinh hữu thần như Gabriel Marcel, Karl Jasper... đều khẳng định: *yếu tính của hiện hữu là tình yêu*. Nói cách khác, tình yêu

⁷ Henri Boulad, *Tất cả là ân sủng*, người dịch Phạm Quốc Huyền, Nxb Tôn Giáo, tr.226.

⁸ Thiện Cẩm, *Chúa làm người*, tr 27-28.

⁹ Có thể hiểu là những người sống nhiều với ý chí và ý tưởng (thiếu thực tiễn) mà đôi khi lãng quên thân xác đang cần những tương giao đích thực.

nâng đỡ, bao bọc và là “nhót” bôi trơn làm sinh động hiện hữu con người. Đến đây, chúng ta có thể hiểu phần nào câu nói của thánh Têrêsa HÐGS: *Trong lòng Giáo Hội, tôi sẽ là tình yêu*. Thật ra, câu khẳng định này chỉ nhắm đến ơn gọi của thánh nữ trong Giáo Hội; tình yêu, trái tim, một bộ phận trong toàn Thân Thể mầu nhiệm. Còn tình yêu ở đây, gồm tóm cả hiện hữu con người mà thánh nhân khát khao là con tim trung tâm của hiện hữu Giáo Hội.

Một lần nữa, chúng ta nhắc đến lòng khao khát, là dịp tốt để chúng ta xác tín hơn câu nói của thánh Augustinô: *khát khao là chiều kích hiện hữu nền tảng của con người*.¹⁰ Câu nói này một khi được đặt trong quan niệm của các triết gia hữu thần: yếu tính của hiện hữu là tình yêu, chúng ta sẽ thấy rằng điểm đi và điểm đến của mọi khát khao của con người là tình yêu; nói cách khác, tình yêu là điểm qui chiếu của mọi hiện hữu con người, là tiếng nói và biểu hiện thường hằng của một tâm hồn sống khát khao tình yêu thực sự.

Nếu như sống tình yêu là sống chiều kích thiên đàng thì tại sao lại có kẻ bảo: tha nhân là hỏa ngục. Xem ra, đồng hiện hữu nhưng lại loại trừ nhau. Xét cho cùng, ai quan niệm như thế, chính hiện hữu của bản thân là hỏa ngục cho họ. Nhưng thực tế cho thấy, cách nào đó, tất cả chúng ta đều đã trải qua kinh nghiệm này trong tâm hồn. Đúng thế, mỗi lần phạm tội, chúng ta là thù nghịch cho chính mình, cho tha nhân và tất nhiên, cho Thiên Chúa nữa. Sự giằng co quyết liệt trong mỗi quyết định chọn Chúa hay chọn “bản thân” là một lần con người trải nghiệm: tình yêu không phải là tiếng nói của hữu thể ta. Và nói như thánh Phaolô, tội vẫn ở trong ta (x. Rm 7,20). Hỏa ngục ấy như một thứ hỗn mang tiếp tục bao trùm lên đời sống của con người, cho đến khi mỗi người tự khêu gọi lại lòng khát khao hướng về Thiên Chúa. Dù sao trong chúng ta vốn chất thiện vẫn còn đó. Ấy là dấu hiệu sự hiện diện còn lại của Thiên Chúa trong tâm hồn. Chắc chắn, Người không bỏ rơi chúng ta. Người vẫn ngóng chờ như người cha trong dụ ngôn, tỏ ra bất lực nhưng hy vọng một ngày chúng ta lại nhận ra tình yêu thương của Người. Như thế, Người để chúng ta hoàn toàn tự do quyết định và chịu trách nhiệm mọi hành vi của mình. Tự do đích thực là chọn Chúa và sống tình yêu thương trong mọi tương quan nhờ đó mà đi vào chiều kích dài rộng cao sâu của tình yêu Chúa. Như thế, tình yêu và hiện hữu là một trong Thiên Chúa.

Ơn gọi của con tim

Tôi không biết mình đã sinh ra từ đâu, từ những mảnh ghép của các thiên thể hay một sự tích tụ nào của thiên nhiên. Nhưng tôi cảm nhận một Sức Mạnh từ bên ngoài và bên trên tôi, đã kéo tôi ra và đặt trong một không gian thuận lợi nhất nơi lòng ngực con người. Đây là một thuận lợi nhất vì tôi được đặt làm trung tâm mà mọi ngõ ngách và mọi con đường đều qui về tôi. Mọi sự đều hướng về tôi, mọi con đường đều qui về tình yêu.

Không biết từ khi nào, tôi đã là biểu tượng của tình yêu. Có thể vì tôi ban phát máu một cách nhưng không và quả thật tôi cũng nhận nhưng không.

Máu là biểu hiện của sự sống, cũng có lẽ vì thế, tôi là yếu tính của hiện hữu. Tôi không chỉ làm cho con người sống mà còn sống dồi dào. Vì theo thánh Phaolô không có gì cao cả hơn tôi, linh đạo của con tim. Nhưng tôi không tự mình mà có, tôi còn suy phục một Đấng trên tôi, Người đã ban cho tôi hiện hữu. Như thế, tôi được mệnh danh là tình yêu vì kết hợp với Người là Đấng Tình Yêu.

¹⁰ Anselm Grun, *Hãy mở giác quan bạn cho Thiên Chúa*, Nxb Phương Đông, tr 71.

Tôi tự hỏi mình là gì trong Thân Thể mầu nhiệm, tình yêu là gì trong linh đạo tâm linh và tự hiến là gì trong tình yêu Thiên Chúa. Cho đến một ngày mũi tên say đắm bắn trúng con tim hồng, tôi mới hiểu con tim phải chết đi cho Tình Yêu lên tiếng và rồi Chúa đã phục sinh trong tôi. Con tim lại tiếp tục đổ máu và nước đến giọt cuối cùng cho Giáo Hội được phong nhiêu. Thật tuyệt vời! Con tim và Giáo Hội đồng hiện hữu.

1.2. Ngũ quan

Ở đây, chúng ta giới hạn nơi giá trị của các giác quan. Không có gì bên ngoài có thể vào được bên trong con người mà không qua cửa giác quan. Chân lý này giúp ta ý thức tính tự chủ của bản thân, nghĩa là chủ động chọn lọc những gì sinh ích và mang lại ý nghĩa thực sự cho đời sống.

1.2.1. Thị giác và vẻ đẹp

Chúng ta có thể nhìn mọi sự trên thế gian này, tuy nhiên, không phải mọi cảnh chúng ta chứng kiến đều sinh ích cho linh hồn ta. Người đời có tầm nhìn khác với một kitô hữu hay một kitô hữu lại khác với một người sống đời thánh hiến. Sự khác biệt không tùy thuộc hình dáng của con mắt nhưng hệ tại bậc thang giá trị mà mỗi người sống. Xét ngay trên cùng một sự kiện do hai người mục kích, việc mô tả hoàn toàn khác nhau. Như thế, chúng ta đã rõ do thiên hướng của mỗi người mà có sự khác biệt. Nói cách khác, mắt chúng ta chỉ “thấy” những gì chúng ta cần quan tâm. Biết bao người sống tại khu ô chuột Calcutta, nhưng không phải ai cũng có hướng nhìn như Mẹ Têrêsa, mẹ nhận ra Chúa Giêsu nơi người bất hạnh.

Nhờ ánh sáng, chủ thể khả dĩ nhìn thấy được vẻ đẹp của thực tại trước mắt. Có ba loại ánh sáng, đồng thời cũng giúp ta nhận ra ba cấp độ vẻ đẹp. Với *ánh sáng tự nhiên*, con người có thể thấy rõ ràng và cảm thương một người bất hạnh. Với *ánh sáng tinh thần*, bạn có thể nhận ra và tôn trọng con người khốn khổ này với tất cả giá trị nhân phẩm và nhân vị. Trong *ánh sáng đức tin*, chúng ta có thể nhận ra Chúa Giêsu nơi họ.

Như thế, chúng ta có thể ghi nhận ba cấp độ vẻ đẹp: *hiện hữu, bản chất* và *tự tại*. Thật vậy, với *vẻ đẹp hiện hữu*, thực trạng con người được phô diễn qua chính thái độ, hành động... của chủ thể. Cụ thể, bạn nhìn thấy một người xấu số đang nằm trên đường. Với *vẻ đẹp bản chất*, bạn có thể khám phá ra chính giá trị nhân phẩm của một con người như họ là. Và trong *vẻ đẹp tự tại*, chúng ta xác tín rằng họ cũng mang hình ảnh Thiên Chúa, hơn nữa, họ là hiện thân của Ngài.

Tựu trung, với ba loại ánh sáng khác nhau, chúng ta có thể khám phá ra ba cấp độ vẻ đẹp, từ đó, chúng ta có cách xử sự thích đáng cho từng hoàn cảnh của con người cụ thể.

Mỗi người chúng ta thường dễ xúc động khi đứng trước một cảnh thương tâm, cho dù một người xa lạ. Lòng trắc ẩn ấy như “mầm thiện” được Thiên Chúa gieo sẵn trong lòng người. Tuy nhiên, từ những yếu tố ngoại lai, hơn nữa, do “vết sẹo” của Tội nguyên tổ, đã làm lưu mờ cách nào đó nét đẹp của hình ảnh Thiên Chúa trong mình. Để mắt chúng ta có thể nhìn thấy như chính mắt Chúa vậy, chúng ta không phải rửa mắt bên ngoài nhưng thanh luyện bên trong hầu xứng đáng nhận lời chúc phúc của Chúa: “*Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch, vì họ sẽ được ngắm nhìn Thiên Chúa*”. Thật thế, mắt của người có lòng trong sạch chỉ tha thiết chiêm ngắm những gì thuộc thể giới thần thiêng và nếu có nhìn vạn vật, họ cũng nhận ra dấu tích về sự hiện diện của Thiên Chúa.

Thi sĩ Goethe đã phát biểu thật thú vị về thực tại con người: “*Con người sinh ra để nhìn và được tác tạo để chiêm ngắm*”. Như thế, cặp mắt trở thành cửa sổ của tâm hồn, thành cửa ngõ cho mọi vẻ đẹp đi vào tận bên trong. Có ba cách nhìn và đánh giá thực tại chi phối chủ thể. Thật

vậy, có người nhìn chỉ để nhìn, họ đi dạo phố cho vui mắt, xem đèn chớp nháy cho yêu đời, thể thôi ! Mỗi cái nhìn đều gắn liền với một động lực nào đó. Chẳng hạn, họ ngắm nhìn vẻ đẹp một người với ý thức muốn tìm hiểu và học hỏi nơi nhân cách cao đẹp của họ. Cũng có cách nhìn do *khuyh hướng đam mê*, nghĩa là cũng cùng một sự kiện nhưng có những tâm tình khác nhau. Với một người bình thường, họ có thể ngắm nhìn sa mạc như một nơi chết chóc không sức sống (người tiêu cực), hay với người khác, sa mạc là nơi trú ngụ của ma quỷ (người ám ảnh), hoặc với một thi sĩ Công giáo, sa mạc lại trở thành nơi con người gặp gỡ Thiên Chúa (người có trực giác siêu nhiên)... Tựu trung, ánh nhìn phản ánh chính nội tâm con người.

Xét ở cấp độ cái nhìn như cách để *chiêm ngắm*, chúng ta có thể ghi nhận công lao khám phá của các triết gia, cách riêng Platon, người đã khám phá ra trực giác của con người về một thế giới Ý Tưởng. Thật vậy, với người Hy Lạp, Thượng Đế thiết yếu là Đấng phải được chiêm ngắm. Dường như Thượng Đế cũng đặt để khả năng và *khuyh hướng* ấy nơi con người. Để diễn tả thực tại này, triết gia Platon đã mượn những hình ảnh trong thần thoại Hy Lạp nhằm làm sáng tỏ nguồn gốc con người từ thế giới trên cao và hằng chiêm ngắm Thực Tại ấy. Theo nhân quan Ki tô giáo, đây là một cách diễn tả tương quan giữa Thiên Chúa và con người. Và nói theo thánh Gioan: “Ngôi Lời hằng ở nơi cung lòng Chúa Cha...” Như thế, chiêm ngắm Thiên Chúa đã là phần tất yếu của đời sống con người, xét về mặt tâm linh.

Ngoài ra, cũng một ánh nhìn nhưng lại có ba cách qui hướng: *bản thân, tha nhân* và *Thiên Chúa*. Chẳng hạn, đứng trước một thất bại, người này có *khuyh hướng* qui về bản thân, nghĩa là dễ dàng phản tỉnh để nhận ra những sai lầm của mình; trong khi đó, người kia lại quay sang đổ lỗi cho tha nhân bằng bất cứ cách nào; hoặc người khác nữa lại qui về cho Thiên Chúa, đồng thời, nhận ra thất bại ấy như cách Người giáo hóa mình trong cuộc sống hằng ngày hầu giúp tăng triển hơn trong đời sống tâm linh.

Để kết luận phần này, xin gọi lên một tư tưởng được ghi lại trong Tin Mừng thánh sử Luca: “*Toàn thể dân chúng kéo đến xem cảnh tượng ấy. Khi thấy mọi sự việc đã xảy ra, đều đấm ngực trở về*” (Lc 23,48). Câu nói này được ghi lại trong bối cảnh Chúa Giêsu chịu đóng đinh trên Núi Sọ. Qua đó, tác giả nêu bật thái độ chân thành của người xem thấy cảnh tượng ấy: *đấm ngực trở về*. Chính tác động thống hối là thành quả của việc chiêm ngắm. Nói cách khác, chiêm ngắm giúp đạt đến ơn cứu độ. Có thể nói, đó là cứu cánh của con mắt mà Thiên Chúa muốn hướng con người đạt đến ngay từ đầu. Như thế, vẻ đẹp mà con mắt hướng tới ở đây, là thập giá Đức Kitô. Khi chiêm ngắm, con người nhận ra chính mình là người cáo buộc Đấng vô tội; đồng thời, nhận ra tình yêu của một Thiên Chúa làm người, cùng xác tín rằng tôi sẽ được cứu độ và phục sinh với Người.

1.2.2. Miệng và lời tạ ơn

Xét trên bình diện sinh lý con người, miệng cũng là cửa giúp đưa thức ăn vào nuôi cơ thể. Nó giúp ta duy trì và phát triển toàn diện con người. Nếu chúng ta xác tín với thánh Irênê rằng *vinh quang Thiên Chúa là con người được sống* thì việc thức ăn ấy giúp con người sống và sống dồi dào lại chẳng vinh quang ư ? Chính những thứ ấy Thiên Chúa ban cho con người và miệng của ta nhận lấy chúng như hồng ân sự sống. Cũng từ đây phát sinh lời tạ ơn.

Đứng trước một vẻ đẹp, chúng ta thường có hai thái độ tích cực: một là thanh lặng chiêm ngắm và hai là cất tiếng tạ ơn. Như thế, cảm xúc của con người cũng được diễn tả qua các giác quan đặc biệt là qua cửa miệng. Thánh vương David thật chí lý khi nói: “*Lạy Chúa Trời, xin mở miệng con, cho con cất tiếng ngợi khen Ngài*” (Tv 50,17). Nhưng xuất xứ của thánh vịnh này được hình thành sau khi nhà vua phạm tội, như thế, lời tạ ơn, lời ngợi khen được mặc một tâm tình mới: vì đã cảm nghiệm được Thiên Chúa thứ tha. Xét cho cùng, đây cũng là vẻ đẹp của Lòng Thương Xót, đáng thánh vương phải dành cả đời để cất tiếng ngợi khen.

Có thể nói, lời tạ ơn là thứ ngôn ngữ đẹp nhất mà con người có thể dùng để sống tương quan với một Đấng trên cao. Nếu như con người được sinh ra để trở thành lời ca khen Thiên Chúa thì miệng là nơi phát xuất những tâm tình tri ân. Tác giả Thánh Vịnh đã dạy rằng: *Kẻ dâng lời tạ ơn làm hy lễ, sẽ làm hiển danh Ta*. Tuy nhiên, lời tạ ơn đáng Thiên Chúa chấp nhận không hề tại ở môi miệng nhưng chân thật tự đáy lòng. Và khi Người đón nhận lời tạ ơn của con người, không có nghĩa Người cần nó như thể Người thiếu sự gì nhưng vì đó là chứng tích của một tình yêu.

Chúa Giêsu dạy rằng: *Hãy làm hòa trước khi dâng lễ vật*. Như thế, lời tạ ơn dâng lên Người chỉ có ý nghĩa khi chúng ta biết nói lời xin lỗi với người anh em. Lời này rất tốt đẹp vì nó giúp xây dựng tình thân. Lời này phát xuất từ *tấm lòng tan nát khiêm cung* đáng Chúa thương chấp nhận và chữa lành.

Trong khi đi tìm câu trả lời cho vấn nạn: *Đâu là cứu cánh tính của cái miệng ?* hoặc: *Đâu là ý muốn của Thiên Chúa khi ban cho con người cái miệng ?* thì chúng ta tiếp tục dùng miệng để dâng lời tạ ơn và tri ân tự đáy lòng.

1.2.3. Thính giác và tiếng Chúa

Truyện kể rằng có hai người bạn thân đang dạo bước trên một bãi biển, họ trao đổi về những kỷ niệm thời sinh viên. Bỗng một người hỏi: anh có nghe tiếng chim hót không ?

-Không. Anh ấy đáp.

-Tôi nghe tiếng chim hót rất gần đây.

Đi một quãng đường nữa, người kia lại hỏi: anh có nghe tiếng chuông vang vọng không ?

-Không. Anh đáp.

Hóa ra hai người đi với nhau nhưng mang hai tâm trạng khác nhau. Người này nhớ và liên tưởng tiếng chim hót ngày xưa ở quê nhà và cảm giác như nó bên mình. Người kia nhớ lại những ngày đại lễ tiếng chuông của các nhà thờ vang khắp trời. Như thế, tai chỉ là phương tiện để nghe còn nội dung tùy thuộc tình trạng và tâm tình mỗi người trong một hoàn cảnh cụ thể. Chúng ta cũng có thể liên tưởng đến các thể loại âm nhạc ; mỗi loại diễn tả một tâm tình khác nhau và đặc biệt hơn, trong mỗi tác phẩm, nhạc sĩ thổi vào âm nhạc những hơi thở và nhịp sống phản ánh đúng những tâm tư tình cảm của con người. Mà Thiên Chúa đã ban cho mỗi người có một đôi tai để lắng nghe và cảm nhận từng nhịp đập của con tim trong muôn ngàn âm thanh vô lối.

Thánh Giáo Phụ Biển Đức đã lưu ý các môn sinh: *lắng tai lòng nghe lời cha hiền khuyên nhủ*. Như thế, có một thứ tai nội tâm. Nó diễn tả chiều sâu hiện hữu của con người. Thái độ thành khẩn và sẵn sàng là nét đẹp của con người nội tâm biết lắng *tai lòng* mà nghe tiếng Chúa mời gọi trong từng khoảnh khắc cuộc đời. Với đôi tai thể lý, chúng ta có thể nghe rất nhiều lời mời gọi trong cuộc sống nhưng chỉ có thứ tai nội tâm mới khả dĩ phân biệt lời Chúa và ý muốn của Ngài.

Sống trong thời hậu hiện đại, chúng ta chịu nhiều áp lực của các loại âm thanh từ nhiều phía. Phần lớn, chúng tạo sự kích động khiến con người trở nên vội vã, hời hợt... Con người mất dần sự tĩnh lặng để dễ dàng trở về với lòng mình. Đây là một thách đố lớn trong đời sống nội tâm. Như thế, lời cảnh báo của thánh Biển Đức vẫn mang tính thời sự: mỗi người cần *lắng tai lòng* để có thể tiếp xúc với những chiều kích thần thiêng mang lại sự bình an nội tâm và niềm vui thỏa cho tâm hồn.

Nghe liên quan đến cảm xúc của mỗi người. Chúng ta dễ xác thực điều này khi tiếp xúc với các loại hình âm nhạc. Một người lính đang cầm súng chiến đấu mà nghe những loại nhạc “đỏ” thì không thể nào ra quân được. Những tình cảm của bà mẹ quê, của người yêu đang chờ đợi họ... sẽ làm chùn chân các chiến sĩ. Trái lại, những bài hát mang khí thế của một thời chiến tranh oanh liệt và thành công oai hùng sẽ giúp các chiến sĩ chiến đấu can trường hơn. Quả thật,

âm nhạc tự nó có một sức điệp gởi đến người nghe. Một bản hòa tấu không lời với sự kết hợp cách nào đó của những nốt nhạc trầm bổng cộng thêm những nét tiết tấu khác nhau lại tạo nên những cảm xúc khác nhau nơi người nghe. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở việc gợi hứng cảm xúc của âm nhạc thì chúng ta vẫn còn trong vòng luân quần của những cảm giác lâng lâng nhất thời. Thật vậy, khi nghe một bản nhạc về tâm sự của một người con mất mẹ mà chúng ta chỉ diễn tả qua những xúc động đến chảy nước mắt thì đó là một cảm xúc thật nhưng đó chưa phải là chủ đích của các nhạc sĩ. Qua tác phẩm ấy, họ muốn gởi đến bạn thông điệp: *Ai đang còn mẹ hãy trân trọng những gì mình đang có; ai đang làm mẹ hãy yêu thương những đứa con mình mang nặng đẻ đau, lỡ một ngày mất đi, người ta không mang theo sự ngậm ngùi đau xót...*Như thế, thông điệp ấy phải giúp người nghe đi đến hành động, đó là thành công của một tác phẩm.

Lại nữa, chúng ta đang sống trong một thế giới tràn ngập thông tin, nếu không có một thái độ tỉnh thức, nghĩa là chọn lọc và nội tâm hóa¹¹ thì nó sẽ chi phối mọi cảm xúc con người. Khi nghe tin một nhà tỷ phú thất cổ tự tử mà chúng ta chỉ qui kết một điều: *đồ ngốc*, thì coi chừng một ngày nào đó, nếu bạn không chết vì tự tử cũng sẽ bán rẻ lương tâm mà trở thành một đại gia « ngốc » nào đó. Chi bằng, hãy lợi dụng sự kiện này mà lượng giá bản thân và ý thức rằng: *con người không phải giàu có mà hạnh phúc*. Từ đó, chúng ta nhận ra mỗi biến cố đều mang theo một thông điệp đến từ Chúa dưới nhãn quan đức tin. Một cú ngã ngựa của thánh Phaolô và việc lắng nghe tiếng Chúa đồng thời đáp trả lời mời gọi, sẽ làm biến đổi một con người.

Ngoài ra, việc lắng nghe còn liên quan trực tiếp đến chất lượng của các môi tương quan.

Thông thường, người ta thường thích nói lên những chứng kiến của mình và chờ sự đồng thuận của người nghe mà ít khi khiêm tốn lắng nghe và mở ra với những điều mới mẻ đến từ người khác và bên ngoài. Thế nên, lắng nghe là cả một nghệ thuật. Đây là việc làm của con tim hơn là đầu óc, là thái độ trao đổi yêu thương hơn là lý luận viển vông.

Truyện kể rằng, một nhà tri thức kia hiếu kỳ khi thấy bác nông dân ngày nào cũng vậy, trước khi ra đồng đều ghé ngang nhà thờ viếng Chúa ít phút.

Ông hỏi: *“Ngày nào bác cũng đến nhà thờ làm gì, sao không để ít phút ấy ra đồng sớm hơn có phải tốt hơn không ?”*

-Tôi đến để gặp Chúa.

-Ông chế nhạo hỏi tiếp: *“Thế Chúa của ông có to không ?”*

-To đến nỗi cả đất trời không chứa nổi, nhưng nhỏ đến nỗi Người ở lại trong trái tim tôi.

Nghe xong lời ấy, nhà tri thức bẻ mặt bỏ đi. Sau này, nhắc lại sự kiện ấy, ông đã thốt lên: *“Những lời của bác nông dân kia khiến tôi phải suy nghĩ nhiều hơn những luận đề khoa học”*.

Quả thật, lời nói có thể qua đi, nhưng với một con tim chân thành tìm kiếm, lời ấy là hạt mầm của sự sống. Mỗi ngày chúng ta nghe biết bao lời nói, song có khi nào tự hỏi: *Chúa muốn nhắn nhủ gì nơi tôi ?* Thiết tưởng, đó là thái độ của đức tin. Mỗi khi nghe với thái độ cởi mở và cầu tiến, chúng ta sẽ nhận được những lời khích lệ chân thành từ những sự kiện xảy ra quanh ta. Thiệp chí của bạn là bước đầu cho ân sủng Chúa lớn lên.

Tương cũng cần nhắc lại thái độ lắng nghe của chúng ta đối với Lời Chúa. Thông thường, chúng ta dễ dàng xem nhẹ việc công bố Lời Chúa vì nghe câu đầu đã đoán và thuộc câu tiếp theo. Điều này dẫn đến việc chú tâm cách đọc, giọng đọc của vị linh mục...mà không để cho Lời Ngài ở lại trong ta. Để Lời Chúa sinh hiệu quả trong đời sống, chúng ta phải ý thức rằng Chúa muốn nói với tôi, chứ không phải chung chung hay cho một ai khác. Bởi đó, chúng ta hiểu tại

¹¹ Nội tâm hóa được hiểu là những gì bên ngoài được ta tiếp nhận như mình là người trong cuộc. Chẳng hạn, thay vì thánh Phaolô nói: vinh dự của chúng ta là thập giá Đức Kitô, ngài lại nói: vinh dự của *tôi* là thập giá Đức Kitô. Đây là cách thức thánh nhân dùng để thiết lập mối tương quan liên vị với Thiên Chúa.

sao Lời Chúa công bố cho hằng trăm người trong nhà thờ nhưng chỉ một mình thánh Antôn được Thiên Chúa đánh động, đem hết tài sản chia cho người nghèo mà quyết tâm sống cho Chúa. Như thế, chúng ta cần tạo không gian cho Lời Chúa thâm nhập và lớn lên, đồng thời nhờ ân sủng mà sinh hoa kết trái là những việc lành hợp theo thánh ý Chúa.

Để kết thúc, xin mượn lời của Anselm Grun, một nhà tâm lý và đồng hành tâm linh người Đức, ông nói: “*Khi cả con người ta tích cực góp phần vào việc lắng nghe, là ta đã để Thiên Chúa đi sâu vào lòng mình, để tiếng nói của Ngài vang dội khắp nơi trong xác hồn ta*”.¹²

1.2.4. Khứ giác và hương thơm

Đối tượng của khứu giác là mùi hương. Mỗi người có một mùi khác nhau. Thế nên, khi mũi bắt được mùi hương quen thuộc, họ liên tưởng đến một đối tượng gắn liền với mùi hương đó. Con người quyến luyến và nhớ nhau cũng nhờ mùi hương ấy. Một khi khứu giác phát huy hết vai trò của mình, nó sẽ tạo những chuỗi tâm lý nơi chủ thể. Con người có thể yêu thích hay ghét bỏ một điều gì đó. Vì thế, con người cần chọn lựa những mùi hương nào giúp xây dựng bản thân mình nên tốt hơn. Chẳng hạn, hít thở những kỷ niệm đẹp của ai đó để nuôi dưỡng tình thân trong hiện tại.

Người xưa có câu: *hữu xạ tự nhiên hương*. Hương ấy không dừng lại ở mùi hương mà nhắm đến sự tốt lành của chủ thể. Hương thơm của nhân đức chỉ có *mũi bên trong* mới có thể tiếp nhận được. “Tần số” mà mũi chúng ta có thể nhạy bén và dễ dàng tiếp nhận được tùy thuộc vào những hiểu biết và ấn tượng của ta về đối tượng ấy. Điều này chúng ta càng dễ nhận ra nơi khả năng khứu giác của người mù.

Bạn nghĩ sao khi thánh Phaolô khẳng định: *chúng ta là hương thơm của Đức Kitô* ? Như chúng ta đã nói hương thơm gắn liền với một ai đó, thế mà chúng ta lại là hương thơm của Đức Kitô. Bởi đó, chính Đức Kitô là chủ thể tỏa hương thơm; còn hiện hữu của chúng ta tùy thuộc vào Người. Từ đó, chúng ta mới hiểu câu nói khác của thánh nhân: *chúng ta có sống là sống cho Chúa*. Điều này có thể được giải thích rằng hương thơm mà chúng ta được thấm đượm là tinh thần của Đức Kitô.

Xét cho cùng, khứu giác mà Chúa ban cho mỗi người để chúng ta có thể nhận ra hương thơm đến từ Người. Và những gì được coi là hương vị trần gian cũng nhờ chúng ta mà qui hướng về Chúa.

1.2.5. Xúc giác và cuộc tiếp xúc

Chúng ta có thể học nhiều điều từ cuộc tiếp xúc giữa thánh Gioan và Chúa Giêsu. Quả thật, tất cả các Tông đồ đều sống đồng thời với Người nhưng không phải ai cũng có kinh nghiệm về Một Thiên Chúa giống nhau. Mở đầu thư thứ nhất, thánh Gioan viết: “*Điều vẫn có ngay từ lúc khởi đầu, điều chúng tôi đã nghe, điều chúng tôi đã thấy tận mắt, điều chúng tôi đã chiêm ngưỡng và tay chúng tôi đã chạm đến, đó là Lời Sự Sống...*” (1 Ga 1,1) Có thể nói, kinh nghiệm này đã thu hút mọi giác quan của thánh nhân trong cuộc tiếp xúc. Tuy nhiên, chúng ta chỉ khai thác đến xúc giác của ngài, đó là một cuộc chạm đến chính Đức Kitô. Trong Tin Mừng thứ tư, vị Tông đồ Chúa yêu cũng diễn tả kinh nghiệm này bằng hình ảnh biểu tượng “*tựa vào ngực Chúa*”. Như thế, ngài muốn chứng minh cách nào đó, mình là Tông đồ Chúa yêu. Phải chăng có mình ngài là vị Tông đồ được Chúa yêu ? Chắc hẳn là không, vì Thiên Chúa không thiên vị ai, Người tỏ ra nơi mỗi người một cách. Vậy, chúng ta phải hiểu sao về mặc khải này ?

Như chúng ta đã biết, tác giả Tin Mừng thứ tư tường thuật rằng Chúa Giêsu chối Mẹ Ngài cho thánh Gioan. Theo giải thích đáng tin cậy nhất hiện nay, thánh nhân thay mặt cả nhân

¹² Anselm Grun, *Hãy mở giác quan bạn cho Thiên Chúa*, Nxb Phương Đông, tr.105.

loại để nhận lời chối này, nghĩa là rước Mẹ về chung sống. Cũng thế, trong bữa tiệc ly, việc thánh Gioan tựa mình vào ngực Chúa, cách nào đó cũng thay mặt nhân loại để diễn tả mối tình của một con người với Thiên Chúa. Thật vậy, trong một cuốn luận văn của tác giả Lê Minh Thông, sau khi đã tra cứu ngọn nguồn xem ai là vị *Tông đồ Chúa yêu*, cha kết luận: thánh Gioan không phải là vị Tông đồ ấy, cũng không xác định rõ là ai. Lời khẳng định cuối cùng của cha là: vị Tông đồ Chúa yêu ấy có thể là hình ảnh của mỗi người chúng ta. Với đức tin, chúng ta có thể xác thực điều ấy, vì Thiên Chúa yêu thương mọi người, nên việc tựa vào ngực của Người là một cử chỉ yêu thương mà Người dành cho bất cứ một ai. Như thế, với xúc giác và đôi tay của những vị Tông đồ xưa đã được nối dài bằng hiện hữu của mỗi người chúng ta. Cuộc tiếp xúc sẽ không bao giờ ngơi nghỉ vì tình yêu không có điểm dừng. Một Thiên Chúa không yêu là một hỏa ngục. Một con người không yêu là một cách nói khác của hỏa ngục.

Ngoài ra, sự đụng chạm của giác quan cũng giúp tăng đức tin cho chủ thể. Điều này được minh chứng trong trường hợp thánh Toma tông đồ. Sau khi nghe tin Chúa phục sinh từ các Tông đồ khác, ông không tin, ông đòi phải chính tay mình chạm đến Chúa. Ông đã được toại nguyện. Sau khi đã chạm vào những vết thương ấy, ông đã thốt lên: "*Lạy Chúa của con, lạy Thiên Chúa của con*" (Ga 20,28). Lời tuyên xưng ấy không chỉ mang lại ý nghĩa cho cuộc đời của thánh nhân mà còn chứng thực cho cuộc phục sinh của Đức Kitô. Một lần nữa, chính giác quan giúp tăng cường đức tin trong đời sống.

Tóm lại, mọi kinh nghiệm trong cuộc sống đều nhờ giác quan. Khẳng định ấy không loại trừ kinh nghiệm về Thiên Chúa, thế nhưng, giác quan chúng ta không thể nắm bắt trực tiếp thực tại siêu nhiên. Nếu mọi sự được ban cho ta đều nhắm đạt đến ơn cứu độ thì giác quan của con người nhắm một vai trò không thể thay thế trong hành trình tâm linh. Nhưng dù sao, giác quan của con người chỉ mang tính phương tiện, nó giúp ta đạt đến những thông điệp và thực tại cao hơn nó. Và thái độ nội tâm của chúng ta mới quyết định cho những kinh nghiệm mà chúng ta cảm nhận khi tiếp xúc với vạn sự. Còn đó những con mắt nội tâm, đôi tai lòng... tất cả đều nhằm xác thực một điều: *mỗi giác quan đều đóng một vai trò không thể thiếu đối với những ai đi tìm ý nghĩa của cuộc sống.*

1.3. Những năng lực tinh thần

Ngay từ đầu, Thiên Chúa đã đặt để trong lòng mỗi người những năng lực tinh thần thiết yếu giúp con người sống có ý nghĩa và tìm đến Ngài. Những tiềm năng này cần được chúng ta khai phá mỗi ngày, và nhờ tâm tính riêng biệt mà chúng có cách thức thể hiện khác nhau làm nên tính độc đáo của mỗi nhân vị.

1.3.1. Lý trí và sự thật

Lý trí thuộc phần trí hiểu nơi con người. Mà trí hiểu tùy thuộc khuynh hướng tiếp nhận của chủ thể. Trong khi đó, khuynh hướng tiếp nhận ấy lại thuộc phần năng khiếu trong mỗi người. Nói cách khác, chính đam mê của mỗi người sẽ giúp xác định đối tượng nhằm phát huy tối đa năng lực lý trí.

Lê-nin đã phát biểu rằng: "*Học, học nữa, học mãi*". Đây là công việc chúng ta phải thực hiện cả đời. Điều này không thể gián lược vào những năm học tại mái trường, nhưng chúng ta phải học mỗi ngày từ chính kinh nghiệm sống. Tuy nhiên, không phải sự gì chúng ta cũng ôm vào, vì như thế, có thể dẫn đến quá tải, căng thẳng... Chúng ta cần khám phá khuynh hướng đam mê của mình. Đó là cơ hội giúp ta phát huy triệt để năng lực bản thân. Quan sát thực tế cho thấy, có người thiên hướng âm nhạc, có người yêu thích khoa học, có người hướng chiều chính trị... Chúng ta cần xác định rõ khuynh hướng này nhằm đặt mục tiêu cho cuộc sống.

Ở đây, chúng ta thấy sự phối hợp giữa chỉ số thông minh và chỉ số đam mê. Nếu chỉ số thông minh là vốn sẵn có mà Thiên Chúa định cho mỗi người thì chỉ số đam mê lại là khuynh hướng bẩm sinh nhắm về một đối tượng đam mê. Đúng thế, chính khi chúng ta dùng trí thông minh để gia tăng kiến thức thì chúng ta cần biết bản thân tiếp nhận kiến thức loại nào, vì không ai là “cuốn bách khoa tự điển”. Và cho dù, những người có nhiều tài năng cách nào đó, nếu không biết khai thác chính đáng ưu thế của mình cũng rất khó thành công. Người xưa thật chí lý khi nói về họ: “*Một nghề thì sống, đồng nghề thì chết*”. Nghĩa là biết rất nhiều nhưng không biết sự gì cách tỏ tường. Bởi vậy, kinh nghiệm những bậc đại tài cho thấy mọi thời người ta cần chuyên môn hóa, nghĩa là tập chú vào một mục tiêu duy nhất; có thể, con người mới đủ sức để tiến xa và tiến mạnh trong đời sống.

Lý trí con người rất kỳ diệu, nó có thể tiếp nhận bất cứ triết lý nào, nhưng chỉ khi chủ thể ý thức chọn lọc những gì ích lợi cho đời sống, mới giúp đời sống tiến bộ và hoàn thiện. Một lần nữa, chúng ta nhắc lại bậc thang giá trị của mỗi người. Có thể nói, nó chiếm vai trò quyết định cho sự tiến bộ của chủ thể. Nếu bạn là một tu sĩ, chắc hẳn, bạn sẽ tránh tiếp cận với những đường hướng chính trị chẳng hạn, vì đó là điều Giáo hội khuyến cáo cho những tu sĩ. Tất nhiên, bạn có thể tiếp cận vấn đề này để hiểu biết đường lối nhà nước chứ không phải biến mình trở thành một “chân” trong hoạt động chính trị.¹³ Như thế, khi chọn đời sống dâng hiến, bạn phải xác định bản thân có thể phát huy mặt nào hầu giúp bản thân tiến triển sâu rộng trong toàn bộ đời sống, nhất là đời sống tâm linh và căn tính của dòng tu. Như chúng ta đã biết, cha Teihard de Chardin với nỗi đam mê khảo cứu khoa học xem ra rất đời thường, nhưng nhờ phối hợp với đời sống kỷ luật dòng tu mà ngài có thể chu toàn nhiệm vụ với tư cách một tu sĩ phục vụ Giáo hội và một nhà khoa học phục vụ xã hội.

Qua kinh nghiệm thực tế của vị tu sĩ này, chúng ta có thể rút ra vài qui tắc:

-Xác định rõ căn tính của mình: là một kitô hữu, một tu sĩ...

-Xác định đam mê chủ đạo như một “nghề” đi theo mình suốt đời.

Ngoài ra, nếu không có qui tắc hướng dẫn cho lý trí của mình để dẫn đến duy lý mà không giúp chủ thể đạt đến sự thật là đối tượng cao nhất của tinh thần. Với trí thông minh xuất chúng, con người có thể thao thao bất tuyệt về một chủ đề nào đó mà không rõ mục đích của mình. Họ có thể nói rất hay về cách pha chế một loại rượu với những chất liệu phức tạp và mùi hương phong phú, song, người khác chẳng hiểu gì, mãi đến khi cho mọi người nếm thử thứ rượu ấy, họ mới cảm nghiệm sự tuyệt vời của những phối hợp độc đáo giữa nhiều chất liệu và mùi hương. Bởi đó, rượu ngon phải được uống thật và thực tại phải được con người đắm nhận và sống. Đó là cứu cánh của lý trí. Nói cách khác, đó là ý muốn của Thiên Chúa khi ban cho con người một lý trí. Chúng ta có thể lý luận rất logic và hay ho về những luận đề Thần học nhưng nó chỉ có ý nghĩa khi giúp cho bản thân và các tín hữu đạt đến chính Chúa. Chính kinh nghiệm đụng chạm đến Thiên Chúa cho thấy lý trí con người có thể đạt đến Sự Thật cách nào đó.¹⁴

Xét cho cùng, theo nhãn quan đức tin, Thiên Chúa đã ban cho mỗi người một mức độ thông minh và trí phán đoán nhạy bén nào đó, cùng một khuynh hướng đam mê giúp bạn sống sứ mạng của mình trong cuộc hiện sinh này. Nói cách khác, với những gì Người ban

¹³ Thế nên, sự hiểu biết, ở đây, chỉ nhắm đến việc đối thoại, hơn là một đam mê giúp phát huy vai trò của mình trong một cộng đoàn cụ thể.

¹⁴ Tất nhiên, chúng ta không phủ nhận chiều kích đức tin và ân sủng, nhưng xét trên lý trí thuần túy nếu biết phối hợp với lý trí thực tiễn sẽ giúp con người chạm đến Thực Tại lớn hơn bản thân mình. Ngay cả lý trí tự nhiên, nếu không suy phục một chân lý khách quan thì không thể đạt đến Sự thật mà cứu cánh của lý trí đích thực tiếp nhận. Bởi đó, lý trí cần suy phục “Sức mạnh trên cao”.

đều nhằm giúp mỗi người phát huy vai trò “ngôn sứ” trong đời sống hiện tại. Bởi vì, mỗi người là một nét đẹp phản ánh vinh quang Thiên Chúa, cần được chiếu tỏa cho nhân loại tỏ tường.

1.3.2. Ý chí tự do và sự thiện

Tự do của con người thật cao cả ! Nó có quyền khước từ Thiên Chúa hoặc tiếp nhận Người như Sự Thiện Tuyệt đối. Trong khi đó, Thiên Chúa chỉ có khả năng duy nhất là yêu thương con người. Người không thể chọn sự dữ chỉ vì Người là Sự Thiện Tuyệt đối. Chính khi con người có thể khước từ hoặc tiếp nhận Thiên Chúa mà Người trở nên phần thưởng cho những bậc tín trung.

Ý chí của con người ra suy đồi do ảnh hưởng của Tội nguyên tổ. Thế nên, thay vì chỉ hướng về Thiên Chúa, nó lại dễ sa phạm tội vì qui hướng về bản thân và vạn vật ngoài Thiên Chúa. Vạn sự đều tốt đẹp nhưng một khi nó được coi là cùng đích, nó sẽ nên rào cản cho bước tiến của con người.

Tuy nhiên, tội đã trở thành tội hồng phúc khi con người khám phá ra tình yêu Thiên Chúa dành cho mình ngay khi bản thân là một tội nhân. Mỗi lần khám phá ra sự bất toàn của mình, nó lại làm vực dậy nỗi khát khao nên hoàn thiện trong mình. Mỗi lần hoán cải sau những thất bại, nó lại làm cho sự thiện lớn lên. Quả thật, lòng khiêm tốn và sự hoán cải đã thắng được sự dữ. Con người thắng không phải sức riêng mình nhưng thắng nhờ sự chiến thắng của Đấng Phục Sinh.

Do đâu con người thất bại ? Thưa: vì con người chỉ cậy sức mình. Nếu không được soi sáng, con người trở thành những người chủ nghĩa duy ý chí, nghĩa là sống xa thực tế. Con người dự phóng và hoạch định rất nhiều nhưng không ý thức đủ về sự thật của bản thân. Những bất trắc trên đường đời có thể khiến con người chán nản, buông xuôi vì bất lực. Tuy nhiên, khi ý chí qui hướng về Chúa, nó sẽ nhận ra chiến thắng sau khổ giá của Đức Kitô. Đó là kết quả của một ý chí qui thuận Sự Thiện.

Từ những gì vừa trình bày, chúng ta nhận ra đối tượng duy nhất của ý chí là sự thiện. Nhưng nếu con người chỉ chọn sự thiện, tội lỗi do đâu mà ra ? Chọn sự thiện khước từ sự dữ là điều mỗi người chúng ta dễ thực hiện. Tuy nhiên, cuộc sống không phải lúc nào cũng phân ranh: trắng đen rõ ràng đâu ! Đôi khi chúng ta phải chọn lựa sự thiện hảo nhất trong muôn vàn sự thiện. Điều này lại tùy thuộc bậc thang giá trị của mỗi người. Chúng ta sẽ tìm ra nguyên nhân của tội lỗi nơi lời thú của thánh Phaolô.

Lý do khiến thánh Phaolô xin các nhà cầm quyền được phép bách hại các kitô hữu là vì đối với ngài, Đạo Do thái giáo là sự thiện tuyệt hảo mà truyền thống các tổ phụ và các ngôn sứ để lại. Thế nhưng, sau cú ngã ngựa và được Chúa Phục Sinh mặc khải, ngài đã nhận ra những sai lầm quá khích của mình. Ngài đã thú nhận rằng mình đã hành động lúc ấy vì *thiếu hiểu biết*. Lúc này, đối với ngài, sự thiện trỗi vượt là chính Đức Kitô.

Như thế, đầu mối của mọi sai lạc là do thiếu hiểu biết. Một khi lý trí nắm bắt đối tượng không chuẩn xác lại buộc phải đưa ra một phán đoán tức thời, điều này không tránh những hàm hồ, võ đoán. Từ đó, ý chí mù quáng ưng thuận sẽ dẫn đến sai lầm. Bởi đó, chúng ta có thể rút ra một kinh nghiệm về giới hạn của thân phận con người rằng: *ý chí tự do của con người không tuyệt đối vì hiểu biết của con người không tuyệt đối*. Nếu như nhận thức của con người qui hướng hoàn toàn về Sự Thật, con người đã không phạm tội. Như thế, đây là cơ hội giúp con người chân nhận những giới hạn bản thân, đồng thời, qui phục Thiên Chúa là Đấng Chân Thật.

Ngoài lý trí và ý chí là hai yếu tố cấu thành hành vi nhân linh, tâm lý học ngày nay đã khám phá một thế giới vĩ đại của vô thức.

1.3.3. Vô thức và giấc mơ

Như chúng ta đã khẳng định rằng có cả một thế giới vô thức. Tuy nhiên, trong giới hạn bài viết chỉ nhằm đến giấc mơ như một loại ngôn ngữ của vô thức. Thật vậy, khi chúng ta ngủ, cơ chế tự vệ của mình suy yếu và để cho vô thức lên tiếng mà không bị can thiệp.¹⁵ Những gì chúng ta dồn nén và không nhìn nhận, chúng sẽ được cất giữ trong vô thức; không những còn nguyên vẹn mà nó lại phát huy sức mạnh bởi không được ý thức của chúng ta kiểm soát. Vô thức có thể cản trở và làm nhiễm ứ mọi hành vi, nhân cách của con người, nhưng chúng ta có thể lợi dụng chúng qua việc nhớ lại và kiểm soát giấc mơ nhằm hướng điều chỉnh trong đời sống tương lai.

Thông thường, giấc mơ được mô tả như những hình ảnh và biểu tượng. Điều này có thể giải thích theo hai lối *qui ước khách quan* và *chủ quan*.

Với qui ước khách quan, chúng ta dễ nhận ra trong giấc mơ những hình ảnh và biểu tượng thông thường được các nhà tâm lý qui định. Chẳng hạn, một người ngủ trong khi bụng đói, họ lại nằm mơ một bữa ăn thịnh soạn và bản thân ăn không biết no. Bữa ăn ấy là ước muốn bị dồn nén khi trong thực tế bản thân họ đang đói. Hoặc khi bạn đang nằm co ro trong một trời đông lạnh lại nằm mơ mình đang được sưởi ấm bên lò lửa... Tựu trung, những qui ước khách quan đều thuộc về những thỏa mãn trong đời sống sinh lý: ăn uống, ngủ nghỉ... (mặc dù, nó vẫn mang một ý nghĩa sâu xa nào đó trong nội tâm của người mơ). Như thế, những thái độ tiềm ẩn bị dồn nén cần được bạn đối diện để được chữa lành. Người cần được chữa lành trước tiên là *chính bạn*.

Trong khi đó, với qui ước chủ quan, mọi sự sẽ được giải thích bằng kinh nghiệm của cuộc sống. Nó tùy thuộc theo nhãn quan của tôi về thế giới. Tôi có một giấc mơ. Một hôm, tôi được một tên săn ảnh đến tìm tôi. Tôi đã khoác bộ này đến bộ kia để làm dáng trước ống kính của họ. Tôi bắt đầu đặt những câu hỏi để khai thác những gì tiềm ẩn dưới các hình ảnh và biểu tượng ấy. Đối với tôi, ống kính là tượng trưng cho sự dòm ngó của mọi người. Tên săn ảnh là một kẻ trung gian. Việc thay đổi các trang phục là cách tạo sự chú ý cho mọi người. Sau khi đã đưa ra những quan niệm rời rạc, tôi sẽ tìm lại trong quá khứ những gì liên quan đến những vấn đề ấy. Tôi là một người không thích chụp hình, bởi vì trong quá khứ, tôi đã vô tình để người khác chụp hình trong lúc có những hành động khiếm nhã. Sự xấu hổ ấy cứ ám ảnh tôi đến nỗi khi nghe nói đến việc chụp hình là như nhắc lại một tổn thương trong quá khứ. Chính qua giấc mơ này mà tôi có thể đối diện với một thực tại về ước muốn của bản thân: *tôi muốn được người khác quan tâm*. Nhưng không phải bằng cách làm dáng trước ống kính mà tôi phải xây dựng hình ảnh bản thân tích cực bằng chính năng lực của mình.

Ngoài ra, tôi còn rút ra được bài học khác về lòng tự trọng. Những sỉ nhục tôi phải chịu từ những hành vi tiêu cực mà máy ảnh chụp được khi xưa, có thể làm tôi bẽ mặt trước người khác. Song, khi chấp nhận nó như một phần của đời sống tôi, tôi sẽ khiêm tốn nhìn nhận những yếu đuối của mình. Và như thế, *lòng tự trọng của tôi tránh bị những tổn thương*.

Có thể nói, mỗi giấc mơ mang màu sắc khác nhau, nó phản ánh cách nào đó những thực tại chúng ta đã trải qua. Nhớ lại những giấc mơ sẽ giúp mỗi người cứu xét những gì cần điều chỉnh trong thái độ và hành động của mình đối với thế giới xung quanh.

¹⁵ X. Wikie Au và Norren Cannon, *Những thôi thúc trong tim*, chuyển ngữ Nguyễn Ngọc Kính, Nxb Phương Đông, tr.70.

Một hôm tôi nằm mơ đang bị một con rắn cắn vào tay phải. Tôi vùng vẫy tìm mọi cách để giết con rắn ra khỏi mình; tuy nhiên, không sao làm gì được. Tôi đã đập nát cả thân mình nó vào tường và rồi chỉ còn cái đầu với hàm răng nó cắn chặt vào tôi. Tôi đã chạy khắp nơi để cầu cứu. Thế rồi, có một bàn tay vô hình giải gỡ ra cho tôi. Sau đó, tôi không còn nhớ gì nữa. Nhưng bấy nhiêu đã là một mặc khải tuyệt vời mà tôi đã nhận được trong giấc mơ.

Sau đây là lời giải thích của tôi, đồng thời, rút ra những bài học quý giá trong cuộc sống.

Trước tiên, tôi đặt câu hỏi: *“Tại sao không là một con vật khác cắn mà là một con rắn đã cắn tôi?”* Theo quan niệm của bản thân, tôi luôn nhìn nhận con rắn là một loài khôn ngoan và xảo quyệt. Điều này giúp tôi liên tưởng đến những người sống gần bên tôi. Sau đó, tôi đặt một câu hỏi khác: *“Tại sao không cắn ở nơi nào khác mà lại cắn ở tay phải?”* Tôi tự nhủ: tay phải (tay thuận) biểu tượng cho hành động chính trực. Quả thật, gần đây, có một thế lực bên ngoài có hành động làm tổn thương tôi. Trong lúc suy xét như thế, cảm xúc tôi dâng trào nhưng cuối cùng cũng có một giải đáp giúp tôi an lòng: một bàn tay vô hình đã chạm đến tôi và giải thoát tôi. Những bài học tôi có thể rút ra sau những dữ kiện vừa xét đến là:

-Những gì tôi thực hiện theo ý Chúa sẽ được Người bảo trợ.

-Tôi phải tỉnh thức với những tương quan gần gũi, tất nhiên, không phải để tránh né, nhưng tìm cách giải quyết bằng giải pháp thiêng liêng, nghĩa là đôi khi phải chấp nhận thiệt thòi ngay cả khi thực hiện điều đẹp ý Chúa.

Qua đó, chúng ta nhận thấy những giải thích trên rất chủ quan đúng như đề mục chúng ta đưa ra là qui tắc chủ quan. Mỗi người đều có những giấc mơ rất riêng tư và ý nghĩa nhưng bạn đừng để nó trôi vào quên lãng. Hãy tận dụng nó như những cơ hội giúp bạn khám phá ra những tiềm ẩn từ động lực, suy tư bên trong...Bạn cần tìm ra ý Chúa trong giấc mơ của bạn như thánh Giuse đã sẵn sàng hành động theo những chỉ dẫn của thiên thần trong giấc mơ. Quả thật, không có gì liên quan trong đời bạn mà không giúp bạn lớn lên cách này hay cách khác. Mà giấc mơ là thành phần đời sống của bạn.

1.3.4. Ý thức và ý thức tội lỗi

Ý thức là ý thức về một đối tượng nào đó và nó chỉ được xác định trong một khoảnh khắc cụ thể. Sau đó, nếu chủ thể nhắm sang một đối tượng khác, đối tượng kia sẽ đi vào tiềm thức. Nhưng nếu bạn quá cảm xúc hay có những ý nghĩ tiêu cực hoặc chưa giải quyết rốt ráo về một vấn đề nào đó thì nó lại đi vào vô thức của bạn. Như thế, tiềm thức và vô thức đã đi vào quá khứ nhưng vẫn chực chờ một ngày kia sẽ lộ diện với một hình thức khác trong cuộc sống bạn. Tuy nhiên, tiềm thức sẽ như kinh nghiệm quý báu giúp bạn lớn lên trong tương lai, còn vô thức là một thế giới nổi loạn, nó sẽ chi phối và làm tê liệt đời sống ý thức của bạn. Chúng ta vẫn nghe người khác nói: *“Tại sao bạn lại hành động vô ý thức?”* - Vì có sự can dự cách nào đó của vô thức. Nhưng nếu không ý thức đủ thì bạn có chịu trách nhiệm về tội đó không? (vì để thành tội, đòi buộc chủ thể phải ý thức hoàn toàn). Thật vậy, việc bạn chọn lựa hành động đã giả thiết một ý thức đầy đủ. Còn vô thức, nó chi phối, tác động và thúc đẩy tự bên trong bằng những động lực thiếu lành mạnh (ý hướng này cần được thanh luyện nếu không, dần dà nó trở thành một lối suy nghĩ cố hữu cản trở chủ thể đến với người khác). Chẳng hạn, bạn rất ý thức về giá trị của lời khấn vâng lời (điều này giả thiết một sự hiểu biết đủ và ý chí tự do hoàn toàn ưng thuận). Bạn luôn ý thức rằng vâng lời bề trên là vâng lời Chúa. Tuy nhiên, trong quá trình hành động, bạn bị cám dỗ bởi những giới hạn của vị bề trên...mặc dù bạn vẫn làm việc ngài giao nhưng với một thái độ

miễn cưỡng và bạn bị cám dỗ làm theo ý mình. Cuối cùng, bạn đã phạm tội kiêu ngạo lấy mình làm thước đo cho thực tại. Sự kiêu ngạo ấy là đứa con của vô thức. Do bạn quá dồn nén về những khuyết điểm của vị bề trên trong cung cách điều khiển cộng đoàn. Trong khi đó, đúng ra bạn phải chọn giải pháp đức tin vì ý thức rằng dù sao vị bề trên vẫn là người đại diện của Chúa giúp mình đạt đến “ơn cứu độ” trong đời tu. Hơn nữa, bạn phải nhận ra thân phận yếu đuối là tiếng nói chung của con người, trong đó có bạn và vị bề trên. Xét cho cùng, hành vi kiêu ngạo của bạn tố cáo về thái độ thiếu trưởng thành do chưa khám phá thực sự về con người mình. Thực vậy, nếu đã khám phá ra thân phận tội lỗi của mình cần đến lòng trắc ẩn của Thiên Chúa thì bạn dễ dàng đón nhận người khác như họ là.

Cách thức Freud đề nghị *chữa lành* trong tình trạng này là *chuyển vô thức thành ý thức*. Mà trong trường hợp cụ thể chúng ta vừa bàn đến, vô thức ấy là cái tôi kiêu ngạo. Sự cao ngạo coi mình hơn người khác, từ đó, bất chấp mọi quyền lực. Sự chữa lành theo tâm lý học đề ra là việc chủ thể ý thức về những thái độ quá khích của mình. Chính việc đối diện với thực tại là bước đầu của việc chữa lành. Nếu tâm lý học chỉ dừng lại trên phương diện *nhân bản* thì Kitô giáo đề nghị giải pháp *đức tin*. Nghĩa là cái tôi kiêu ngạo ấy sẽ được hóa giải trong sự khiêm tốn nhìn nhận thân phận mình là kẻ có tội.

Có thể nói, ý thức tội lỗi là một trong những khám phá lớn nhất của con người trong ánh sáng của Đức Kitô. Nói như thế, không có nghĩa là các kitô hữu bị ám ảnh trong tình trạng tội lỗi. Nhưng họ kinh nghiệm trong chính sự bất lực của phận người. Là người không ai tránh khỏi tội, song, không phải ai cũng có thể ý thức về tội của mình. Người ta dễ dàng chạy tội và đổ lỗi cho người khác. *Tôi buồn bã và trầm cảm là do sự lạnh nhạt của cộng đoàn, tôi đã không được mọi người tôn trọng và chấp nhận như tôi là...* Những cách biện hộ như thế phản ánh thái độ chưa sẵn sàng ý thức trách nhiệm bản thân.

Đức Pio XII và ngay cả thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II cũng nhận định rằng: *con người ngày nay mất dần cảm thức tội lỗi*. Thật vậy, khi con người coi tội như là một sự xung khắc thông thường giữa người với người, thì họ đã gián lược vào chiều kích nhân bản thôi ! Và nếu có giết người cũng là vì nhân danh lòng thương xót (chết êm dịu – an tử). Hoặc nếu có lỡ phá thai cũng là vì miệng người đời... Xét cho cùng, tất cả đều qui về tự do định đoạt của con người. Nếu ngày nào tự do của con người không chịu khuất phục bởi một Sức Mạnh Trên Cao thì ngày ấy cảm thức tội lỗi chỉ là một cảm xúc tức thời chóng qua. Cảm thức ấy có từ khi nào, không ai chứng minh được. Nhưng qua việc nhận ra mình trần trụi mà Ông Bà Nguyên Tổ cảm thấy áy náy phần nào về tội lỗi của mình. Thế nên, ý thức tội lỗi của mình là bước đầu của việc chữa lành. Mà chúng ta có thể nói rằng đây là một cuộc sáng tạo mới. “*Sự ý thức đúng đắn về tội lỗi là một tiềm năng sáng tạo của đời sống tinh thần con người, nó mở ra một chân trời hành động mới, đó là giúp cho con người biết nhận chân được bản chất và con người thật của mình – bất toàn, giới hạn và đầy yếu đuối – là luôn có thể sai phạm bất cứ lầm lỗi nào*”.¹⁶

1.3.5. Ý thức phản tỉnh và Bí tích Giao hòa

Có thể nói, ý thức phản tỉnh là một trong những năng lực nội tại giúp con người sống hành thiện và hoàn thiện. Đối tượng nó khảo sát là chính bản thân. Mọi hành vi, thái độ, ước muốn, khát vọng... của chủ thể đều được năng lực này đảm nhận như cách giúp bản thân tìm lại thế quân bình, đúng hơn, giúp chủ thể sống đúng với lương tâm mà Chúa đã đặt để ngay từ đầu trong lòng mỗi người. Năng lực này được tâm lý học áp dụng trong phương

¹⁶ Nguyễn Hữu Thy, *Cảm thức tội lỗi*, <http://www.lamhong.org>.

pháp *nội quan*, nhìn vào bên trong. Phương pháp này chúng ta không cần học nhưng vẫn áp dụng thường xuyên, chỉ có điều với khoa tâm lý học sẽ giúp chúng ta khảo sát sâu hơn và khoa học hơn. Trong thực tế cuộc sống, chúng ta nhận ra những con người đã từng giết người sau một thời gian chạy trốn, họ ra đầu thú và chấp nhận án phạt của pháp luật.¹⁷ Chắc hẳn, họ đã áp dụng phương pháp này cách nào đó khi nhìn vào bản thân từ mưu toan đến hành động và cả những hậu quả mà họ đã làm vương hại đến tha nhân, lương tâm của họ lên tiếng. Qua đó, chúng ta nhận ra tầm quan trọng của ý thức phản tỉnh trong mình, nó giúp ta kêu gọi “mâm thiên” mà Chúa đã đặt trong mỗi chúng ta.

Nội lực này sẽ phát huy hết chức năng trong việc các kitô hữu xét mình, thống hối...chuẩn bị lãnh Bí tích Giao Hòa. Chúng ta cần tìm ra giới hạn của phương pháp *nội quan* khi áp dụng trong việc chuẩn bị lãnh Bí tích này. Mục đích của phương pháp này là nhìn lại bản thân, đánh giá và lượng giá những suy nghĩ, lời nói và việc làm của mình trong tương quan với bản thân, tha nhân và Thiên Chúa. Nếu đi đến cùng phương pháp này con người dễ thất vọng khi nhận ra những bóng tối và những bất lực bản thân mà tự sức mình con người không thể vượt qua.

Chẳng hạn trường hợp của tông đồ Giuda: Sau khi đã cấu kết trong việc tổ chức bắt Chúa Giêsu, ông đã nhận ra sự xấu xa của tâm hồn mình; ăn năn, khóc lóc, buồn sầu và ngay cả xưng thú tội mình đúng với tiến trình chuẩn bị lãnh phép Giao Hòa. Ông nói: “*Tôi đã phạm tội nộp người vô tội, khiến Người phải chết oan*” (Mt 27,4). Và rồi ông cũng đền bù tội lỗi bằng việc ném trả lại 30 đồng bạc cho các thương tế.¹⁸ Nhưng tại sao ông không nhận được ơn hoán cải ? Thưa vì ông đã qui về bản thân quá đáng nên đã thất vọng, thay vì qui hướng về Thiên Chúa. Điều ông thiếu là *niềm tin vào lòng thương xót của Thiên Chúa*. Đó là động lực chính đáng thúc đẩy hối nhân tìm đến Bí tích này.

Người đã có công phối hợp phương pháp *nội quan* vào Bí tích Giao hòa một cách tinh tế và tuyệt vời nhất phải kể đến thánh Inhaxiô thành Loyola. Thánh nhân đã giúp các tín hữu tránh thái độ *qui ngã*, tránh cậy vào sức riêng, đồng thời, giúp mỗi người xác tín hơn vào lòng thương xót của Thiên Chúa, Đấng duy nhất ban ơn hoán cải, chữa lành và giải thoát con người.

Một trong những bài tập *Linh Thao* quan trọng của hành trình tâm linh là giúp các tín hữu ý thức tội lỗi của mình và tập thể. Cũng như con người, thánh nhân xem tội lỗi như một lịch sử, nghĩa là nó chịu tác động của không gian, thời gian và đối tượng. Cụ thể, khi cứu xét tội đã phạm, chúng ta thấy thường ở một nơi nào đó (không gian), ở một thời điểm nhất định (thời gian) và với ai đó (đối tượng). Thánh nhân lưu ý thông thường chúng ta xưng tội chiếu lệ mà ít suy xét sâu xa, như thế, chỉ làm yên ổn lương tâm mà thực sự chưa chữa tội; vì không có một kế hoạch hành động cho tương lai. Nếu chúng ta sẵn sàng tìm mọi cách để đầu tư chất xám nhằm phục vụ cho đời sống thiện nghi hằng ngày thì việc tránh tội – liên hệ đến linh hồn – phải được chúng ta ưu tiên hơn nữa ! Bạn tự hỏi: *Tại sao tôi hay phạm lỗi trong những giờ chơi thể thao mà không phải giờ khác ?* Từ đó, bạn rút ra

¹⁷ Tạp chí Newsweek mới đây có ghi lại một trong những trang ghê tởm nhất của quân đội Hoàng Gia Nhật hồi thế chiến thứ hai. Một thời gian sau cuộc chiến, bị lương tâm dày vò, một bác sĩ đã từng làm việc trong một trung tâm nghiên cứu y khoa tại Mãn Châu đã đi khắp nơi để phơi bày tội ác của quân đội Nhật. Ông cho biết những người Nhật tại đơn vị 731 đã dùng đến 12.000 tù nhân thuộc nhiều quốc tịch khác nhau để thí nghiệm. Họ đưa mũi khoan vào đầu tù nhân và rút óc tủy ra, họ cho tù nhân vào phòng hơi ngạt hay phòng lạnh dưới 0° để nghiên cứu tỉ mỉ con người chết như thế nào...

¹⁸ L.Evely, *con đường của niềm vui*, tr.116. Trích lại Tadeusz Dajczer, *Hồng ân đức tin*, chuyển ngữ Phạm Quốc Huyền, Nxb Tôn Giáo, tr.80-81.

những động lực thúc đẩy bên trong khiến bạn dễ sa phạm tội. Phải chăng vì tôi vốn máu trắng thua và muốn thể hiện mình hơn người khác. Nếu bạn đặt tiêu chí cho cuộc chơi là giúp giải tỏa căng thẳng mà cứ ganh đua hơn người, hóa ra bạn càng căng thẳng hơn. Còn nếu bạn ý thức rằng chơi thể thao là một thú tiêu khiển giúp duy trì và tăng cường sức khỏe, bạn sẽ tránh được những thái độ tiêu cực trên. Hoặ*c Tại sao cũng cùng câu nói mà với người này tôi tức giận, còn với người kia thì không ?* Đường như đã có thành kiến và định kiến với người này khiến bạn không còn tự do sống trọn giờ thể thao này nữa ! Việc quay lại những thước phim này giúp bạn thực sự đối diện với bản thân hầu để ra những phương án cho tương lai như một quyết tâm sống triệt để đối với việc hệ trọng nhất trên đời này. Thiết tưởng, đó là cách tốt nhất diễn tả thiện chí của bạn, và Thiên Chúa sẽ không thua lòng quảng đại của bạn đâu ! Trái lại, Người ban ơn giúp bạn vượt qua những khó khăn trong phút hiện tại.

1.3.6. Lương tâm

Có thể nói, lương tâm là tầng sâu nhất của đời sống tinh thần. Nếu mục đích chính yếu của đời sống tinh thần là nhắm đạt đến một tương quan liên vị với Thiên Chúa thì lương tâm là cung thánh đẹp nhất của những cuộc hẹn hò yêu đương. Đôi khi, vì quá chú trọng đến tính thực hành luân lý trong đời sống thường ngày mà chúng ta có thể quên mất động lực lớn nhất để giúp con người sống tốt đời sống bản thân là *Tình yêu Thiên Chúa*. Điều căn bản và hệ trọng nhất này đã bị các Kitô hữu giản lược trong việc thực hành những qui tắc luân lý như những điều cấm kỵ, áp đặt... Có thể, đây là một thực tế mà S. Freud đã quan sát thấy nơi một số tín hữu khiến ông đồng hóa lương tâm như một loại Siêu ngã. Nó như sức mạnh bản năng của cá thể, mang tính phi xã hội, chịu khuất phục trước sự thúc đẩy thường xuyên của một quyền bính siêu ngã (Super Ego), mà quyền bính này lại đơn thuần chỉ là phản ánh quyền bính của một người cha.¹⁹

+Siêu ngã hay lương tâm

Thiết tưởng, chúng ta cần những ghi nhận của John W. Glaser khi ông đối chiếu những điểm khác biệt giữa Siêu ngã và Lương tâm. Ở đây, xin tổng hợp ba điểm trong số chín điểm được tác giả nêu ra:²⁰

-Qui ngã: trong khi siêu ngã qui về chính mình để đảm bảo sự tự trọng bản thân thì lương tâm lại hướng tới tha nhân và những giá trị chuẩn mực khách quan.

-Khuyh hướng: với khuyh hướng *tĩnh*, siêu ngã chỉ vâng lời lệnh truyền của quyền bính cách “mù quáng”, vì thế, không có tính học hỏi và hoạt động cách sáng tạo trong những tình thế mới. Trái lại, lương tâm thuộc khuyh hướng *động*, nhờ đó, nó nhạy bén trước đòi hỏi của các giá trị đáng được ưu tiên mà không lưu tâm đến chuyện quyền bính có thừa nhận không. Đồng thời, chúng ta có thể rút ra một hệ luận quan trọng khác: với siêu ngã, tiêu chuẩn đánh giá của hành động tùy thuộc hoàn toàn vào tiếng nói của quyền bính; trong khi đó, lương tâm hoàn toàn tự do để chọn lựa những giá trị giúp nâng cao phẩm giá con người.

-Thời gian: siêu ngã hướng về quá khứ: “*Đường lối ta đã từng làm*”. Điều này phản ánh một thái độ phê phán nghiệt ngã, dễ gây mặc cảm tội lỗi khi chủ thể chống lại quyền bính. Còn lương tâm, nó hướng về tương lai: “*Loại người ta phải trở nên*”. Quan niệm này giúp ta dễ dàng mở ra với những tầm nhìn cao hơn như một cách diễn tả thiện chí của chủ thể hướng lên với một tương lai tốt đẹp hơn. Những va vấp trong quá khứ sẽ là những kinh

¹⁹ X. Nguyễn Đức Quang, *Luân lý cơ bản*, tr.232.

²⁰ Xem thêm *Sđđ*, tr.232-234.

nghiệm quý giá giúp lương tâm tự canh tân và đào tạo dưới ánh sáng của những giá trị tinh thần.

Sau khi đã phân biệt siêu ngã với lương tâm để có một hướng nhìn đúng đắn, chúng ta sẽ đề cập một vài quan niệm về lương tâm nhằm bổ sung cho sự hiểu biết toàn diện, từ đó, giúp chúng ta điều hướng hành động cho phù hợp với tiếng nói của Thiên Chúa đặt trong lòng mình (lương tâm).

+Vài quan niệm về lương tâm

Trước hết, lương tâm bao gồm năng lực của lý trí. Thật vậy, với khả năng nhận thức và phán đoán các thực tại, lý trí giúp hình thành trong chúng ta những bậc thang giá trị thiết thực nhằm áp dụng cụ thể cho từng chọn lựa để đưa ra một quyết định đúng đắn phù hợp với lương tâm. Chẳng hạn như việc bạn đang đứng trước một chọn lựa: có nên phá thai không? Nếu như nhận thức của bạn nghiêng chiều về tầm ảnh hưởng trong xã hội thì việc bạn chọn phá thai là giải pháp tốt nhất cho việc tránh những lời đàm tiếu của người đời. Còn nếu bạn ý thức phá thai là giết một sinh linh, là chính con mình hoặc đó là một tội ác Giáo Hội lên án, hoặc nữa, bạn ý thức mạnh mẽ về tính thánh thiêng của sự sống con người là do Thiên Chúa ban, thì bạn không thể quyết định phá thai. Quyết định của bạn tùy thuộc những xác tín của bạn có về một thực tại.

Tiếp đến, chúng ta thấy sự can dự của ý chí chủ thể trong một quyết định chọn lựa. Theo thánh Bonaventura, ý chí như một năng lực lôi kéo chủ thể đến điều tốt được nhận thức. Xem ra, ý chí mang đặc tính thụ động khi tiếp nhận đối tượng do lý trí giới thiệu. Xét tiếp ví dụ trên, nếu lý trí giới thiệu cho ý chí rằng danh thơm tiếng tốt và danh dự của con người là quan trọng nhất thì ý muốn sẽ qui về điểm này mà quyết định phá thai. Trái lại, khi nhận thức rằng sự sống và sự chết thuộc quyền tối thượng của Thiên Chúa, bạn sẽ không quyết định phá thai.

Từ những gì vừa trình bày về năng lực của lý trí và ý chí, chúng ta nhận ra sự kết hợp không thể tách rời nơi hai năng lực cấu thành nên hành vi nhân linh. Tuy nhiên, theo Richard Gula, ngoài ra, lương tâm còn chịu ảnh hưởng của khía cạnh cảm tính, trực giác, thái độ và thể xác nữa.²¹ Vì thế, chúng ta có thể hiểu lương tâm như sự diễn đạt toàn thể con người. Nói cách khác, lương tâm phản ánh thái độ dẫn thân toàn thể con người đến các giá trị khách quan, đồng thời, chịu trách nhiệm về những quyết định của bản thân.

+Phát triển và đào tạo lương tâm

Chúng ta nghe nói có các loại lương tâm như: lương tâm sai lầm, phóng túng, bồi rôi, hồ nghi... Thế nên, việc đào luyện lương tâm là một việc làm ưu tiên hàng đầu giúp con người có phán đoán và đưa ra phán quyết lành mạnh và chuẩn xác. Thiết tưởng, đây là việc hết sức tế nhị mà các nhà đào tạo thường phó thác cho tác động tự do của mỗi người với hoạt động của Chúa Thánh Thần. Điều thiết yếu là mỗi người cần nhận diện lương tâm của mình trước mặt Chúa, và *tự đào tạo* lương tâm vì không ai có thể làm thay cho ta được.

Trong khi đi tìm cách tiếp cận hữu hiệu trong việc đào tạo lương tâm, chúng ta lược qua hai cấp bậc trong việc phát triển lương tâm.

Theo Gordon W. Allport, ông giúp ta phân biệt giữa “lương tâm phải làm” và “lương tâm nên làm”. Nhưng thật ra, nó là hai thái độ tiêu cực và tích cực của chủ thể khi đứng trước một vấn đề cần giải quyết. Thật vậy, khi bàn đến lương tâm, chúng ta nghĩ ngay đến một thứ luật bất hành văn. Đối với lương tâm phải làm, chúng ta có cảm tưởng nó như một thứ áp chế khiến ta thiếu tự do để hành động. Còn lương tâm nên làm, nó như một cách

²¹ X. Nguyễn Đức Quang, *Sdd*, tr.235.

khêu gọi giúp con người tự do đáp trả. Chính khi đánh giá ý hướng của chủ thể mà chúng ta có thể kết luận lương tâm ấy có trưởng thành không. Có những người thi hành theo luật như thể để yên ổn lương tâm khiến họ trở nên ù lì và thiếu sáng tạo. Luật trở thành một sợi dây vô hình trói chặt họ trong “ốc đảo cá nhân”, dần dà biến họ thành những “pharisêu” đứng đưng trước nỗi đau của đồng loại. Đứng trước lương tâm này, họ sẽ nghe tiếng Chúa từ bên trong phán: “*Ta muốn lòng nhân chứ đâu cần lễ tế*”.

Ở cấp độ cao hơn, con người phải sống chính tinh thần của luật. Luật không phải là một thứ “siêu ngã” khiến con người phải ám ảnh và sợ sệt, trái lại, nó hướng dẫn con người mở ra với mọi tương quan giúp chủ thể hoàn thành chính bản thân mình. Nói cách khác, người sống tinh thần luật, họ vượt trên mọi rào cản, ra khỏi mình để sống cho một cộng đồng rộng lớn hơn. “Lòng nhân” mà Chúa Giêsu nói đến là luật của con tim, yêu thương hơn là chấp xét.

Hiểu được hai cấp độ của lương tâm, chúng ta cần rút ra một hướng giải quyết cho vấn đề tự đào tạo lương tâm. Luật lương tâm được áp dụng cụ thể trong từng trường hợp mà khi đương sự không chấp hành sẽ bị tiếng nói từ bên trong khiển trách khiến lương tâm như áy náy khi bị sai lỗi điều gì. Đó là cách Chúa dùng giúp mỗi người nhận ra những sai lầm trong lương tâm còn vướng mắc.

Thật vậy, sự bối rối, áy náy trong lương tâm là dấu hiệu rõ ràng báo động cho một sự vướng mắc nào đó nơi chủ thể. Điều này chúng ta dễ nhận ra một tội phạm nhiều năm đã quay lại đầu thú. Ấy là chính lúc tiếng nói lương tâm được phát huy tới đa.

Theo W.Norris Clarke, có ý hướng chân thành muốn làm điều tốt chưa đủ, con người cần có những thông tin chuẩn xác để có thể đưa ra những phán đoán trưởng thành.²² Mỗi người trong mức độ sự hiểu biết Chúa ban, đòi buộc phải hiểu biết những nguồn thông tin giá trị nhất theo đẳng bậc của mình để rút ra một phán đoán luân lý lành mạnh giúp phát triển con người toàn diện. Chẳng hạn, một tu sĩ phải ý thức về việc khẩn giữ khiết tịnh vì Nước Trời. Họ phải tìm hiểu mọi phương thế tối hảo giúp họ sống thanh sạch hầu phục vụ nhân loại. Họ khước từ tình yêu của một người để có thể mở rộng tương quan với mọi người. Chính tình yêu phổ quát này giúp họ vượt qua và thăng hoa những hành vi tính dục giúp họ “nên một” với Đức Kitô là vị Hôn Phu của mọi tâm hồn. Một khi hiểu biết đầy đủ và chính xác những đòi buộc của lời khẩn này, các tu sĩ biết mình phải khước từ điều gì và chọn lựa điều chi để khả dĩ sống sung mãn ơn gọi của mình.

Chúng ta biết rằng con cá muốn khỏe phải sống trong môi trường nước sạch thế nào, thì muốn giữ lời khẩn này tốt nhất, các tu sĩ phải tạo một môi trường lành mạnh giúp phát huy nhân cách của mình bằng cách tránh xa những dịp làm cơ cho những dục vọng nổi lên, đồng thời, thiết lập một chương trình cân đối, hài hòa với giờ hoạt động tri thức, làm việc, giải trí, ngủ nghỉ...

Sau hết, cách tốt nhất là qui về tinh thần luật, luật của con tim; hay nói như thánh Augustinô: “*Hãy yêu đi rồi mới làm những điều mình muốn*”. Đó là luật vàng cho mọi tâm hồn thiện chí, muốn lấy tình yêu Chúa làm điểm qui chiếu cho mọi tư tưởng, lời nói và hành động của mình.

Từ những gì vừa trình bày, chúng ta nhận ra rằng Thiên Chúa thật hữu lý khi đặt để trong con người những năng lực cần thiết giúp họ sống có ý nghĩa. Điều còn lại, Ngài để mặc con người tự do định đoạt và định hướng đời mình sao cho có ý nghĩa. Trong khi

²² X. Nguyễn Đức Quang, *Sdd*, tr.246.

những năng lực kia cần được thể hiện ra bên ngoài, con người cần phải nhận ra những gì cản trở hay thuận lợi giúp cuộc sống có ý nghĩa.

2. ĐẶC TÍNH CỦA NHÂN VỊ

Sau khi tìm hiểu những năng lực Chúa ban hầu giúp con người tìm ra ý nghĩa cuộc sống, chúng ta sẽ tìm hiểu thêm những đặc tính của nhân vị. Qua đó, khám phá những giá trị nội tại mà tự nó đã là ý nghĩa cho cuộc hiện sinh của mỗi nhân vị.

2.1. Mầm thiện

Chúng ta biết rằng mọi hiện hữu đều mang mầm thiện vì chúng xuất phát từ Đấng Thiện Hảo. Bởi đó, chúng ta có lý mà nói rằng mọi vật đều phản ánh vinh quang Thiên Chúa. Nói theo cha Thomas Merton: mỗi sự vật tự chúng là một vị thánh khi chúng sống trọn vẹn sứ mạng của mình. Nhưng dù sao, chúng chỉ sống như ý Chúa muốn khi người đặt để những định luật chi phối trong tự nhiên.

Trong khi sự vật không biết gì về mình, con người lại được Chúa ban cho một khả năng siêu việt là biết bản thân xuất phát từ Thiên Chúa Thiện Hảo. Kinh Thánh đã diễn tả thực tại này khi nói: Thiên Chúa dựng nên con người giống hình ảnh Ngài.

Trong khi sự vật chỉ hoàn toàn buông theo những định luật tự nhiên, con người lại được Chúa ban cho tự do để hoàn thành sứ mạng của mình ở trần gian. Nhờ tự do, mầm thiện ấy phát triển thành cây sinh trái và tỏa hương thánh thiện.

Nhưng từ khi tội lỗi đi vào thế gian, mầm thiện ấy như những lớp than hồng bị phủ đầy tro bụi trần gian. Con người không còn thấy nó bằng mắt trần như thấy cục than hồng nhưng chỉ cảm nhận bằng sức nóng tỏa lan.

Do hậu quả của tội, lý trí con người trở nên tối tăm, ý chí hóa ra lằm lạp, từ đó, tự do cũng khó đạt đến ý muốn của Thiên Chúa. Chúng ta có thể cứu xét một người phạm tội sai lầm này đến tội ác khác. Họ đã bịt tai trước tiếng nói của lương tâm. Phạm nhân có thể sống tình trạng khốn khổ ấy trong một thời gian. Đến một ngày đẹp trời, họ thú tội trước bình minh. Lòng thống hối ấy là dấu chứng của mầm thiện. Trong lúc tội lỗi con người càng gia tăng, tình thương Chúa lại lớn hơn bao trùm tất cả. *Ở đâu tội lỗi lan tràn, ở đấy ơn sủng càng chứa chan gấp bội.* Ưu thế vẫn thuộc về mầm thiện, vốn làm nên bản chất con người.

Mầm thiện không phải là cái được thêm vào sau khi con người hiện hữu mà đúng hơn, nó được Thiên Chúa gieo vào trong linh hồn con người. Mầm thiện ấy như một thứ sinh khí Thiên Chúa thổi vào lỗ mũi con người trong cuộc tạo dựng. Bởi đó, cho dù có phạm thêm bao tội lỗi, con người vẫn hy vọng được giải thoát, vì ưu thế vẫn thuộc về Thiên Chúa. Ngài có cách làm cho mầm thiện ấy được lớn lên như khối bột đã được dậy men.

Mỗi cuộc trở về với Chúa của một tội nhân là một dấu chứng hùng hồn cho một cuộc sống có ý nghĩa. Bởi vì, không cuộc trở về nào nếu không có Chúa tác động; không có tác động nào của Người mà không giúp con người sống ý nghĩa; và không cuộc sống nào có ý nghĩa mà lại không sống trong Chúa.

Thiên Chúa đã gieo mầm thiện vào lòng con người, Ngài sẽ hoàn thành những gì Ngài đã khởi sự. Thế nên, một cuộc sống có ý nghĩa khởi đi từ Thiên Chúa và kết thúc trong Ngài.

2.2.Độc đáo và duy nhất

Mâm thiện có hai trạng thái: tĩnh và động. *Tĩnh* là phần xác lập nhân phẩm của mọi người đều bình đẳng. *Động* là phần năng động của những giá trị tinh thần, tư chất, tự do... chúng kết hợp tạo nên nét độc đáo riêng của mỗi nhân vị.

Đặc tính này chúng ta không thể lý giải bằng ngôn từ nhưng được kiểm nghiệm bằng quan sát trong thực tế, để loại suy từ những cấp độ thấp mà có hướng nhìn đúng đắn về đặc tính này nơi con người.

Có thể nói, tâm thức con người luôn truy tìm nét độc đáo duy nhất trong mọi sự. Nét độc đáo và duy nhất được thể hiện trước tiên nơi những sáng tạo của con người. Một họa sĩ người Pháp chẳng hạn đã sáng tạo một bức họa tuyệt đẹp mà chúng ta thường dùng câu nói để diễn tả hiện trạng này: “*Tuyệt đẹp ! Có một không hai*”. Sự kiện đó nói lên tính độc đáo duy nhất của bức tranh. Nhưng nhờ kỹ thuật nhiếp ảnh, chúng ta là những người Việt Nam có thể chiêm ngắm tại nơi mình đang sống một phiên bản khác. Kỹ thuật tiên bộ đã kéo theo những phiên bản khác, đồng thời, sự vật không còn độc đáo và duy nhất nữa. Đường như đặc tính này chỉ được áp dụng cho con người !

Cũng nhờ kỹ thuật y học tiên bộ, con người có thể dùng tế bào của một con vật để tạo nên một con vật giống như chúng với mục đích kéo dài sự sống và dùng những bộ phận của chúng để thay thế và tái tạo...Gần đây, các nhà khoa học còn đi xa hơn nữa, khi muốn thực hiện nhân bản vô tính nơi con người, điều này đặt ra một vấn nạn lớn cho các nhà đạo đức sinh học. Có thể nói, nếu thành công, con người dễ dàng phủ nhận quyền chủ tể sự sống của Thiên Chúa. Xét cho cùng, linh hồn con người do Thiên Chúa phú ban, nên cho dù khoa học có thành công trong việc nhân bản này thì đó chỉ là hình người chứ không phải là một con người đáng tôn trọng như một nhân vị độc đáo và duy nhất. Bằng chứng là khoa học tạo nên những người này với mục đích xem ra khiêm tốn là dùng những phần thân thể để chữa bệnh và thay thế cho người đang sống. Thiết tưởng, điều khó khăn lớn nhất là việc xác lập con người là một lập hữu, nghĩa là nó có tự do, tự quyết và trách nhiệm với mọi hành vi của mình. Còn một hình người thì sao ?

Từ những gì vừa trình bày, chúng ta có thể đưa đến một kết luận: đặc tính độc đáo và duy nhất nơi con người được giải thích nơi linh hồn. Mà linh hồn con người do Thiên Chúa phú ban. Thế nên, đặc tính này chỉ được giải thích nơi Thiên Chúa.

Chúng ta thấy rằng công trình của Thiên Chúa thật kỳ diệu trong hàng triệu triệu con người mà không ai giống ai, bạn và tôi là những tác phẩm độc đáo trong tay Người. Thật vậy, trong công trình sáng tạo, Thiên Chúa phán một lời, liền có muôn vật muôn loài. Nhưng con người, Ngài dùng chính đôi bàn tay của mình để nặn ra, và thổi sinh khí là phần sự sống của mình cho con người. Trong khi Thiên Chúa yêu thương và trân trọng từng người, con người lại đối xử với nhau như những phương tiện.

Điều này chúng ta dễ thấy trong chính sách phát triển kinh tế hay chủ trương của một số nhà cầm quyền...nhiều cá nhân hợp lại tạo nên sức mạnh của một tập thể, nhưng đồng thời, họ có thể loại trừ nhau bất cứ lý do nào miễn là giúp cho “guồng máy” tiếp tục chạy và phát triển. Đó là chủ trương phủ nhận tính độc đáo và duy nhất của một nhân vị. Thiết tưởng, chúng ta cần nhắc lại lời khẳng định của Đức Bênêdictô XVI: “*Một xã hội vắng bóng Thiên Chúa là một xã hội phi nhân*”.²³ Từ đó, chúng ta cũng có thể suy ra: một xã hội phi nhân không biết tôn trọng giá trị độc đáo và duy nhất của nhân vị.

²³ Đức Bênêdictô XVI, *Caritas in Veritate*, số 78.

Về mặt chính trị, con người là một” quân cờ”; trên thương trường, con người là một đối tượng bị khai thác; trong trại cải tạo, con người được biết đến không khác gì một con số được đeo trên ngực... còn trong những ngành giáo dục thì sao ? Người ta xét theo độ tuổi của đối tượng, khá hơn nữa là tùy thuộc giới tính, từ đó, họ đưa ra một chính sách chung để áp dụng và một tiêu chuẩn chung để đánh giá... vô hình trung, họ phớt lờ tính độc đáo và duy nhất của mỗi nhân vị. Chính sách và tiêu chuẩn dựa trên giấy trắng mực đen nhưng tương quan liên vị, không phải thế ! Tôi là tôi, một nhân vị đáng được tôn trọng và yêu thương. Đó là một thách đố cho các nhà giáo dục và đào tạo. Mười năm trồng cây, trăm năm trồng người là thế !

Trong giới nhà đạo cũng vậy, tại các chủng viện, các nhà dòng, đôi khi các nhà đào tạo chưa quan tâm và đề cao đủ tính độc đáo và duy nhất của mỗi ứng sinh, điều này chỉ thực hiện được không phải dựa theo những chương trình cấp tiến, những bài soạn thật hay mà cần có sự đối thoại để tránh phản ứng một chiều. Bên cạnh đó, mỗi người cần nỗ lực khám phá bản thân nhằm phát huy thế mạnh, và thể hiện tính độc đáo và duy nhất của mình trong cung cách phục vụ và dẫn thân triệt để. Thể hiện tính độc đáo và duy nhất của mình không có nghĩa là tìm tách mình ra khỏi đám đông để chơi trội hay sống lập dị mà là hòa mình vào trong tập thể và sống hết mình với những nén bạc Chúa trao. Như thế, chúng ta sẽ đáng được mọi người trân trọng và yêu thương. Và nhờ đó, nét độc đáo của mỗi người được thể hiện qua chính nhân cách sống động của từng cá thể.

2.3. Không thay thế

Có thể nói, không thay thế là đặc tính bổ sung cho tính độc đáo và duy nhất. Chính trong tính độc đáo và duy nhất của nhân vị mà chúng ta khẳng định giá trị tuyệt đối của con người. Tôi là tuyệt đối không thể thay thế. Bạn là giám đốc một công ty và bạn có quyền quyết định cho một người dưới quyền nghỉ việc. Quyết định đó của bạn không sai lầm, nhưng chỉ mới dừng lại ở phạm vi chức năng. Bạn có thể thay thế một người khác làm việc hiệu quả hơn, nhưng không vì thế người này sống thay cho người khác. Mỗi người có một vị thế và chỗ đứng của mình mà không ai thay thế được. Bởi đó, con người có thể nhân danh hiệu năng công việc mà phủ nhận đặc tính của nhân vị cách nào chẳng !

Người này có thể làm việc với thao tác chậm, kém hiệu quả nhưng bù lại, họ là một người có khiếu hài hước, họ có thể làm bầu khí căng thẳng nổ tung từ những câu nói hay câu chuyện dí dỏm. Với mẫu người này, bạn có muốn chọn vào hợp tác với bạn không ?

Xét về mặt xã hội, đôi khi sự hiểu biết về những đặc tính của nhân vị con người có thể bị gián lược. Khi đánh giá người khác dựa trên những gì họ có thể làm được, vô hình trung, họ hạ giá con người xuống hàng sự vật hay công cụ máy móc.

Xét về lập trường nhân vị của Kitô giáo, Thiên Chúa dành cho mỗi người một chương trình riêng, và với những nén bạc khác nhau cộng thêm những tính khí tư chất khác biệt, mỗi người góp phần xây dựng một tập thể vững mạnh. Quả thật, không người phụ nữ nào có thể thay thế Đức Maria sinh hạ Đấng Cứu Thế. Một khi Thiên Chúa giao sứ mạng ấy cho Mẹ, Ngài cũng ban những đặc ân cần thiết khả dĩ giúp Mẹ sống Thiên chức này một cách trọn vẹn.

Một biến cố xảy ra trong cuộc đời đã thay đổi cách nhận thức của tôi về điều chúng ta đang bàn: việc thoái vị của Đức Bênêdictô XVI. Khi được nghe tin ngài tự nguyện làm đơn xin từ chức và công bố chính thức với Hồng Y đoàn, tôi đã sửng sò, kinh ngạc, nuối tiếc và không kém phần xúc động. Có thể nói, nơi ngài toát ra một nhân cách hiền lành, điềm đạm, khiêm tốn, khôn ngoan... một mẫu người Giáo hội đang cần để có thể biến đổi thế giới và thanh luyện Giáo hội trong những thời điểm khó khăn và tế nhị như hiện nay.

Đồng thời, với khả năng tư duy xuất chúng, một nhà thần học lỗi lạc mà Đức Phanxicô sau này không ngần ngại tuyên dương ngài là “nhà thần học bàn quý”. Thế mà mọi sự đã thay đổi ! Có lúc tôi chợt nghĩ rằng sẽ không có ai thay thế một vị Giáo Hoàng tuyệt vời như thế. Nhưng rồi vị Giáo Hoàng người Đức đã quyết định từ nhiệm với ý thức Giáo hội là của Chúa và Ngài có cách của Ngài. Và sau một thời gian Đức Phanxicô lên ngôi, Giáo hội lại chuyển mình và được biến đổi sâu rộng không ngờ. Có thể nói, đó là hoa trái của Thánh Thần.

Bởi vậy, chúng ta không thể lấy trí hiểu con người mà giải thích theo cảm tính mọi thực tại trần gian. Quả thật, xét về lịch sử Giáo hội, không có ai thay thế được Đức Benedicto XVI trong thời điểm vừa qua để giúp cho Giáo hội bước sang một trang lịch sử mới. Chính đặc tính “không thay thế” này đã làm nổi bật nhân cách của một vị Cha chung hiền lành và khiêm nhường. Và cho dù đã thoái vị, cũng không ai có thể thay thế ngài sống trong kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa dành riêng cho ngài. Mặc dù, xét về chức vụ, Đức Phanxicô đã thay thế ngài nắm giữ vai trò cai quản Giáo hội, nhưng dưới cái nhìn siêu nhiên, không ai có thể thay thế ngài trong trái tim của Chúa.

Xét cho cùng, cả ba yếu tố: mầm thiện, độc đáo và duy nhất, và không thay thế chỉ được giải thích thỏa đáng trong cái nhìn của Thiên Chúa.

3.LÒNG TỰ TRỌNG

Lòng tự trọng được hiểu là sự tự nhận thức về năng lực bản thân nhằm giúp chủ thể khẳng định mình khi tiếp cận và sống những bậc thang giá trị, từ đó, phát triển con người toàn diện. Bởi thế, khi nói về lòng tự trọng các nhà tâm lý thường nêu bật *năng lực* bản thân hướng đến thành công và những *giá trị* mà chủ thể sống hầu được coi là xứng đáng với một nhân vị. Mà hai yếu tố này tùy thuộc vào nhận thức của chủ thể khi khẳng định bản thân trước công chúng.

Thật vậy, khi nhận thức về bản thân cách tiêu cực, chủ thể tự làm giảm giá trị bản thân và như thế, làm tổn thương đến lòng tự trọng; trái lại, chúng ta sẽ phát huy lòng tự trọng khi đánh giá tích cực về bản thân. Chúng ta biết rằng trong mỗi cá thể luôn tồn tại hai mặt tiêu cực và tích cực, yếu và mạnh, nhưng người có lòng tự trọng không phủ nhận những điểm yếu, tiêu cực song chấp nhận như một phần của đời sống; đồng thời, nhìn nhận và khẳng định những giá trị tích cực nhằm phát huy con người toàn diện.

Trước tiên, chúng ta mô tả về hai mẫu người này.

Mô tả

Thông thường các nhà tâm lý chia làm 2 loại: người có lòng tự trọng *thấp* và lòng tự trọng *cao*. Cách phân chia này tạo một trở ngại, đó là khi ta đề ra phạm trù cao-thấp thì giả thiết phải có một chuẩn mực để đo lường. Nếu mức trung bình là trạng thái của người có lòng tự trọng lành mạnh thì người có lòng tự trọng cao lại là một tình trạng lệch lạc. Như thế, việc họ tán thành những người có lòng tự trọng cao là một sai lầm. Vì thế, chúng ta sẽ bàn đến người có lòng tự trọng *yếu* và lòng tự trọng *mạnh*. Chúng ta sử dụng hai phạm trù này vì hai lý do: một là, nhằm đến nhận thức của chủ thể về điểm yếu và điểm mạnh của bản thân, và là cách nhấn mạnh đến mức độ cảm xúc mạnh hay yếu trong quá trình chủ thể khẳng định bản thân nhằm gia tăng và phát huy lòng tự trọng.

Cả hai hạng người này đều có năng lực và nội tâm luôn hướng đến những giá trị đáng ước ao. Trong khi người có lòng tự trọng mạnh dồn hết năng lực nhằm phát huy vai trò của chủ thể trong cộng đồng mình sống, người có lòng tự trọng yếu lại dùng tài năng trong việc phô trương thành tích và mua những lời khen của người khác. Vì vậy, họ không thể đạt đến những giá trị vốn bản thân ước ao mà chỉ nhắm đến những yêu sách của người khác.

Mặt khác, nhờ sự kiên trì do ý chí họ hướng trọn về những giá trị đáng ước ao mà người có lòng tự trọng mạnh vẫn đứng vững và tự lập sau những khó khăn thất bại. Đối với họ, thất bại là cơ hội để hành động cách thông minh và thực tế hơn, để tiến dần đến thành công. Còn người có lòng tự trọng yếu, họ dễ dàng buông xuôi, chán nản hoặc dựa dẫm vào thế giá của những người thành công mà tìm cho mình những thành tích nào đó không thực lực. Ở đây, lòng tự trọng đã bị mua chuộc bằng những hành vi mờ ám nhằm che giấu sự thật. Chúng ta dễ dàng nhận ra ai là người có lòng tự trọng thật khi họ biết bước đi trên chính đôi chân của mình. Bởi đó, một công nhân thường có thể vui sống và tự hào vì những thành tích giới hạn của mình hơn là nét hào nhoáng của một bậc “tiên sĩ giấy”. Như thế, lòng tự trọng chịu sự chi phối của nền văn hóa mà chủ thể sống trong đó.

Xét về thái độ sống, người có lòng tự trọng mạnh luôn sống cởi mở và hài hòa với mọi người, họ không lo lắng hay tự vệ mà sẵn sàng đón nhận người khác như *họ là* và chấp nhận bản thân như *tôi là*. Dẫu cho tha nhân có những cách đối xử thiếu tế nhị, người có lòng tự trọng mạnh luôn tạo nét ấn tượng cho người khác. Họ lấy *đức nhẫn* mà đối xử với tha nhân và lấy *đức thành* mà thu phục lòng người. Trong khi đó, người thiếu lòng tự trọng dễ ăn thua đủ với bọn tiểu nhân và tỏ ra khiếm nhã với người làm mất lòng họ. Xét cho cùng, họ mất đi nét tự chủ vốn có của bậc đại nhân.

Xét về sự vụ, người có lòng tự trọng mạnh sẵn sàng và can đảm dấn thân nhằm phục vụ cho những giá trị đích thực. Còn những người có lòng tự trọng yếu, họ phục vụ qui về việc tìm mưu cầu lợi ích bản thân. Người này muốn vượt qua những giới hạn của bản thân để khẳng định mình trong những điều mới mẻ. Người kia lại tìm sự an toàn và dùng năng lực của mình để bảo vệ những thành tích nhất thời. Chính những nhận thức tích cực về bản thân mà người có lòng tự trọng mạnh luôn dấn thân không mệt mỏi cho nhân loại. Trái lại, những người có lòng tự trọng yếu vẫn bảo thủ và cố hữu trong những nhận thức hẹp hòi khiến bản thân trở nên tù túng và làm nô lệ cho những nếp sống tiêu cực.

Từ cách đối chiếu giữa hai mẫu người trên, có thể gọi lên cho chúng ta nhiều nét nổi bật để đánh giá và phân loại trong mức độ nào đó, từ đây, chúng là cơ sở giúp chúng ta nhận ra mình đang trong mẫu người nào được nêu trên. Xin gọi thêm 3 miêu tả khác đối với người có lòng tự trọng yếu, hoặc nói cách khác, kẻ thiếu lòng tự trọng:

1. *Kẻ giả dối*: Bề ngoài họ tỏ vẻ hạnh phúc, thành công nhưng bên trong họ luôn sợ hãi vì những thất bại của mình. Họ cần sự thành đạt để che giấu sự tự cao giả tạo và điều này biến họ thành kẻ luôn cầu toàn, do dự và thích ganh đua. Lòng tự trọng nơi họ thật mong manh và dễ vỡ, nghĩa là chỉ có hình thức mà không có nội dung, về hào nhoáng ấy một ngày nào đó sẽ bị “oxy hóa” bởi tác động bên ngoài, và họ cố che đậy bằng nhiều phương cách tự vệ khác nhau. Chung cục, họ đánh mất chính mình ngay khi cố níu kéo lòng tự trọng mỏng manh kia.

2. *Kẻ nổi loạn*: Cố gắng chứng minh mình có quan điểm, thiện chí như bao người khác, đặc biệt là những người có vai vế, quyền lực; cuộc sống đầy những bức bối vì cảm giác “chưa đủ”. Đối với họ, những lời phán xét hay chỉ trích của người khác không làm tổn thương họ, đối lại, họ trở thành kẻ chỉ trích người khác quá đáng, thậm chí muốn chống đối kịch liệt. Bản năng gây hấn nơi họ bất chấp mọi điều kiện của xã hội đề ra cho một người trưởng thành, làm chủ bản thân. Sự mất kiểm soát này khiến họ bị tổn thương nặng về lòng tự trọng.

3. *Kẻ bại trận*: Hành động một cách ngớ ngẩn, vô ích để chống lại mọi thứ rồi chờ người khác đến giải cứu; tỏ vẻ đáng thương hại hay tỏ vẻ thờ ơ nhằm trốn tránh trách nhiệm thay đổi cuộc sống chính mình; luôn luôn trông chờ vào sự hướng dẫn của người khác, do đó trở thành người thiếu quyết đoán, khó thành đạt và hay ý lại. Họ thất bại không do bản thân bất tài nhưng vì thiếu sự nhạy bén và tinh tế để đọc ra những dấu chỉ như những cơ hội đến trong đời, và vì thiếu khả

năng tự lập, họ nấp bóng nơi thành công của người khác mà ảo tưởng là mọi người tán dương mình. Họ không có khả năng dừng lại để phản tỉnh và lượng giá với những gì mình có để tiếp tục tiến nhanh và tiến xa; trái lại, họ cứ nhắm mắt đưa chân mặc cho sóng đời trôi dạt. Cuối cùng, họ thất vọng và bị chết khát ngay bên dòng nước vốn hứa hẹn một mùa bội thu.

Những yếu tố ảnh hưởng lòng tự trọng

Nếu hiểu lòng tự trọng là sự tự nhận thức về bản thân, chúng ta đã đề cao giá trị của sự tự nhận thức và quả thật, đây là yếu tố quan trọng mang tính quyết định khi nói về lòng tự trọng. Nhận thức, ở đây, có thể giới hạn trong *sự hiểu biết* về thực tại và *ý thức trách nhiệm* về cuộc sống mình.

Chắc hẳn chúng ta không bao giờ nghe nói về lòng tự trọng của một người mang hội chứng thiếu năng chỉ vì họ không có khả năng hiểu biết thực tại và ý thức trách nhiệm về hành vi của mình. Và ngay cả những người bị bệnh tâm thần, luật pháp cũng bảo vệ họ và không kết tội họ. Phải chăng họ không đáng được tôn trọng? Ở đây, lòng tự trọng của họ được giảm lược trong sự tôn trọng nơi phẩm giá mỗi người, nghĩa là họ được tôn trọng chỉ vì họ là người mang hình ảnh Thiên Chúa. Trong khi đó, lòng tự trọng lại tùy thuộc sự khẳng định của bản thân mà nhờ nhận thức cách nào đó, chủ thể biểu hiện ra bên ngoài bằng cách ứng xử, cảm xúc... Điều này, chúng ta không thể đòi buộc nơi những người thiếu năng.

Nếu xét về cường độ nhận thức của con người thì ai càng có khả năng nhận thức đúng đắn về thực tại đời sống càng dễ nắm bắt cơ hội để thể hiện mình trong mọi lãnh vực kể cả những tương quan về mặt xã hội. Điều này không bao hàm những bậc tri thức đại tài vì họ dư khả năng để truy tầm và nắm bắt mọi kiến thức nhân loại nhưng có thể lại mù tịt về chính mình, vì thế, thực tại trở thành một điều mới mẻ thách thức sự hiểu biết của họ.

Còn *ý thức trách nhiệm* thuộc phạm vi luân lý. Nó giả thiết một sự hiểu biết nào đó nơi chủ thể. Vì một khi chúng ta hiểu biết và tự do quyết định một điều gì đó, thì chúng ta buộc chấp nhận tất cả hệ lụy nó xảy ra kể cả những hậu quả không lường trước được. Bởi đó, người có lòng tự trọng không đổ lỗi cho người khác nhưng nhận phần lỗi về mình trước tiên. Chính lòng tự trọng giúp họ đối diện với thực tại một cách cân trọng vì họ đánh giá đúng đắn về những điểm tích cực cũng như tiêu cực của bản thân.

Nhưng việc ai đó bị sa sẩy, phạm lỗi, có phải vì thế mà lòng tự trọng của họ bị tổn thương? Chúng ta có thể nói đây là một thất bại của họ vì đã không đạt đến mục đích của mình là Sự Thiện. Nói cách khác, có một sự đảo lộn về bậc thang giá trị vốn giúp họ khẳng định lòng tự trọng. Không vì thế, lòng tự trọng của họ bị giảm đi; trái lại, nếu họ biết lợi dụng thất bại đó như một bài học kinh nghiệm để nhìn nhận và chấp nhận mặt giới hạn của mình thì đó là nét tích cực của lòng tự trọng. Thật vậy, lòng tự trọng không hệ tại ở việc thành công bên ngoài, nghĩa là được người đời khen ngợi, nhưng tùy thuộc bản thân vẫn cố gắng sống những giá trị đích thực. Việc thất bại kia cho thấy họ đã nhận thức sai về những giá trị hoặc chưa nắm bắt cơ hội thuận tiện (yếu tố ngoại tại), cũng có thể là chưa khám phá đủ những giới hạn bản thân (nội tại); song, một khi đã chấp nhận điểm yếu của mình là cơ hội mới giúp chủ thể khắc phục và điều hướng chúng về những giá trị siêu nhiên giúp xây dựng con người toàn diện. Theo tiến sĩ David J. Lieberman, người có lòng tự trọng mạnh là người biết chấp nhận những điều sai hay thất bại trong cuộc sống; trái lại, thái độ của người có lòng tự trọng kém khi đối diện với những thất bại, họ không thể chấp nhận và dùng mọi cách để bào chữa, biện hộ hay hợp lý hóa những sai lầm đó. Thái độ tự vệ như thế đã làm giảm sút lòng tự trọng của họ.

Để thấy rõ hơn cách đánh giá một người liên quan đến lòng tự trọng, chúng ta sẽ cứu xét trường hợp của Đức Bênêdictô XVI. Qua việc thoái vị của ngài, có nhiều hướng đánh giá trái chiều nhau. Nếu chúng ta cho rằng việc từ chức này là một sự thất bại trong triều đại Giáo

Hoàng, thì quả thật lòng tự trọng nơi ngài bị giảm trừ cách nào đó. Còn nếu chúng ta nhìn nhận sự kiện này là quyết định của một người biết mình đủ, thì đây là một người hết sức tự trọng. Thật vậy, ngài luôn ý thức vai trò lớn lao của vị thủ lãnh Giáo hội, và một khi sức khỏe và nội lực cũng như những lý do chủ quan nào đó mà không còn khả năng thích ứng nhiệm vụ đó cách tốt đẹp, ngài sẵn sàng buông bỏ. Hơn nữa với ý thức Giáo hội là của Chúa, ngài phó thác cho sự thúc đẩy của Thánh Thần, để nhận ra ý Chúa muốn trong mọi sự. Giải thích theo cách này, chúng ta có thể lý giải lòng tự trọng của Đức Bênêdictô XVI dựa trên bậc thang giá trị cao nhất của lòng tin.

4. NHỮNG CẢN TRỞ TRONG VIỆC TÌM RA Ý NGHĨA CUỘC SỐNG

Như trong phần dẫn nhập, chúng ta đã nhắc đến lời nhận định sâu sắc của Đức Phanxicô khi bàn đến những thách đố trong thời đại này, ngài viết: “*Trong thế giới ngày nay có rất nhiều dấu chỉ, thường được tỏ lộ gián tiếp hay tiêu cực về sự khao khát Thiên Chúa, về ý nghĩa tối hậu của cuộc đời*”.²⁴ Trong phần này chúng ta sẽ bàn sâu rộng về những vấn đề ngài bàn trong tông huấn *Evangelii Gaudium* và những gì cản trở chúng ta tìm ra ý nghĩa cuộc sống, dưới góc độ của tâm lý học.

4.1. Ký ức nghèo nàn

Ký ức là kho tàng vô tận bị chôn vùi trong quá khứ với những kinh nghiệm bản thân mà chúng ta có thể khơi gợi lại bằng hoài niệm. Nếu kinh nghiệm bản thân là chất liệu của ký ức thì việc con người sống thiếu trải nghiệm sẽ dẫn đến một ký ức nghèo nàn.

Ký ức ấy cũng được nuôi dưỡng và phát huy trong một nền văn hóa nào đó. Chúng ta biết rằng sau biến cố năm 70, người Do Thái đã ly tán khắp nơi trên toàn thế giới, thế mà, đến giữa thế kỷ XX, họ trở về nước với quyết tâm tái lập xứ sở của mình. Hơn 19 thế kỷ bị mất nước, thế mà, giờ đây họ vẫn tự hào là một nước có truyền thống văn hóa tôn giáo lâu đời; rằng: Thiên Chúa không bỏ rơi họ. Họ có thể làm được những điều vĩ đại, do đâu? Đó là nhờ ký ức lịch sử của dân tộc. Đơn cử một sự kiện trong quá khứ: biến cố vượt qua Biển Đỏ. Kinh nghiệm quá khứ của cha ông họ đã được họ nội tâm hóa, biến thành kinh nghiệm và xác tín cá nhân, tất cả đã ăn sâu trong ký ức của họ. Nếu kinh nghiệm ấy tạo nên ký ức phong phú nơi họ thì một ký ức nghèo nàn không có chỗ cho những trải nghiệm thiêng liêng.

Nhưng vấn đề là tại sao ký ức nghèo nàn lại cản trở chúng ta sống có ý nghĩa?

Những kinh nghiệm còn được in dấu trong ký ức con người chứng tỏ nó có mang một giá trị hay ý nghĩa nào đó cho bản thân tôi. Những đồng lúa hai bên đường tôi đã gặp và nó không còn nữa nhưng cánh đồng bên nhà tôi là cả một bầu trời kỷ niệm; nơi đó, tôi được thỏa thích chạy nhảy, vui chơi... nó là thành phần trong hiện hữu tôi. Ký ức về cánh đồng ấy khiến cuộc sống tôi thêm ý nghĩa. Chắc hẳn, với những người sống hời hợt, hào nhoáng sẽ không có những kinh nghiệm đó dù họ sống và hít thở những mùi thơm của cánh đồng ấy mỗi ngày. Bởi đó, một ký ức nghèo nàn làm cho cuộc sống vốn đơn điệu lại càng buồn tẻ hơn. Và rồi những hạt cơm có thể giúp họ lớn lên về mặt thể chất nhưng tinh thần thì không.

Hoài niệm không phải là sống luyến tiếc với những quá khứ đã qua để rồi quên đi thực tại mình đang sống mà là giúp bản thân sống sung mãn hơn phút hiện tại. Chẳng hạn, bạn đang hoài niệm về một cánh đồng thời xa xưa ấy với những cảm xúc dâng trào, đồng thời, bạn xác tín rằng không ai tắm hai lần trên một dòng sông. Khi ấy, bạn sẽ trân trọng cảnh vật bạn đang sống và thường ngaoạn những điều mà bạn có thể bỏ sót trong quá khứ. Như thế, hoài niệm giúp bạn sống

²⁴ Đức Phanxicô, *Sđd*, số 86.

kinh nghiệm phong phú hơn trong phút hiện tại. Nếu khi xưa cánh đồng ấy giúp tôi sống cởi mở với bản thân thì nay cảnh vật trước mắt giúp tôi hướng về một vẻ đẹp siêu nhiên trên trời. Cuộc sống có ý nghĩa không hề tại ở cánh đồng xa xưa hay cảnh đẹp hiện tại mà tùy thuộc thái độ nội tâm của chúng ta. Nghĩa là, nhờ sự hiểu biết và kinh nghiệm mỗi ngày cộng thêm mối quan tâm của mỗi người (cảnh vật thiên nhiên, cuộc sống hiện sinh...) mà chủ thể đã sẵn sàng đón nhận thực tại để làm nên một cuộc sống có ý nghĩa.

4.2. Những tiêu cực trong cuộc sống

Trong tông huấn *Evangelium Gaudium* (Niềm vui của Tin Mừng), Đức Phanxicô lưu ý chúng ta về một thái độ tiêu cực: *cảm giác thất bại*. Ngài nói: “*một trong những cảm dỗ nghiêm trọng bóp nghẹt sự nhiệt tình và mạnh dạn là cảm giác thất bại, là điều biến đổi chúng ta thành bi quan bất mãn và thất vọng khi phải đối diện với tình trạng đen tối*”.²⁵ Nghĩa là họ như những nhà tiên tri thấy trước những thất bại tương lai. Nỗi ám ảnh ấy đã khiến họ không đạt đến mục tiêu mình đã vạch ra và đồng nghĩa với việc họ không thể khám phá ra ý nghĩa của việc mình làm.

Nói như thế, không có nghĩa là những người thành công chắc chắn sống có ý nghĩa. Thực tế cho thấy, có những người đạt đến những cấp bậc cao trong xã hội đã tự vẫn ngay trên đồng vàng kết xù của mình với mảnh giấy: *tôi không tìm ra ý nghĩa của cuộc sống*. Bởi đó, việc sống có ý nghĩa không hề tại ở sự thành công nhưng tùy thuộc ở thái độ sẵn sàng của tâm hồn. Họ đón nhận thực tại với tất cả ý thức dần thân, những khó khăn chỉ là cơ hội giúp họ vượt qua và khẳng định bản thân mình. Trong khi đó, người bi quan chỉ thấy toàn là khó khăn trong những cơ hội mà cuộc sống mang đến cho họ. Đức Phanxicô thật chí lý khi nói: “*Những sự dữ của thế giới chúng ta và của Giáo Hội không phải là một lý do để giảm bớt sự dần thân và nhiệt tình của chúng ta. Hãy chỉ coi chúng như những thách đố để lớn lên*”.²⁶

Có một loại cảm giác khác nguy hiểm hơn, nó ảnh hưởng trực tiếp đến việc tìm ra ý nghĩa cuộc sống mà được các nhà tâm lý bàn đến, cách riêng Viktor E. Frankl, đó là *cảm giác vô dụng và vô nghĩa*. Với kinh nghiệm nhiều năm trong việc điều trị tâm lý, tác giả đã đưa ra những quan sát và nghiên cứu rất thiết thực liên quan vấn đề chúng ta đang bàn. Do nhịp sống công nghiệp hóa, dần dần công việc của các công nhân được thay thế bằng cỗ máy tự động. Thế nên, họ có nhiều thời gian rảnh rỗi hơn. Đáng tiếc là nhiều người trong số họ không biết làm gì với số lượng thời gian trống trong ngày. Tình trạng còn tồi tệ hơn được tác giả nhắc đến là “*tình trạng rối loạn tinh thần vào ngày nghỉ*”, nghĩa là những người này rơi vào trạng thái trầm cảm vào những ngày nghỉ cuối tuần. Họ nhận ra cuộc sống mình thật trống trải và vô vị. Điều này kéo theo bao tệ nạn xã hội vì những giải trí vô bổ và thiếu lành mạnh. Có thể nói, đó là một trong những hệ quả của những mảnh đời không tìm ra ý nghĩa cuộc sống.

Tình trạng rối loạn tinh thần mà chúng ta đang bàn đến còn trầm trọng hơn do nạn thất nghiệp. Ông V. Frankl đã đưa ra những sai lầm trong cách nhận thức của những người này, họ cho rằng: *thất nghiệp được xem như vô dụng, và vô dụng được xem như có một cuộc sống vô nghĩa*.²⁷ Chúng ta biết rằng việc làm tự nó không làm tăng hay giảm giá trị nhân phẩm của một người. Nhưng nó giúp con người sống ý nghĩa vì cộng tác vào công trình sáng tạo của Chúa. Sống dần thân giúp con người tìm ra ý nghĩa cuộc đời mình. Chính khi những người rối loạn này chỉ làm việc để lấp đầy những khoảng trống trong đời mà khi thất nghiệp, họ cảm giác thật vô dụng và vô nghĩa.

²⁵ Đức Phanxicô, *Sđd*, số 85.

²⁶ Đức Phanxicô, *Sđd*, số 84.

²⁷ X. Viktor E. Frankl, *Đi tìm lẽ sống*, Nhà xuất bản Trẻ, tr.188.

Trở lại với tông huấn trên, Đức Phanxicô đã lưu ý chúng ta: “...ở một số nơi đã có việc ‘sa mạc hóa’ về tâm linh, là hậu quả dự án của những xã hội muốn xây dựng mà không có Thiên Chúa hoặc phá hủy gốc rễ Kitô giáo...”²⁸ Có thể nói, đây là thực trạng của con người thời đại, họ chủ trương đời sống tâm linh vắng bóng Thiên Chúa; đồng nghĩa với việc loại Người ra khỏi cuộc sống của họ. Nhưng họ đâu biết, một cuộc sống vắng bóng Tình Yêu là một thế giới của hận thù, đố kỵ... Chính trong thế giới cạnh tranh và bất ổn này, những người thiện chí được mời gọi tái khám phá ra giá trị của những gì thiết yếu trong cuộc sống. Ý nghĩa mà cuộc sống đem lại nằm trong chính khát vọng của lòng người. Chính khát vọng này giúp ta vượt qua mọi cản trở mà biến nó thành phương tiện xây dựng con người trưởng thành.

Một trong những quan tâm hàng đầu trong triều đại của ngài là con người ngày nay sống qui về bản thân. Điều này cũng được ngài nhắc lại trong tông huấn: “*Tự khép mình lại có nghĩa là ném mùi cay đắng của nọc độc của tính nội tại, nhân loại sẽ trở nên xấu hơn vì mỗi lựa chọn ích kỷ mà chúng ta làm*”.²⁹ Những người ích kỷ thật ảo tưởng khi cho rằng tự mình có thể làm được tất cả nhằm thỏa mãn bản thân. Nhưng con người là một tinh thần nhập thể mà chỉ có tinh thần mới thật sự lấp đầy mọi khát vọng nơi bản thân. Chúng ta phải *ra khỏi mình* để có thể vươn cao hơn, mà nói như các nhà tâm lý học, tự siêu thoát. Có thể, chúng ta mới vận dụng hết năng lực Chúa ban khả dĩ khám phá ra ý nghĩa của cuộc sống. Vì ý nghĩa cuộc sống ở bên ngoài, bên trên ta, nó chi phối cả cuộc đời ta. Nếu triết gia Socrate đã phát biểu: “*Một cuộc sống không ý thức thì không đáng sống*” thì chúng ta cần xác tín thêm rằng một cuộc sống không ý nghĩa thì không đáng sống. Ý nghĩa cuộc sống lớn hơn và bao trùm lấy hiện hữu của bạn.

4.3. Ghen tị

Có thể nói, ghen tị là một tình trạng lệch lạc của tâm thức khi chủ thể chỉ chăm chăm chú chú đến những gì người khác có và đem lòng thèm muốn; trong khi đó, lại không nhận ra những năng lực của mình. Không dừng lại ở cảm xúc tiêu cực, người ghen tị còn muốn chiếm đoạt những gì thuộc sở hữu người khác, nếu không, ít ra, họ làm phá tán sự nghiệp của người khác. Tất một lời, họ không thể hài lòng với chính mình. Điều này kéo theo một thái độ sống vô ơn khi đã lãnh nhận hết ơn này đến ơn khác từ bàn tay yêu thương của Chúa. Khi bất mãn với bản thân, họ không đủ tinh táo để sống những cơ hội đang chào đón họ. Ý nghĩa của cuộc sống dường như là một giá trị mơ hồ. Đối với họ, những gì có ý nghĩa nó đã bị tha nhân chiếm đoạt. Họ quên rằng ý nghĩa nằm ngay chính trong từng cảnh huống của cuộc sống họ.

Một khía cạnh khác nữa khiến người ghen tị không thể sống có ý nghĩa là lòng tự trọng. Thật vậy, khi không thừa nhận những gì mình có và ám ảnh về những gì thuộc sở hữu người khác, vô hình trung, người ghen tị tự hạ thấp mình, lòng tự trọng của họ bị tổn thương. Có thể nói, đây là một cản trở lớn khiến họ sống tiêu cực, và như thế, sự vô nghĩa và vô vọng nằm ngay chính trong hiện hữu của họ. Thiết tưởng, chỉ có niềm hy vọng mới khả dĩ giúp họ cải thiện cuộc sống có ý nghĩa.

Có thể nói, ghen tị đã phát khởi từ trong chính tương giao của con người vốn mang tính xã hội. Cuộc nội chiến đầu tiên của gia đình ông Adam là một minh chứng hùng hồn. Kinh Thánh đã diễn tả sống động về hậu quả của lòng ghen tị qua cái chết của ông Abel, được coi là người công chính. Nếu chỉ sống một mình, con người sống vươn lên từng ngày, nghĩa là hôm nay phải hơn hôm qua và ngày mai phải hơn hôm nay... Nhưng trong cuộc tương giao, con người có khuynh hướng so sánh mình với người khác; từ đó, sinh ra lòng ghen tị, rồi đố kỵ và cuối cùng là ganh ghét loại trừ nhau. Mỗi người nhận được các ơn huệ và nén bạc khác nhau, thế

²⁸ Đức Phanxicô, *Sđđ*, số 86.

²⁹ Đức Phanxicô, *Sđđ*, số 87.

nên, chúng ta không thể lấy cái thể mạnh của người khác mà so sánh với điểm yếu của mình, vì như thế, bạn tự làm mình bị tổn thương. Người năm nén thì sinh lợi năm nén, còn nếu bạn được hai nén thì Chúa không bắt bạn phải sinh lợi năm nén, thế sao bạn ghen tị với người năm nén. Điều bất hạnh nơi người ghen tị là không khám phá hết nén bạc Chúa trao cho mình để làm triển nở con người của mình. Thế rồi, lòng ghen tị đã cướp hết nội lực phấn đấu của họ và khiến họ xa rời lý tưởng khám phá ra ý nghĩa của cuộc sống.

Để kết thúc phần này xin chia sẻ một câu chuyện như một gợi ý trong việc chọn lựa những gì nhằm ích lợi cho cuộc sống của bạn.

Buổi sáng trước khi đi làm, bạn đang dùng điểm tâm với gia đình, chợt đứa con gái vô tình làm đổ tách cà phê lên người của bạn. Bạn giận quá, la mắng thẳng mặt con bé. Con bé òa khóc. Bạn quay sang trách luôn cả người vợ đã đặt tách cà phê quá gần cạnh bàn. Hai vợ chồng cãi nhau một lúc. Bạn đứng đủng đỉnh lên lầu thay quần áo. Khi trở xuống, con vẫn còn khóc, chưa kịp ăn xong nên bị lỡ chuyên xe đưa rước. Vợ lại hỏi hã đi làm. Bạn vội vã nhưng phải đưa con gái đến trường. Sợ trễ buổi họp quan trọng, bạn không để ý đến đèn đỏ. Bực mình vì bị cảnh sát giao thông thổi phạt, bạn đưa con tới trường trễ. Con chạy vội vào lớp không kịp chào các bạn. Bạn đến văn phòng trễ hơn hai mươi phút, và phát hiện mình đã bỏ quên chiếc cặp làm việc ở nhà...

Một ngày sống của bạn đã bắt đầu thật khủng khiếp, và những diễn tiến tiếp theo đó càng tệ hại hơn. Chiều tối, bạn căng thẳng trở về nhà, nhận thấy vợ con không vui vẻ như mọi khi.

Tại sao bạn có một ngày tồi tệ như thế ?

-Tại tách cà phê ?

-Tại vợ của bạn ?

-Do sự vô ý của con bé ?

-Do người cảnh sát giao thông ?...

-Hay vì chính mình ?

Có những lúc bạn không thừa nhận là do lỗi của bạn phải không ? Bạn có quyền chọn cho mình một thái độ sống tích cực hơn chứ ? Cách quyết định chọn thái độ chỉ trong một vài giây của bạn lúc con bé làm đổ tách cà phê, đã tạo nên một chuỗi những hệ quả tiếp theo...và sau cùng là một ngày bất hạnh.

Để có thể thoát ra khỏi tình trạng tiêu cực trên, bạn có thể sửa lại thế này.

Khi con gái bạn làm đổ cà phê lên áo bạn, nó sợ và nép mình muốn khóc. Bạn có thể lấy khăn lau hết những vết bẩn và trấn an con bé: “*Không sao đâu con, bố biết con muốn tự ý mời bố lý cà phê này, đúng không ? Lần sau con nhớ để ý hơn một chút nhé !*” Bạn lên lầu thay áo và nhớ mang theo chiếc cặp. Khi xuống nhà, bạn còn kịp vẫy tay chào con gái chuẩn bị lên xe đưa rước. Bạn chào vợ rồi mỗi người vui vẻ đến chỗ làm của mình. Bạn đến văn phòng sớm năm phút, vui vẻ chào các đồng nghiệp. Và một ngày làm việc hiệu quả làm bạn thật hài lòng.

Bạn có nhận ra sự khác biệt rất lớn giữa hai ví dụ trên khi xuất phát từ một điều rất nhỏ (tách cà phê bị đổ vào áo của bạn) ? Cùng một khởi đầu nhưng kết thúc lại rất khác nhau. Đó chính là do cách chọn lựa thái độ và phản ứng của bạn.

Bạn có thể chọn cho mình một cuộc sống ý nghĩa rất nhân bản vậy ! ³⁰

³⁰ X. Nhiều tác giả, *Hạt giống tâm hồn và ý nghĩa cuộc sống*, Nxb Tổng hợp TP. HCM, tr.35-37.

5. TỪ THẦN TƯỢNG ĐẾN ĐỨC GIÊSU

Có thể nói, đây không phải là một cuộc tận diệt cái tôi nhưng là một tiến trình chuyển hóa từ bản thân đến Đức Kitô. Điều này đòi hỏi sự quyết định mang tính triệt để và tuyệt đối của mỗi cá nhân muốn chọn Đức Kitô làm ý nghĩa cuộc sống đời mình.

5.1. Thần tượng

Hầu như ai cũng trải qua giai đoạn này một cách nào đó. Thần tượng, ở đây, được hiểu là một chuẩn mực về cái đẹp nhất thời. Mà cái đẹp tùy thuộc phần lớn vào thẩm mỹ của mỗi người trong mỗi giai đoạn chuyển biến của xã hội. Thế nên, thần tượng không bền vững. Có những cái đẹp hình thức trên quần áo, diện mạo của một diễn viên có thể trở thành thần tượng của một số fan hâm mộ trong một giai đoạn nào đó (sau đó, nó sẽ bị lỗi thời). Có những cái đẹp đến từ thái độ nội tâm của một tâm hồn cao thượng có thể trở thành một khuôn mẫu trong cách ứng xử nhân bản nào đó. Tùy xu hướng tính cách mỗi người và những đam mê khác nhau mà người ta có thể xây dựng một thần tượng thích hợp.

Chúng ta cần khẳng định rằng việc theo đuổi một thần tượng không có gì là xấu cả ! Trái lại, nó còn biểu hiện một năng lực vốn có mà chủ thể muốn hướng về đối tượng là chân, thiện và mỹ. Việc sụp đổ hay chuyển hướng thần tượng, phần lớn không tùy thuộc vào đối tượng nhưng do chính chủ thể thay đổi cách nhìn và đánh giá thực tại. Nghĩa là những gì tôi coi là chân, thiện và mỹ cũng mang một giới hạn nào đó. Một khi sự hiểu biết và óc biện phân của chủ thể có phần tiến triển thì thần tượng xưa kia có thể trở thành một hiện tượng xã hội một thời vắng bóng. Ở đây, chúng ta cần ghi nhận khát vọng tự nhiên của con người là hướng về Chân, Thiện và Mỹ. Đó là hạt giống Thiên Chúa đã đặt để trong con người khi mời gọi: *“Hãy nên hoàn thiện như Cha trên trời là Đấng hoàn thiện”*. Nhưng đôi khi con người cần phải trả giá bằng máu hoặc cả mạng sống (tự tử vì thần tượng không còn nữa) để đi từ thần tượng này đến thần tượng khác, sau cùng, có thể bước vào quỹ đạo của đời sống tâm linh; chọn Chúa làm lẽ sống. Sự hiểu biết và kinh nghiệm của con người sẽ là một năng động giúp mỗi cá nhân tự do chọn lựa những giá trị cao hơn nhằm “nâng cấp” đời sống hiện tại. Thật vậy, cuộc sống là một chuỗi những chọn lựa mà một người muốn dẫn thân thực sự buộc phải tự quyết. Chính khi bạn chọn những giá trị tích cực, đúng đắn và phù hợp với con người mình, bạn sẽ nhận được những thành quả tốt đẹp phù hợp với công khó của mình.

Bên cạnh đó, việc theo đuổi thần tượng cũng kèm theo một giới hạn mà chúng ta cần lưu ý. Đôi khi sự bắt chước theo thần tượng một cách máy móc thiếu sáng tạo, nó sẽ dẫn đến việc đánh mất đi tính cá vị của mỗi người. Điều này có thể làm cản trở việc hình thành nhân cách đích thực.

Tóm lại, việc hâm mộ thần tượng có thể được coi là một nét đẹp của văn hóa nhưng một khi tôn sùng thần tượng, nó lại trở nên một thảm họa. Nghĩa là cản trở con người triển nở trong việc hình thành tính cách độc đáo của một nhân vị. Đồng thời, nó giới hạn khát vọng của con người đạt đến Thực Tại Siêu Việt. Để tránh khỏi những chướng ngại vật này, chúng ta cần chọn cho mình một thần tượng là chính Đức Giêsu, Đấng khả dĩ giải thoát và trợ giúp con người đạt đến đích là Chúa Cha.

Truyện kể rằng: thánh Giêrônimô vốn rất thích ngành văn chương, ngài thích thú đọc những tác phẩm văn chương nổi tiếng thời đó, đặc biệt là những cuốn tiểu thuyết của Cicéron. Một ngày kia, thánh nhân nằm mơ rằng mình chết và đứng trước ngai Thiên Chúa. Ngài hỏi: “Người là ai ?” Thánh nhân trả lời: “Con là môn đệ Đức Kitô”. Thiên Chúa đáp: “Người không phải là môn đệ của Đức Kitô, người là môn đệ của Cicéron”. Tỉnh giấc, ông nhận ra bài học

Chúa dạy qua giấc mơ. Từ đó, ông đã bỏ lại những tác phẩm đời và quyết tâm theo Đạo Thật, lấy Kinh Thánh làm kim chỉ nam cho đời sống thiêng liêng.

5.2.Tôi

Sau khi đã nếm mùi thất bại do việc tôn sùng thần tượng gây ra, con người bắt đầu quay về với lòng mình (qui ngã). Thất bại chứ không phải là thất vọng; đây là cơ hội giúp con người hành động cách thông minh hơn. Từ đây, con người tìm sự an toàn ngay trong chính cung lòng mình. Việc các thần tượng bị sụp đổ đã là một bước ngoặt lớn trong hành trình khẳng định bản thân. Nhưng cuộc chinh phục vẫn còn trước mặt vì đích đến của con người là Đức Kitô.

Có thể nói, đây là khởi đầu của những diễn biến phức tạp trong nội tâm.³¹ Điều này đòi buộc mỗi người phải tự nhận diện và đánh giá hầu đưa ra một giải pháp tốt nhất cho riêng mình.

Một trong những lý do khiến con người qui về thần tượng là muốn được nên giống thần tượng trong một nét đặc trưng nào đó của nhân cách họ. Như thế, một khi thần tượng ấy sụp đổ, họ trở về lòng mình với đôi bàn tay trắng và con tim trống rỗng. Có thể nói, đây là cuộc khủng hoảng về căn tính mà một người trưởng thành phải đối diện. Khủng hoảng này được hiểu là sự dao động giữa những yếu tố ngoại lai (thần tượng) với những yếu tố nội tại (những gì làm nên căn tính của một người – tôi là tôi chứ không phải một ai khác). Khuynh hướng tự nhiên trong giai đoạn này là họ đi từ thái cực này đến cùng cực khác; họ khó tự chủ trong việc bộc lộ cảm xúc, và tránh giáp mặt với thực tế cuộc sống. Một trong những thay đổi nơi họ mà chúng ta dễ thấy nhất, là họ muốn thay đổi môi trường sống để xa tránh những người đã biết phần nào về quá khứ của họ. Hoặc họ lấy việc làm mà lấp đầy những thời gian trống hầu tránh đối diện với chính mình. Và họ nghĩ rằng với những hành động ấy có thể thay đổi thế giới, đổi mới những người sống chung quanh họ mà không nhận ra điều duy nhất cần làm lúc này là trở về với lòng mình để thay đổi chính nhận thức của mình về thực tại.

Ở đây, có một sự nhận thức thái quá về bản thân. Thật ra, yêu mình là một thái độ tích cực và chính đáng của chủ thể. Chăm sóc và đáp ứng những nhu cầu đúng đắn của bản thân là một việc cần thiết. Nhưng nếu vì thế mà chủ thể vượt qua phạm vi cho phép của bản thân, để rồi muốn điều khiển cả người khác như ý mình thì đây là một điều thái quá, cần phải điều chỉnh. Tôi có một không gian riêng đòi buộc người khác tôn trọng, trái lại, tôi cần phải tôn trọng giới hạn của tha nhân. Giới hạn này được tác giả Scott Peck gọi là *vành đai bản ngã*. Vượt quá vành đai này, con người dễ làm tổn thương đến lòng tự ái của nhau.

Vành đai này mang đặc tính cố định hay không ngừng giãn nở? Chúng ta có thể trả lời ngay rằng: *nó là một thực tại năng động*. Nghĩa là nó được mở rộng nhờ nhận thức và ý thức của con người. Theo nhà tâm lý học này, mỗi lần bản ngã được khuếch trương là mỗi lần thực hiện một cuộc “hiệp nhất thần nhiệm”. Để giải thích rõ hơn, chúng ta buộc mượn hai phạm trù trong triết học được triết gia Gabriel Marcel giới thiệu: *hiện hữu* và *chiếm hữu*.

Hiện hữu là phần cốt yếu và nền tảng giúp hình thành bản ngã. Trong khi đó, phần *chiếm hữu* đóng vai trò năng động trong con người. Trải qua một cuộc đồng hóa và đồng nhất, phạm trù chiếm hữu sẽ sáp nhập vào hiện hữu. Ví dụ, ta hãy xem một người nọ làm vườn để tiêu khiển. Đó là một thú giải trí vừa thú vị vừa tốn công tốn của. Anh ta thích làm vườn. Khu vườn của anh có một ý nghĩa rất lớn đối với anh. Anh quyền luyến khu vườn ấy. Anh thấy mình bị khu vườn thu hút, anh bỏ thời giờ và công sức của anh ra cho khu vườn, anh gắn bó với nó đến nỗi anh có thể dậy rất sớm vào buổi sáng để ra thăm vườn, anh có thể bỏ một chuyến đi xa vì không muốn bỏ bê nó. Dầu thực tế là khu vườn đang tồn tại bên ngoài anh, một cách nào đó nó cũng đang tồn tại bên trong anh – qua sự quyền luyến của anh đối với nó. Nhận thức của anh về khu vườn và ý

³¹ Những mô tả được gợi ý ở đây, chỉ mang tính tham khảo.

nghĩa của khu vườn ấy đối với anh đã trở thành một phần của anh, một phần của tính cách anh, một phần của lịch sử đời anh. Xuyên qua tình cảm quyến luyến đối với khu vườn, anh đã thực sự sát nhập khu vườn vào trong con người anh – và với sự sát nhập ấy, bản thân anh được phong phú hóa và các vãnh đai giới hạn của anh được mở rộng ra.³²

Như thế, khu vườn vốn là vật chiếm hữu, nay có thể được chủ thể sáp nhập và đi vào hiện hữu của mình.

Chính lúc vãnh đai bản ngã luôn được nói rộng mà có người dễ dàng sống trong ảo tưởng về bản thân mình. Họ thổi phồng cái tôi của mình cách lộ liễu, đánh bóng bản ngã của mình cách lộ lảng và vuốt ve bản thân mình cách sỗ sàng. Mặc dù, chúng ta nhìn nhận nhu cầu con người cần được quan tâm và tôn trọng là điều chính đáng, nhưng không vì thế, con người quá câu nệ vào lời khen tiếng chê của người khác mà đánh mất đi tính tự nhiên của “cái tôi thuần khiết”. Bởi đó, giá trị đích thực hệ tại việc chân nhận sự thật về bản thân.

Khám phá sự thật về bản thân không phải là chuyện một ngày nhưng có thể kéo dài cả đời. Thông thường, con người phải trải qua những va vấp, thử thách hay đau thương, nó đụng chạm tới “tầng sâu” của bản thân mới khả dĩ khám phá phần nào con người thật của mình. Chúng ta có thể cầu xin Chúa, Đấng hiện diện nơi sâu thẳm hơn chỗ sâu thẳm của tâm hồn ta chạm đến chúng ta, như kinh nghiệm của thánh Phaolô. Thánh nhân nói: “...*thân xác tôi như đã bị một cái dằm đâm vào, một thủ hạ của Xa-tan được sai đến và mặt tôi, để tôi khỏi tự cao tự đại*” (2 Cr 12,7b). Kinh nghiệm thiêng liêng ấy giúp ngài xác tín hơn, sức mạnh của Chúa được biểu lộ trọn vẹn trong sự yếu đuối, rằng *vì khi tôi yếu, chính là lúc tôi mạnh*. Cái yếu chính là mức giới hạn bất toàn của *vãnh đai bản ngã* mà chúng ta phải khiêm tốn thừa nhận để có thể nhận được sự chữa lành đến từ Chúa. Thật vậy, một người mạnh mẽ là người cảm nhận mình đã được chữa lành.

Những gì vừa trình bày mới chỉ dừng lại chiều kích bản thân, chúng ta cần phải tiến thêm bước nữa để đến gần Đức Giêsu.

5.3. Đức Giêsu

Cuộc chinh phục nhắm đến đích là Đức Kitô xem ra có phần sáng tỏ hơn. Nếu như quyết định chọn Chúa làm lẽ sống thì chúng ta buộc phải từ bỏ những thứ khác, kể cả việc phá đổ *vãnh đai bản ngã* mà ta cố xây dựng bao lâu. Nhưng phải phá đổ bằng cách nào ?

Chúng ta hủy diệt cái tôi chẳng ? Chắc chắn là không. Vì cái tôi làm nên chính hiện hữu của bạn. Bạn hãy chọn một cách thể khác giúp bạn đạt đến Đức Kitô mà đồng thời không hủy hoại cái tôi của mình.

Quên mình

Động từ *quên* theo nghĩa thông thường thuộc phạm vi tâm trí: nhớ và quên. Hoặc như nhạc sĩ Anh Bằng trong nhạc phẩm *Sầu lẻ bóng*, đã viết: “*Khi cố quên là khi lòng nhớ thêm*”. Quên, ở đây, được gắn liền với ký ức dĩ vãng, mặc dù có liên quan đến ý thức, nhưng là ý thức dồn nén, hậu quả là: càng cố quên (dồn nén kỷ niệm xưa) thì lại càng nhớ thêm (kỷ niệm sống lại). Trong khi đó, quên mình thuộc bình diện ý thức tích cực, nghĩa là chủ thể hoàn toàn chủ động chọn cho mình một lối tiếp cận thực tại. Nói cách khác, đây là một tác động ý thức cao độ, một dạng siêu thức khiến chủ thể đi vào thực tại và đồng nhất với thực tại mà tác giả Scott Peck gọi là *hiệp nhất thân nhiệm*. Chúng ta có thể hình dung tình trạng này với việc họa sĩ ngay ngất trước một vẻ đẹp “hút hồn”. Ông quên mình và không còn ý thức về sự hiện diện của mình trong không gian và thời gian nữa.

³² X. <https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2009/05/25/con-duong-chang-may-ai-di-3/#more-5871>

Chúng ta phân tích kỹ động từ *quên* vì tránh những lỗi hiểu sai về khái niệm *tha hóa*, đánh mất bản thân. Trái lại, quên mình là một hành động cao thượng nhằm thăng tiến bản thân. Như thế, chúng ta mới hiểu lời thánh Phanxicô đã nói: “*Chính lúc quên mình là lúc gặp lại bản thân*”. Tại sao quên mình mà có thể gặp lại bản thân ?

Chính đời sống của thánh nhân sẽ soi sáng cho vấn đề này. Trong một lần đi ngựa khắp thành phố để giúp đỡ những người khốn khổ, thánh nhân gặp một người phong cùi, ngài ghê tởm và có ý định thoái lui. Nhưng lấy hết bình tĩnh, cộng với một ý thức lớn lao rằng nhân phẩm nơi người bất hạnh này đáng được tôn trọng và họ là hiện thân của Chúa, ngài đã ôm lấy người thanh niên và trao cho anh mọi thứ anh cần. Sự quên mình với ý thức đức tin mạnh mẽ, thánh nhân đã gặp lại bản thân yếu đuối của mình nhờ đó, bám chặt vào Chúa hơn. Bởi đó, người ta quên mình để gặp lại bản thân trong hình ảnh của Chúa. Chính lúc quên mình là lúc vánh đai bản ngã được nói rộng đến mức mờ nhạt nhường chỗ cho sự hiện diện của tha nhân trong cuộc đời mình. Cái tôi không còn là điểm thu hút bản thân hành động nhưng là “cái Ta” bao la và phong phú. Cái Ta ấy được viết hoa vì nó gồm tóm cả tôi, bạn, muôn vật và cả Thiên Chúa nữa.

Đến đây, chúng ta có thể nhớ đến lời phát biểu của cha Damien, Cha của những người phong cùi, cha nói: “*Trước kia khi thưa chuyện với anh em, tôi nói: thưa anh em thân mến. Bây giờ, tôi không còn thưa như vậy nữa mà là: thưa anh em thân mến của tôi*”. Nghe những lời này chúng ta khó lĩnh hội hết ý tứ của điều ngài muốn nói gì. Nhưng nếu chúng ta biết rằng sau một thời gian dần dần phục vụ cho những người xấu số, ngài đã nhiễm bệnh như họ. Cha đã thực sự trở thành một người trong họ, và họ thực sự là anh em của cha.

Hiểu như thế, mỗi khoảnh khắc quên mình là một tác động hiệp nhất yêu thương. Thật vậy, chỉ trong yêu thương, con người mới khả dĩ gặp lại bản thân mình trong sự toàn vẹn của tạo thành.

Từ bỏ chính mình

Chúa Giêsu còn gắt gao và quyết liệt hơn khi đòi buộc người môn đệ phải từ bỏ chính mình. Trong Pháp ngữ để diễn tả từ này người ta dùng thuật ngữ *Mortification*, nó bao hàm một cái chết (mort). Bởi đó, trong các sách thiêng liêng, thuật ngữ này được dịch là *chết cho chính mình*.³³ Vì thế, chúng ta mới hiểu vì sao Chúa đã ví: “*Nếu hạt lúa gieo vào lòng đất không chết đi...*” (Ga 12,24). Nếu người ta chết cho chính mình chỉ vì một lý tưởng hay một ý thức hệ nào đó, ấy là một hình thức tha hóa; còn nếu bạn chết cho chính mình vì Tin Mừng thì bạn đáng được hưởng lời Chúa hứa: *sự sống*. Sự sống này không chỉ dừng lại ở thực tại đời sau (chính lúc chết đi là khi vui sống muôn đời) nhưng từ đời này chúng ta được sống và sống dồi dào. Thật vậy, phần thưởng Chúa ban là chính Ngài, sự sống thần linh của Ngài. Nghĩa là chúng ta được phục sinh với Ngài mỗi ngày nhờ được chữa lành qua Bí tích Giao hòa và được nuôi dưỡng nhờ Bí tích Thánh Thể.

Dựa vào những lời hứa của Chúa, chúng ta tin tưởng rằng việc từ bỏ của mình được Chúa chúc lành. Chúng ta nói: được Chúa chúc lành chứ không nói được Chúa vui nhận. Vì Chúa chẳng cần gì nơi ta, có chăng là những thiện chí và những nỗ lực muốn hướng về Chúa. Bởi đó, chúng ta từ bỏ không phải để từ bỏ mà từ bỏ để chọn Chúa làm gia nghiệp. Nhưng mức độ từ bỏ được thể hiện thế nào trong thực tế cuộc sống ?

Thánh Gioan Thánh Giá nói: “*Hư vô, hư vô, hư vô, anh không nên nghiêng về cái dễ dãi nhất mà là về điều khó nhất, không nghiêng về một cái gì cả nhưng không ham muốn gì hết, vì muốn đạt tới tất cả trong tất cả, thì phải từ bỏ tất cả trong tất cả*”. Lời phát biểu này thật khủng

³³ X.Jean-Francois Catalan, *Kinh nghiệm thiêng liêng và tâm lý học*, tr.158.

khiếp vì nó đòi hỏi một sự từ bỏ tuyệt đối. Chúng ta hiểu rằng điều này chỉ có thể thực hiện trong một khoảnh khắc xuất thần nào đó.

Còn tự sức con người cộng tác với ơn Chúa, việc từ bỏ chỉ mang tính tương đối. Thật vậy, với bản tính tự nhiên, con người thường thích và chọn sự dễ dãi mà nói đến từ bỏ để sống cho Chúa thì buộc phải thường giục lòng tin. Thực tế cuộc sống cho thấy, chúng ta luôn hành động để nhắm đến ba tiêu chí: *Danh, lợi và thú*. Chúng ta dễ nhận thấy điều này nơi những siêu sao nổi tiếng, họ tìm mọi cách phát huy sở trường của mình để được nhiều người biết đến. Thậm chí, ngay nay họ còn tìm những việc “khác người” hầu lôi kéo cộng đồng mạng, các fan hâm mộ. Ngay như các thánh cũng làm mọi cách để *Danh Cha được cả sáng*. Cũng là *danh* nhưng ở cấp độ khác nhau. Còn *lợi* cũng thế. Con người tìm mọi cách để mưu lợi cho bản thân, gia đình và xã hội. Và ở cấp độ cao hơn, nói như thánh Phaolô: “...những gì xưa kia tôi cho là có lợi, thì nay, vì Đức Kitô, tôi cho là thiệt thòi. Hơn nữa, tôi coi tất cả mọi sự là thiệt thòi, so với mối lợi tuyệt vời, là được biết Đức Giêsu, Chúa của tôi... và được kết hợp với Người” (Pl 3,7-8). Bởi vậy, con người luôn hành động vì lợi ích cá nhân hay tập thể; vì vật chất hay thiêng liêng. Ngoài ra, con người còn hành động để nhắm đến chữ *thú* nữa ! Cái *thú* ở cấp độ thấp nhất là tìm khoái lạc thỏa mãn bản thân. Cao hơn, con người nhắm đến phục vụ và tìm vui thỏa vì người khác. Và trên hết, một người có đức tin luôn tìm kiếm và thực thi những gì đẹp lòng Chúa.

Như thế, khi xét đến ba khía cạnh này của cuộc sống và những cấp độ khác nhau, để thực hiện một cuộc bỏ mình, chúng ta phải vượt qua từng cấp bậc thấp hầu vươn cao hơn cho đến mức viên mãn trong Đức Kitô.

Trong lãnh vực tâm lý, cha Anthony de Mello nhìn nhận rằng khi từ bỏ điều gì thì con người thường bị gắn chặt vào đó, nói một cách mạnh mẽ hơn, họ ám ảnh nhiều về điều mình đã từ bỏ. Cha kể rằng kinh nghiệm của cha khi đồng hành thiêng liêng, lúc gặp một cô gái điếm ngay tức khắc, cha nghe cô nói về Thượng Đế. Cô ấy bảo mình chán cuộc sống hiện tại và chỉ tha thiết với Thượng Đế. Còn ngược lại, mỗi lần một thầy sai đến gặp cha thì ông ta chỉ nói toàn chuyện tình dục.³⁴ Giải thích sao về vấn đề này ? Có thể nói, đó là một sự từ bỏ dồn nén (vì ép buộc). Khi bạn không tìm ra một lời giải thích thỏa đáng cho việc từ bỏ của mình (động lực để từ bỏ), bạn sẽ rơi vào tình trạng dồn nén. Mà càng dồn nén, bạn lại càng tạo cho nó một sức mạnh, và một khi bạn dùng sức để chiến đấu trong sự từ bỏ này, vô tình bạn mặc nhiên khẳng định sức mạnh của nó. Trái lại, nếu bạn ý thức về tâm ảnh hưởng thực sự của nó trong đời sống bạn, bạn sẽ khiến nó mất đi sức mạnh chi phối cuộc sống bạn. Vì từ bỏ là một quyết định của chủ thể nhằm chọn một giá trị trỗi vượt hơn. Còn nói như cha Anthony, nhìn thẳng vào bản chất về điều bạn đang muốn từ bỏ. Chẳng hạn, việc từ bỏ bản thân mình, bạn cần ý thức rằng toàn thể con người bạn và cả sự hiện hữu của bạn tùy thuộc vào Chúa. Điều này giúp bạn dễ dàng buông bỏ, từ bỏ những gì cản trở bước tiến của bạn đến gần Chúa.

Tóm lại, tiến trình từ thần tượng đến Đức Kitô, mỗi người phải trải qua những chọn lựa dứt khoát và triệt để, nếu không muốn nói là chọn lựa sống còn trong hành trình tâm linh, vì chúng ta không thể hiện hữu ở ngoài Thiên Chúa. Và nơi mọi khoảnh khắc lớn nhỏ trong đời, Đức Kitô phải trở thành điểm qui chiếu cho đời sống chúng ta.

Tương cũng cần nhắc lại, cám dỗ tinh vi và lớn nhất trong hành trình tâm linh là con người sống quên mình và từ bỏ như một cách để vượt ve bản ngã, cái tôi hay sự tự ái của mình thay vì muốn qui phục tình yêu Đức Kitô. Họ coi đó như ván bài cuộc đời để mua tiếng khen của người khác rằng: tôi siêu thoát. Chung cục, họ rút lại tất cả những gì họ đã tự nguyện hiến dâng. Điều này đã bị Chúa cảnh báo trước: “...*Ta trách người điều này: người đã để mất tình yêu thươ*

³⁴ X. Anthony de Mello, *Thức tỉnh*, tr.18.

ban đầu” (Kh 2,4). Bởi đó, Giáo Hội đã đề ra những cách thức thực hành cho mọi Kitô hữu cách riêng những người thánh hiến: **Phát xuất lại từ Đức Kitô**. Quả thật, tôi cần phát xuất lại từ Đức Kitô, vì Người là lẽ sống và ý nghĩa cuộc đời tôi.

6. TÔI CHỌN GIÊSU

Xét về chiều kích hiện hữu và ơn gọi của mỗi người, chúng ta có thể khẳng định rằng: Thiên Chúa cho tôi hiện hữu và đặt tôi vào một vị thế trong kế hoạch yêu thương của Người. Thật thế, thánh Phaolô đã khẳng định: “*Trong Đức Kitô, Người đã chọn ta trước cả khi tạo thành vũ trụ...*” (Ep 1,4a) Và ở một chỗ khác, thánh Gioan đã viết: “*Không phải anh em đã chọn Thầy, nhưng chính Thầy đã chọn anh em, và cất cử anh em để anh em ra đi, sinh được hoa trái...*” (Ga 15,16a) Có thể nói, việc chọn lựa của Thiên Chúa dành cho mỗi người là điều thiện hảo và hữu ích. Phần còn lại là tùy thuộc chúng ta. Xét theo chiều kích hiện sinh, tôi tự do chọn lựa: chọn Chúa hay khước từ Ngài. Đó cũng là định mệnh của đời tôi.

Có một sự dứt khoát trong việc: tôi chọn Giêsu. Đồng thời, trong mỗi khoảnh khắc cuộc sống, tôi lại phân định và lựa chọn: Chúa hay tạo vật của Người. Chính khi có sự sai sót trong việc phân định mà tôi vẫn còn sa sầy, vì tôi chọn tạo vật của Người hơn là chính Người. **Mỗi kinh nghiệm thất bại của tôi là một lời khước từ tình yêu của Chúa.**

Trong lãnh vực này, những năm tù của ĐHY Phanxicô Thuận sẽ là một bài học cho chúng ta. Có thể nói, một trong những kinh nghiệm thiêng liêng quý báu mà ngài đã trải qua trong 13 năm tù là: *chọn Chúa hơn là việc Chúa.*

Đối với ngài, việc Chúa là những bồn phận liên quan đến Giáo phận và Giáo Hội với tư cách là một Giám Mục. Với sức năng động của vị mục tử trẻ, ngài có những dự phóng lớn lao để Giáo phận có thể phát triển vững mạnh từ việc tổ chức cơ cấu trong Giáo phận đến việc đào tạo các linh mục, tu sĩ trong quyền hạn của mình. Đó là những định hướng đang được hình thành trong Giáo phận. Còn ở cấp độ Giáo Hội hoàn vũ, ngài cũng được Hội Đồng Giám Mục Á Châu tín nhiệm mời gọi hợp tác. Cụ thể, một trong những thành quả đạt được cho đến ngày nay là sự có mặt của đài Chân Lý Á Châu. Với tầm ảnh hưởng lớn lao như thế, ngài cảm nhận được sự chúc lành của Chúa. Thế nhưng, ý Chúa lại khác. Ngài bị đưa vào tù để thanh luyện 13 năm. Ngài tâm sự: “*Trong cuộc hành trình, tôi bắt đầu ý thức rằng mình đang mất tất cả*”.³⁵ Và sau đó, ngài nhận ra tất cả những gì mình đang mất chỉ là việc của Chúa. Đồng thời, ngài ý thức lại: mục đích thực sự của đời tận hiến là chọn Chúa và theo Chúa. Mà chọn Chúa là chấp nhận đi vào con đường thanh luyện theo Ý Chúa. Chúng ta cùng nghe lời tâm sự của ngài với người con tinh thần: “*Cha chỉ xem đây là một cuộc tĩnh tâm dài để cha tự thanh luyện mình, xác quyết việc chọn Chúa là hơn cả...*”³⁶ Qua đó, chúng ta rút ra được hai điểm này:

-Chúa có chương trình cho mỗi chúng ta.

-Để chọn Chúa, mỗi người phải trả giá rất đắt qua một biến cố lớn nào đó trong đời: công khai hay tiềm ẩn.

Nếu như ĐHY Phanxicô đã trải qua nhiều năm thanh luyện trong tù (công khai) thì trường hợp của thánh Tôma Aquinô xem ra kín ẩn hơn.

Vào những năm cuối đời, trong lúc đang thực hiện bộ Tổng Luận Thần Học, đồng thời là một giáo sư thần học nổi tiếng, thánh nhân đã quyết định lui vào tĩnh lặng sống âm thầm với Chúa.

³⁵ ĐHY Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, *Chúng nhân hy vọng*, tr.25.

³⁶ Phaolô Phan Văn Hiền, *Cha tôi*, tr.158.

Vị thư ký hỏi ngài lý do, ngài trả lời: *tôi coi những gì đã thực hiện như rom rác vậy*. Quả thật, khi đã kinh nghiệm đụng chạm đến Thực Tại, ngài coi tất cả là vô nghĩa. Những gì trước kia được viết ra bằng lý trí và nhận thức của con người nhằm diễn tả mầu nhiệm Thiên Chúa thì một khi đã chứng nghiệm Thực Tại ấy, thánh nhân có lý khi coi những thứ kia là đồ vứt đi. Phụng Phạt sát phạt là vậy ! Phạt viết hoa chính là thực tại còn phạt kia chỉ là hình tượng do trí tưởng tượng con người. Qua đó, chúng ta nhận ra việc chọn Chúa của thánh nhân là một cuộc từ bỏ tất cả những gì thuộc phạm vi trần tục.

Qua hai chứng nhân vừa trình bày, chúng ta cần xác định việc chọn Chúa Giêsu là một vấn đề sống còn trong hành trình tâm linh. Còn việc diễn tiến thế nào thì “mỗi thánh mỗi thể”, mỗi người có nét độc đáo riêng. Nhưng không vì thế, chúng ta không thể nhận ra một số điểm chung trong cách hành động của Thánh Thần.

Trước hết, đó là tính hiển nhiên của sự kiện. Qua biến cố ngã ngựa trên đường Đamát của thánh Phaolô hay sự tù đầy của ĐHY Phanxicô Thuận, Thiên Chúa chủ động trong việc mặc khải cho đương sự biết ý muốn của Ngài. Hành động này của Thiên Chúa hoàn toàn không tùy thuộc vào tình trạng tội lỗi hay thánh thiện của họ trong quá khứ. Điều này hệ tại tình yêu nhưng không của Ngài, và “giờ của Chúa” đã đến. Những khoảnh khắc, biến cố lớn nhỏ trong đời là cơ hội Ngài tỏ mình, và là giờ Chúa đến viếng thăm tôi. Điều cốt yếu là bạn có nhận ra dấu chỉ của giờ Chúa viếng thăm. Điều này đòi hỏi bạn phải thức tỉnh và sẵn sàng.

Thật vậy, có những người tỉnh và thức mà như kẻ có mắt mà không thấy, có tai mà không nghe, đúng như lời cảnh báo của Chúa Giêsu. Vì thế, họ phải cần sẵn sàng và nhạy bén để nhận ra việc Ngài đến trong làn gió hiu hiu (kinh nghiệm của ngôn sứ Êlia). Và ngay cả trong trường hợp tông đồ Giuđa, Chúa Giêsu đã rửa chân và trao tấm bánh cho ông như nghĩa cử yêu thương và trao hiến bản thân cho mình mà ông đã nhận với một tâm hồn bất xứng. Như thế, sự sẵn sàng của bạn phải được bổ sung bằng ý ngay lành. Có thể nói, ý ngay lành là mảnh đất tốt giúp ơn Chúa đậu lại trong tâm hồn.

Về phía Thiên Chúa, giờ của Ngài đã đến và về phía con người, họ đã sẵn sàng với tất cả thiện chí, như thế, đã là điều kiện cần và đủ cho một cuộc chọn lựa dứt khoát theo Chúa Giêsu ? Có thể nói, đây chỉ là bước đầu; họ cần phải trải qua một cuộc thanh luyện. Với thánh Phaolô, ngài phải trải qua ba năm trong sa mạc; còn với ĐHY Phanxicô Thuận, cuộc thanh luyện trong suốt 13 năm tù; hay như thánh Toma Aquinô, ngài phải sống âm thầm trong những năm cuối đời. Các ngài đã bỏ lại tất cả những gì là danh dự, tiếng khen và những trọng vọng của người đời. *Quên đi những chặng đường đã qua, để lao mình về phía trước. Tôi chạy thẳng tới đích, để chiếm được phần thưởng từ trời cao Thiên Chúa dành cho kẻ được Người kêu gọi trong Đức Kitô Giêsu* (x. Pl 3,13-14). Quả thật, phần thưởng mà người đời dành cho chỉ là thứ chóng qua (thánh Phaolô coi đó là đồ bỏ), còn phần thưởng từ trời cao là chính Thiên Chúa.

Như thế, nếu mỗi cuộc đời của mỗi vị thánh là một cuộc từ bỏ bước theo Đức Kitô thì chúng ta phải hiểu rằng, các ngài từ bỏ không phải chỉ để từ bỏ hay chứng minh nhân đức anh hùng mà để thực hiện một cuộc chọn lựa dứt khoát là chọn Đức Kitô Giêsu.

7. LÝ DO TÔI CHỌN GIÊSU

Chúng ta tìm được câu trả lời cho lý do tôi chọn Giêsu trong đoạn thư của thánh Phaolô: *“Hiện nay tôi sống trong xác phàm, là sống trong niềm tin vào Con Thiên Chúa, Đáng đã yêu mến tôi và hiến mạng vì tôi”* (Gl 2,20b). Đúng thế, tôi chọn Giêsu vì Người đã yêu thương và hiến mạng vì tôi.

7.1. Chúa yêu thương tôi

Đại văn hào Shakespeare đã khẳng định: “ *Hạnh phúc của con người là được yêu và yêu*”. Mà hạnh phúc đích thực là chính Chúa. Như thế, chúng ta chỉ đạt đến hạnh phúc thực sự khi được Chúa yêu và được yêu Chúa.

Thánh Gioan đã khẳng định: Thiên Chúa đã yêu chúng ta trước. Điều này như được lặp đi lặp lại nhiều lần trong Kinh Thánh bằng nhiều cách khác nhau. Vì yêu thương, Ngài đã cho tôi hiện hữu; vì yêu thương, Ngài dựng nên tôi giống hình ảnh Người. Và vì yêu thương, Ngài đã đến sống gần gũi bên tôi như một con người nơi Đức Giêsu. Ngay lúc tôi mang tội đáng chết, Người vẫn yêu thương tôi. Tôi như tội nhân bị điệu ra trước mặt Người. Người ta chỉ thấy tôi phạm tội ngoại tình mà đã kết án tử cho tôi. Còn Chúa thấy hết mọi tội trong ngoài của tôi, thể mà Người tuyên bố trắng án (đúng hơn, Người kiên nhẫn chờ tôi hoán cải, trở về cùng Người để sống trọn tình yêu hiệp nhất). ĐHY Phanxicô Thuận nói đúng: Chúa Giêsu có tính hay quên. Người quên tội lỗi của tôi để không ngừng thứ tha và ban muôn vàn ơn phúc. Người nhìn thấy những nỗ lực nhỏ nhoi, yếu ớt của tôi; Người ghi nhận những thiện chí vươn lên của tôi khi phải sống trong một xã hội không biết đến giá trị của nhân phẩm. Chúa Giêsu đã chữa lành và khôi phục giá trị của bản thân tôi. Đồng thời, cách gián tiếp Chúa lên án những con người không biết lấy cái xà trong mắt của mình mà chỉ chăm chăm chú chú vào cái rác trong mắt của người anh em. Bạn có thể đặt mình trong vị thế của người phụ nữ ngoại tình để cảm nhận thái độ dịu hiền trân trọng của Chúa Giêsu. Có những lúc bạn không thể bào chữa cho mình được, thì đã có Chúa bên cạnh bạn, Người sẵn sàng giúp bạn vì đó là sở thích và sở trường của Người. Ngay khi bạn lỗi luật bức lúa ăn trong ngày Sabat cách tỏ tường thì Chúa ở đó để biện hộ cho bạn. Tất nhiên, Người không bao che và dung túng tội lỗi của bạn, nhưng Chúa nhìn thấy tận đáy lòng: nỗi đói khát thiêng liêng của bạn. Người như nhận lỗi về mình vì đã không kịp đáp ứng nhu cầu của bạn và vì biết rằng chỉ mình Người mới làm no thỏa cơn đói khát khôn cùng ấy.

Đọc những trang Tin Mừng, chúng ta cảm nhận tình yêu chữa lành rất tế nhị và tình yêu nuôi sống rất phong phú của Chúa Giêsu. Người không tỏ tình yêu chung chung nơi 99 con chiên, nhưng tình yêu luôn mang tính cá vị và độc đáo nơi con chiên lạc. Có bao giờ bạn đặt câu hỏi vì sao nó đi lạc không. Có thể là vị mục tử thiếu quan tâm đến nó, nên nó cảm thấy mình lạc lõng và bị bỏ rơi. Nó quyết định tự đi tìm một đồng cỏ ngoài dự đoán của vị mục tử. Nhưng vị mục tử ấy là Chúa Giêsu thì giả thiết ấy không thể xảy ra được. Hoặc cũng có thể là do sự hắt hủi của những con chiên khác chăng? Điều này có thể xảy ra trong đoàn chiên của Chúa. Dẫu biết rằng tôi là một cô gái điếm vì một phút lỡ lầm nào đó đã đẩy tôi tới tình trạng này. Nhưng vì sống trong một xã hội khắc nghiệt, tôi đã bị liệt vào hạng đàn bà tội lỗi mà không thể nào quay đầu trở lại. Tôi cũng muốn quay về ràn chiên nhưng những con khác không chấp nhận và đón nhận tôi. Tôi chỉ còn một cơ hội duy nhất là bám vào vị mục tử nhân lành. Tôi đã đến bên Người, phủ phục xuống đất và cúi gập dưới chân Người. Tôi van xin tình yêu của Người. Tôi muốn nói lên rằng hạnh phúc của mình là muốn yêu và được yêu. Biết bao nhiêu đàn ông đã đến van xin tôi một chút thú vui qua đường, nhưng không phải tình yêu. Biết bao vòng tay ve vãn bên tôi, nhưng cũng không phải tình yêu. Nay tôi đến bên Người và van xin một tình yêu. Vì tình yêu thực sự phải là một tình yêu tôn trọng người khác mà tôi chỉ tìm được nơi Chúa Giêsu. Dù chưa một lần giáp mặt vẫn thấy lòng ấm lại khi nghe ai đó kêu tên Giêsu. Có một thứ hào quang nào đó bao bọc lấy quanh tôi. Có một thứ tình yêu nào đó chiếm lấy tim tôi. Và tôi nghe phán rằng: vì con yêu nhiều nên đã được tha nhiều. Tình yêu của tôi phát xuất từ tấm lòng tan nát khiêm cung. Nó đáng Người chấp nhận hơn mọi của lễ toàn thiêu. Phải chăng bình bạch ngọc, một thứ trang sức của tôi, để quyến rũ bao đàn ông ve vãn lại hấp dẫn được Chúa Giêsu? Chúa đã trả lời:

nó không quý giá bằng những giọt nước mắt sám hối ăn năn. Hóa ra Chúa nhìn sâu tận đáy lòng tan nát khiêm cung !

Tội bạn có lớn và nhiều bằng tội của người phụ nữ này không ? Bạn cần được Chúa chữa lành bằng tình yêu nhưng không của Người và bắt đầu nhắc lại lời giao ước xưa. Dù bạn có lỗi lời giao ước 70 lần 7, cứ bắt đầu lại đừng nản lòng. Bạn có thể mệt mỏi và ngã lòng về tội của mình còn Chúa thì không bao giờ mệt mỏi khi tha thứ. Thiết tưởng chúng ta cần nhắc lại lời chân tình của Đức Phanxicô: *“Tôi nhấn mạnh một lần nữa: Thiên Chúa không bao giờ biết mệt mỏi khi tha thứ, chính chúng ta là những kẻ cảm thấy mệt mỏi khi cầu xin lòng thương xót của Người... không ai có thể lấy đi khỏi chúng ta phẩm giá mà tình yêu vô hạn và bền vững này đã ban cho chúng ta”*.³⁷ Và cách Chúa Giêsu khôi phục phẩm giá của chúng ta là đưa chúng ta vào lại cộng đoàn để luôn được tôn trọng và yêu thương. Điều này đã được chứng thực qua biến cố Người kêu gọi ông Mathêu.

Bạn nghĩ gì về thái độ dứt khoát bước theo Đức Giêsu của ông Mathêu ? Nếu chúng ta hiểu kho tàng người ở đâu, lòng người ở đâu thì việc ông bỏ lại tài sản của mình mà bước theo Người, quả là kho tàng của ông không hề tại nơi tiền bạc. Xét cho cùng, tiền bạc cũng chỉ là ngẫu tượng. Còn lòng ông lại thông dong hướng về Đấng nào đó. Và khi nghe lời mời gọi, ông đã bỏ mọi sự mà theo Người. Chiên của Ta thì nghe tiếng Ta. Quả thật, từ lâu ông đã là môn đệ Đức Giêsu. Ông sống trong một thế hệ mà Người nói là gian ác và ngoại tình, nhưng ông lại thanh thoát và chung tình. Đã bao lần muốn quay đầu trở lại nhưng xã hội ấy đã bít mọi lối đi. Con đường tôi đi thì cứ đi. Cha tôi là thu thuế, tên lượm tôi cũng chỉ là tên cầu kết với ngoại bang để bóc lột đồng loại. Xã hội ấy đã đặt tôi trên con đường mà tôi không có quyền chọn lựa. Đến khi Người đến, Người đã đặt tôi trên con đường mang tên Giêsu. Và rồi tôi bước ung dung trong một thái độ tin tưởng tuyệt đối vào tình thương Chúa. Người đã đưa tôi vào cộng đoàn các tông đồ. Như lẽ thường, những người này có quyền khinh miệt và chỉ trích tôi, nhưng không ! Họ tôn trọng và yêu thương tôi. Vì Chúa đã tôn trọng và yêu thương họ cũng như Người đã chấp nhận và đón nhận tôi. Chúa đã yêu thương bằng cách tha thứ chữa lành và khôi phục phẩm giá của từng người. Chỉ trong Chúa, con người mới thực sự tìm ra ý nghĩa của cuộc đời mình.

Để có thể khám phá ra tình yêu của Chúa đối với bản thân hay nói cách khác, để khám phá ra Chúa Giêsu chính là ý nghĩa cuộc đời tôi, chúng ta cần tạo nơi mình một *ký ức về Chúa Giêsu*, nghĩa là cá nhân hóa hay đồng hóa mình trong những nhân vật nơi Phúc Âm hầu sống mỗi tương quan thân tình với Người. Bạn có thể nhận ra bản thân trong hình ảnh của người phụ nữ phạm tội ngoại tình, thánh sử Mathêu... Qua đó, bạn có thể sống tâm tình sám hối để được chữa lành, từ bỏ tất cả để chọn Người. Dần dà, bạn sẽ nhận ra tình yêu của Chúa Giêsu tỏa bóng trên cuộc đời bạn.

7.2. Chúa hiến mạng vì tôi

Có nhiều cách diễn tả tình yêu, nhưng một cách cao cả nhất mà Chúa Giêsu đã chọn là hiến thân cho người mình yêu ngang qua cái chết. Quả thật, *“Không có tình thương nào cao cả hơn tình thương của người đã hy sinh tính mạng vì bạn hữu của mình”* (Ga 15,13). Để đạt đến tình yêu đỉnh cao ấy, Chúa Giêsu đã thực hiện một bước ngoặt mục là đi xuống cùng thân phận con người mỏng giòn, chết treo trên thập giá để rồi đi lên cùng Cha qua cuộc phục sinh. Đó là lược đồ của *Mâu nhiệm Tự hủy*.

Thánh Phaolô đã khẳng định: *“Đức Giêsu Kitô vốn dĩ là Thiên Chúa mà không nghĩ phải nhất quyết duy trì địa vị ngang hàng với Thiên Chúa, nhưng đã hoàn toàn trút bỏ vinh quang mặc lấy thân nô lệ, trở nên giống phàm nhân sống như người trần thế”* (Pl 2,6-7). Trong khi

³⁷ Đức Phanxicô, *Tông huấn Evangelii Gaudium (Niềm vui của Tin Mừng)*, số 3.

Người vốn là Thiên Chúa nhưng vì yêu thương đã chọn kiếp con người. Hơn nữa, trong thân phận con người, Người lại chọn mặc lấy thân nô lệ. Chưa hết, qua cái chết, Người chấp nhận cái chết của một tội nhân dù Người vốn vô tội. Có thể nói, đây là sáng kiến táo bạo của vị Thiên Chúa Tình Yêu. Ngài vốn vô hình nhưng nay lại hữu hình trong Đức Kitô; Ngài vốn bất biến nhưng nay lại biến thiên trong thời gian; Ngài vốn bất tử nhưng nay lại có thể chết để minh chứng cho một tình yêu lớn lao... Tình yêu vĩnh cửu nay đi vào lịch sử loài người đã ghi khắc trong tôi bóng dáng của Thánh Giá toàn thiêu. Đức Giêsu, *Đáng chẳng hề biết tội là gì, thì Thiên Chúa đã biến Người thành hiện thân của tội lỗi vì chúng ta...* (2 Cr 5,21) Quả thật, Đáng là hiện thân của tội lỗi đã được giương cao lên khỏi đất và bị lột trần trụi trong sự bất lực của một phạm nhân. Chính khi mâu nhiệm tự hủy đạt đến đỉnh điểm trên thập giá, đồng thời, nó đã mặc khải trọn vẹn tình yêu Thiên Chúa yêu thương tôi.

Thánh Phaolô thật chí lý khi tuyên xưng: *vinh dự của tôi là thập giá Đức Kitô*. Tại sao cái chết của một vị Thiên Chúa lại nên vinh dự cho thánh nhân? Chắc hẳn, thập giá ấy không phải là nỗi ám ảnh khốc liệt trong cuộc đời ngài. Nó cũng không phải là một sự tôn sùng đau khổ nào đó của một người bệnh tâm thần. Nhưng là một cái nhìn sâu xa phía sau thập giá là cuộc phục sinh của Đức Kitô. Chính thánh nhân đã khẳng định: *“...nếu Đức Kitô đã không chỗi dậy, thì lời rao giảng của chúng tôi trống rỗng, và cả đức tin của anh em cũng trống rỗng...nếu Đức Kitô đã không chỗi dậy, thì lòng tin của anh em thật hão huyền”* (1 Cr 14-17). Như thế, chúng ta cũng có thể suy diễn rằng: nếu Đức Kitô không chỗi dậy, thì vinh dự của thánh nhân vào thập giá là trống rỗng và hão huyền; nếu không muốn nói là lời tuyên bố vô nghĩa của kẻ cuồng tín.

Từ những gì vừa trình bày, chúng ta có thể khẳng định rằng thánh Phaolô có lý khi nói rằng vinh dự hay niềm hãnh diện của tôi là thập giá Đức Kitô. Vì lẽ, Người đã chết thay cho tôi, cho nhân loại và Người đã phục sinh, hứa hẹn cho mọi người một Trời Mới Đất Mới.

Truyện kể rằng có hai vợ chồng nghèo hằng ngày vào rừng lượm củi để gia đình sử dụng. Họ đến gần một con suối lớn để uống nước, rửa mặt và nghỉ chân, chẳng may, vợ bị sẩy chân, chồng nhanh tay bắt lấy, nhưng rồi cả hai cùng bị cuốn theo dòng suối. May thay, họ bị mắc kết vào một thân cây. Dù vậy, khả năng chỉ có thể giữ lại và cứu sống một người. Chồng bảo: *“Thôi, em hãy sống để nuôi con thơ”*. Vợ không chịu, liền bảo: *“Anh phải sống”*. Người vợ liền buông tay ra và chấp nhận hy sinh để cho chồng được sống. Người chồng được cứu sống. Cái chết của người vợ quên mình đã là động lực giúp anh sống tốt vai trò của người bố trong gia đình và sống thay cho vợ bằng cách thực hiện những thao thức của nàng còn dở dang.

Từ câu chuyện này gợi hứng cho chúng ta về việc Chúa chết thay cho mình. Nếu Chúa đã chết thay cho tôi thì nay tôi không còn sống cho chính mình nữa mà sống cho Đáng đã chết và sống lại vì mình. Ngoài ra, tôi còn phải thực hiện chương trình loan báo Tin Mừng mà trước khi về Trời, Người đã mời gọi tôi sống. Không như người vợ kia chết rồi để lại sự cô đơn, trống vắng cho người chồng, Chúa hứa sẽ ở cùng tôi mọi ngày cho đến tận thế. Không như người vợ kia chết để cho người chồng được sống vài chục năm trong thân xác này, Chúa chết để tôi được sống và sống dồi dào, hơn nữa, để tôi được sự sống đời đời.

Một điều lưu ý khác, Chúa không chỉ chết cho tôi mà còn cho cả nhân loại, vì thế, tôi phải loan báo chân lý ấy cho mọi người bằng chính đời sống của mình; đồng thời, sống liên đới với hết mọi người để bảo toàn sự sống Chúa ban, để giá máu cứu chuộc của Người không trở nên vô hiệu trong cuộc đời tôi. Vì xác tín rằng *Chúa hiến mạng vì tôi*.

Tóm lại, chỉ khi nào tôi thực sự trả lời thỏa đáng cho lý do tôi chọn Giêsu thì tôi mới xác tín rằng Chúa Giêsu là ý nghĩa cuộc đời tôi, và khi ấy tôi mới có thể loan báo Tin Mừng về Đáng đã yêu thương và thí mạng vì tôi. Đồng thời, khi hằng say truyền giáo, tôi gia tăng cảm thức về ơn cứu độ cho bản thân và đồng loại.

8. LỜI TUYÊN BỐ CỦA ĐỨC GIÊSU

Có thể nói, khi Đức Kitô tự khẳng định Ta là đường, là sự thật và là sự sống, Người tự mặc khải cho chúng ta về nhân tính và Thiên tính trọn vẹn của Người. Điều đáng quan tâm là: từ khẳng định này chúng ta khả dĩ soi sáng cho chúng ta về ý nghĩa của cuộc sống.

8.1. Con đường mang tên Giêsu

Ta là đường. Lời khẳng định này nếu được hiểu theo nghĩa đen, Người trở thành phương tiện giúp ta tiến bước trên đường đời. Đồng thời, đường ấy dẫn ta về đến đích bình an. Chúa Giêsu là đường, Người dẫn chúng ta về cùng Cha. Người không phải là một con đường vô tri vô giác chỉ để chúng ta bước đi vững chãi nhưng là một Ngôi vị. Chính trong ý nghĩa này Người trở thành bạn đường của chúng ta. Người bạn đường luôn sống và chia sẻ mọi âu lo khắc khoải trong đời chúng ta. Có nỗi lo lắng nào trong phận người mà Người đã không trải qua. Có nỗi đau khổ nào trong nhân gian mà Người đã không trải nghiệm. Nếu đã trung thành đi đến cùng kiếp người bằng cái chết tủi nhục, Người cũng sẽ là bạn đường trung thành chúng ta suốt đời. Nếu đã đồng hành với hai môn đệ trên đường Emmau, Người cũng sẽ an ủi và nâng đỡ, đồng thời giúp lòng ta cháy bùng lửa yêu mến Chúa mà đi trọn con đường mang tên Giêsu.

Mỗi người có một con đường để đi, ấy là con đường, ơn gọi Chúa muốn tôi sống trong cuộc đời này. Đối với thánh nữ Têrêsa HĐGS, con đường Thơ ầu thiêng liêng là linh đạo riêng của chị. Còn tôi, với ơn Chúa, tôi cũng nhận ra ơn gọi và con đường riêng của mình. Chúa biết tâm tính của tôi thế nào và Ngài ban cho tôi đủ ơn hầu giúp tôi sống thật và sống thánh. Với sự hiểu biết và những xác tín trong đời sống, chúng kết tinh thành linh đạo của riêng tôi. Nhưng để kiểm chứng xem đó có phải là con đường Chúa mời gọi tôi không, tôi phải soi chiếu vào con đường mang tên Giêsu. Ra khỏi trục chính lộ này, người ta chỉ tìm thấy “thánh tôi”. Họ mất định hướng về một cuộc sống có ý nghĩa vì không ai tìm được ý nghĩa hay một giá trị đích thực nào ngoài Đức Giêsu. Xét cho cùng, con đường Thơ ầu thiêng liêng cũng chỉ là một nét hết sức căn bản trong Tin Mừng. Một Giêsu bé nhỏ phó thác trong tay Cha khi chịu treo trên thập giá. Bạn đang đi trên con đường nào? Bạn đang sống với linh đạo nào? Nó có thấm đượm tinh thần của Tin Mừng không? Nếu có, đó là dấu hiệu đầu tiên cho thấy bạn đang sống một cuộc đời ý nghĩa.

Làm sao để nhận biết con đường mang tên Giêsu?

Con đường này phải phủ bóng của thập giá. Nếu bạn không thấy bóng dáng cây thập giá, cuối đường chẳng có ánh sáng phục sinh. Đến một lúc nào đó, bạn lại kinh nghiệm rằng chính cây thập giá là câu nói bắc ngang giữa cái vực thẳm vô thường này hầu giúp bạn tiến gần đến Thiên Chúa.

Con đường này là con đường hẹp. Vì đường thênh thang dẫn đến diệt vong.

Con đường này là đường tình yêu. Vì Thiên Chúa là tình yêu và ai không “yêu” thì không biết Thiên Chúa. Có một giấy thông hành duy nhất trong Vương quốc tình yêu: chính là tình yêu.

Người sống có ý nghĩa là người sống yêu thương khi bước trên đường hẹp dù đời phủ đầy bóng thập giá nhưng lòng vẫn tin yêu và hy vọng vào Đấng Phục Sinh. Đức Giêsu là đường là ý nghĩa cuộc đời tôi.

Nhưng với những người chưa từng biết Đức Giêsu, làm sao họ có thể bước đi trên con đường này?

Công đồng Vatican 2 trả lời: *Ngoài Giáo Hội có Thần Khí của Đức Kitô*. Chính thiện chí của họ sẽ được Thần Khí của Đức Kitô hướng dẫn hầu dẫn thân vào Chính Lộ. Như thế, mỗi người, với từng cách thức khác nhau, được Thiên Chúa mời gọi bước vào con đường tình mang tên Giêsu.

Có thể nói, chỉ có một con đường tình mang tên Giêsu, cũng như chỉ một Đức Kitô – Đấng cứu độ duy nhất. Làm sao tôi có thể sống một cuộc đời ý nghĩa nếu không ý thức rằng có một Đấng yêu thương tôi và thí mạng vì tôi. Mạng sống tôi đã được chuộc lấy bằng giá máu châu báu của Người. Chẳng lẽ tôi lại bán rẻ nó cho thế gian vô thường? Tôi được dựng nên cho một giá trị thường hằng và tuyệt đối. Và tôi chỉ có thể đạt được điều này khi bước trên đường mang tên Giêsu. Chúng ta biết rằng có một con đường đưa chúng ta đi thẳng vào trái tim Chúa Cha: con đường Giêsu. Con đường ấy được Đức Kitô, vị Mục tử nhân lành, dẫn chúng ta tới đồng cỏ xanh tươi và sống hoan lạc trong Thánh Thần.

8.2. Đức Giêsu giải thoát tôi

Tổng trấn Philato đã hỏi Chúa Giêsu: “*Sự thật là gì?*” (Ga 18,38a) Nhưng Người không trả lời. Câu hỏi này là một vấn nạn lớn từ khi xuất hiện con người trên mặt đất. Những ai thao thức về ý nghĩa của cuộc sống đều cố gắng đi tìm lời giải đáp. Vì như lời khẳng định của Chúa Giêsu: *sự thật sẽ giải phóng chúng ta.*

Đã có một thời, con người đề ra những qui tắc đạo đức để giúp xây dựng đời sống nhân bản nhưng con người vẫn không đạt đến sự thật. Tiếp đến, con người lại đề cao lý trí như một thứ ánh sáng soi dẫn đời sống tinh thần giúp bản thân đạt đến Sự thật Tuyệt đối, nhưng vẫn trên lý tưởng và ý tưởng, nó không giúp giải thoát con người vốn vô minh. Sau đó, con người nhấn mạnh đến ý chí như phương tiện hữu hiệu giúp con người đạt đến Chân, Thiện và Mỹ. Nhưng câu nói này đã đánh đổ mọi khát khao vô vọng của con người, rằng: *hỏa ngục là nơi được lát đầy những thiên chí.* Thật vậy, ý chí của con người ra hư hỏng vì vết thương của tội Nguyên Tổ nên nó phải được thanh lọc từ Trên cao. Những cố gắng ấy của con người chỉ cuộn tròn trên chính mình chỉ làm cho con người thêm kiêu ngạo và ngông cuồng. Làm sao bạn đang cùng trôi trong một dây xích tội lỗi, lại có thể tìm cách để giải thoát người khác? Chúng ta phải vượt qua mọi tâm thức của nhân loại để hướng về một Thực tại bên ngoài và lớn hơn chúng ta.

Thật ra, lời giải đáp nằm ngay trong Tin Mừng của thánh Gioan khi Chúa Giêsu mặc khải rằng: “*Tôi đã sinh ra và đã đến thế gian vì điều này: đó là để làm chứng cho sự thật. Ai đứng về phía sự thật thì nghe tiếng tôi*” (Ga 18,37). Qua đó, Người minh chứng lời Người là sự thật. Ở chỗ khác, Người cũng khẳng định: “*Nếu các ông ở lại trong lời của tôi, thì các ông thật là môn đệ của tôi; các ông sẽ biết sự thật, và sự thật sẽ giải phóng các ông*” (Ga 8,31-32). Đi thêm bước nữa, Người gián tiếp mặc khải Người là Đấng chân thật giải thoát mọi người. Và trong (Ga 14,6), Đức Giêsu đã chính thức tuyên bố: Ta là sự thật.

Thế nhưng, lời tuyên bố này đã bị chôn vùi cùng với cái chết tủi nhục đau thương của Người. Xem ra, một Thiên Chúa làm người và bất lực trước sự dữ là cái chết. Cho dù con người ấy đã tự tuyên bố mình là sự thật thì điều ấy chẳng có liên quan gì đến tôi. Chết là hết và cái chết mang theo mọi dự phóng của con người. Nếu con người ấy không tự cứu lấy mình thì làm sao có thể giải thoát được ai? Nhưng cuộc phục sinh của Người đã đảo lộn mọi trật tự xưa cũ vốn bị tội lỗi thống trị. Người đã phục sinh, và lời tuyên bố: Ta là sự thật và sự thật sẽ giải thoát anh em, đem lại cho nhân loại một niềm hy vọng chắc chắn vào Đấng Phục Sinh.

Như thế, Thực tại bên ngoài và lớn hơn chúng ta, ấy là Đức Giêsu, Đấng chân thật và vô tội. Chính Người khả dĩ mở toang xiềng xích tội lỗi cho nhân loại. Người nói: Ta đến cho chiên được sống và sống dồi dào. Sống dồi dào là gì nếu không phải là một cuộc sống có ý nghĩa. Tất một lời, Đức Giêsu là ý nghĩa đích thực cho cuộc đời tôi vì Người là Đấng chân thật đã giải thoát tôi.

8.3. Đức Giêsu là ý nghĩa tối hậu

Khi đi trọn con đường mang tên Giêsu, chúng ta đi đến cùng đường và cùng đích là Đức Giêsu (Thiên tính của Người). Khi xác tín Đức Giêsu là ý nghĩa tối hậu cuộc đời ta, chúng ta không dừng lại ở thái độ ngưỡng vọng tương lai mà quên đi phút sống hiện tại; không phải khi ta chết, Người mới là ý nghĩa của cuộc đời ta. Nhưng xác tín ấy phải như đèn soi chiếu cả cuộc đời chúng ta, đó là điều Giáo hội mời gọi chúng ta sống chiều kích vĩnh cửu ngay trong thực tại trần gian.

Cái chết là một thực tại bi đát nhất mà mỗi người phải đối diện vào một ngày nào đó. Nó cướp đi mọi dự phóng còn dang dang dở của mỗi chúng ta. Song, cái chết đưa ta đến cùng đường để đạt đến cùng đích là Đức Kitô. Trong đức tin, cái chết là cánh cửa mở ra cho ta đến cùng Chúa. Nếu chưa bao giờ cảm nghiệm một cuộc sống ý nghĩa, chúng ta sẽ ngỡ ngàng khi gặp mặt Chúa trong ngày sau hết. Bởi đó, chúng ta cần tuyên xưng Đức Giêsu là ý nghĩa của cuộc đời ta và từng ngày sống là chuỗi dài những mắc xích ý nghĩa. Thật vậy, từng phút sống ý nghĩa sẽ tạo nên một cuộc đời ý nghĩa.

Khi Đức Giêsu tuyên bố: Ta là sự sống lại và là sự sống, Người muốn tự mặc khải mình là Chúa tể thời gian. Nghĩa là Người toàn quyền cho ta sự sống, cất ta khỏi sự sống và ban cho ta sự sống lại. Qua đó, chúng ta có thể hiểu lời khẳng định của thánh Phaolô: *“Không ai trong chúng ta sống cho chính mình, cũng như không ai chết cho chính mình. Chúng ta có sống là sống cho Chúa, mà có chết cũng là chết cho Chúa. Vậy dù sống dù chết, chúng ta vẫn thuộc về Chúa, vì Đức Kitô đã chết và sống lại chính là để làm Chúa kẻ sống cũng như kẻ chết”* (Rm 14,7-9).

Chúng ta cần lưu ý những hạn từ thánh nhân đã dùng: *sống cho chính mình và chết cho chính mình*. Đây là một cách sống không lấy Đức Kitô là trung tâm cho đời sống mình. Trái lại, còn khi nói: *sống là sống cho Chúa và chết cũng là chết cho Chúa*, chính là lúc chúng ta chọn Chúa là lẽ sống cho cuộc đời chúng ta. Thật vậy, khi con người còn lưu lại trong chính mình và tưởng rằng mọi sự xoay quanh cái bản ngã bé nhỏ ấy thì con người sẽ sợ hãi trước những nghịch cảnh và tính bi đát của cái chết phận người; trái lại, khi đặt Chúa làm cùng đích và ý nghĩa cuộc đời, họ sẽ được giải thoát thực sự và chính sự hiển ngự của Chúa trong tâm hồn chứng minh cho một tâm hồn tự do và bình an.

9. ĐAU KHỔ

Có thể nói, chứng lý mạnh nhất mà những người chủ trương vô thần dựa vào đó để phủ nhận hiện hữu của Thiên Chúa, là *đau khổ và sự dữ*. Họ dựa vào hai phẩm tính của Thiên Chúa: Toàn năng và yêu thương, mà “lên án tử” cho Ngài. Thật vậy, một Thiên Chúa toàn năng không thể để cho đau khổ và sự dữ tồn tại trên trần gian. Lại nữa, một Thiên Chúa yêu thương không thể đứng dung với số phận nghiệt ngã của con người... Những luận chứng như thế càng làm con người xa rời Đạo giáo và không giúp con người lớn lên và được giải thoát. Chúng ta không đi sâu vào những cuộc tranh luận về mặt trí thức vì như thế không dẫn đến đức tin. Nhưng chính khi chấp nhận đảm nhiệm cuộc sống mình cách tích cực và tinh thần đức tin, chúng ta dễ dàng khám phá ra trong từng khoảnh khắc sướng khổ của phận người có sự hiện diện sống động và tràn đầy của Thiên Chúa.

Toàn năng

Có nhiều người cho rằng: Thiên Chúa toàn năng có thể làm được mọi sự. Nếu hiểu như thế, Thiên Chúa không toàn năng. Vì Ngài chỉ có thể hành động phù hợp theo bản tính Thiện của

mình. Như thế, Ngài không thể là nguyên nhân của sự dữ. Và sự dữ đến từ một nguồn khác, mặc khải Kinh Thánh cho chúng ta câu trả lời: kẻ chủ mưu chính là Satan.

Vấn đề đặt ra: Một Thiên Chúa toàn năng sao không ngăn chặn mưu đồ làm điều ác ? Có chứ ! Tùy trường hợp. Chúng ta có thể nhận ra sự can thiệp của Ngài trong cú ngã ngựa của thánh Phaolô. Chúng ta thử tưởng tượng khi được chứng thư của các nhà lãnh đạo Do thái, ông hầm hầm sát khí, lên đường tìm các Kitô hữu để bách hại, bắt tù...tắt một lời, ông gây đau khổ, bấn loạn cho các Kitô hữu. Mưu ác không thành. Ông bị Chúa quật ngã xuống đất... và sau đó, ông nhận được một sứ vụ mới.

Một điều hết sức kỳ diệu là: qua cú ngã ngựa ấy, Chúa không cướp đi sự tự do của ông. Nhưng đây chỉ là “cú phanh” kịp thời giúp ông phản tỉnh lại về những mưu tính của mình không đẹp ý Thiên Chúa (mà sau này trong một lá thư, ông thú nhận là lúc đó bản thân hành động vì thiếu hiểu biết). Nếu trước kia, ông nhiệt tình bảo vệ Đạo Giáo đến nỗi bách hại những ai đi ngược với truyền thống cha ông thì bây giờ, ông lại nhiệt thành gấp bội để loan báo Tin Mừng về Đức Kitô chịu chết và phục sinh đem lại ơn cứu độ cho mọi người. Phân tích cụ thể và minh bạch như thế không ngoài mục đích giúp chúng ta nhận ra vai trò của Thiên Chúa trong lịch sử loài người, đó là Ngài tác động trực tiếp và gián tiếp đến đời sống con người, nhất là bảo vệ con người khỏi tai họa, khổ đau. Đây chỉ là một trong những minh chứng được Kinh Thánh tường thuật; còn biết bao điều lạ lùng kỳ diệu mà Thiên Chúa đã thi thố trong cuộc đời của các chứng nhân hy vọng. Sau những đau thương của cuộc đời, chúng ta phải xác tín chân lý này, Thiên Chúa làm chủ lịch sử; Ngài quan phòng cho mọi sự đạt đến cứu cánh tốt đẹp nhất. Chúng ta dễ bị cám dỗ mà nghĩ rằng: sao Thiên Chúa không can thiệp vào những đau thương của cuộc đời tôi ? Ngẫm nghĩ trong từng khoảnh khắc cuộc sống, chúng ta có thể nhận ra “ánh sáng” ở cuối con đường. Rằng: Thiên Chúa vẫn có đó khi tôi tưởng chừng mình đang cô đơn.

Chúng ta thấy rằng các thánh cũng như những người đạo đức được diễm phúc in năm dấu thánh. Đọc nhật ký của họ viết, họ phải trải qua những cơn đau đớn khủng khiếp, đồng thời, những khổ tâm do những hiểu lầm của người đời...họ là một người “đau khổ”. Bạn thử hỏi năm dấu thánh ấy đến từ đâu ? Khoa học không thể lý giải những trường hợp ngoại thường này. Do đức tin và lòng đạo đức, chúng ta bảo rằng Thiên Chúa thưởng công và ghi dấu ấn tình yêu trên những người thánh thiện. Như thế, đau khổ hay phần thưởng chỉ là do cái nhìn chủ quan của con người.³⁸ Vấn đề là chúng ta cần khám phá ra sự hiện diện yêu thương của Ngài trong từng biến cố của cuộc đời. Và luôn xác tín như thánh Augustinô: Thiên Chúa rút từ sự dữ ra sự lành. Thiết tưởng, đó mới là dấu chứng của Thiên Chúa toàn năng.

Tình yêu

Có thể nói, ý chí tự do là một trong những nét đẹp được nhiều người dùng để giải thích về chân lý này: *con người dựng nên giống hình ảnh Thiên Chúa*. Thật vậy, nhờ tự do, con người có thể chọn Thiên Chúa để sống thân mật với Ngài như một mối liên hệ quan trọng nhất trong đời; cũng nhờ tự do, con người có thể sống dần thân với tất cả tình yêu hầu đi đến với Thiên Chúa là tình yêu. Thiết tưởng, đó là ý định tốt lành của Thiên Chúa; đó là cứu cánh của tự do con người. Nhưng thực tế cho thấy, phần lớn con người đã lạm dụng tự do để sống buông thả, hưởng thụ quá độ, chà đạp nhân phẩm, xúc phạm nhân quyền...tắt một lời, con người tự do làm khổ

³⁸ Để làm rõ hơn về cách nhìn và đánh giá chủ quan về vấn đề đau khổ, chúng ta ghi nhận thêm một sự kiện khác. Có một bà mẹ bị thương nặng sau trận hỏa hoạn tại căn nhà của bà khi liêu mình cứu đứa con nhỏ. Có người hỏi: Bà cảm thấy thế nào trong tình cảnh đau khổ hiện nay ? –Tôi không đau khổ cũng chẳng nuối tiếc vì những gì mình đã làm để cứu sống con mình. Đau khổ đã được đánh đổi bằng sự hy sinh bản thân để có thể cứu sống con mình. Quả thật, một người sẽ không còn cảm thấy đau khổ nữa ngay vào thời khắc họ tìm thấy ý nghĩa nào đó cho cuộc sống của mình, ở đây là ý nghĩa của sự hy sinh quên mình.

nhau. Với sự toàn năng của Thiên Chúa, chắc hẳn, Người biết và lường trước những hệ lụy con người gây ra cho nhau. Như thế, Ngài có chịu trách nhiệm phần nào trong những việc này chăng ?

Nếu xét về mặt luân lý, Ngài chẳng làm điều gì ác nên tội để phải chịu trách nhiệm về nó. Hơn nữa, Thiên Chúa không chịu chi phối bởi luật luân lý dưới bất cứ hình thức nào. Bởi đó, Ngài hoàn toàn không chịu trách nhiệm trong tội ác của con người tạo nên. Còn nếu xét trong tương quan giữa Đấng Tạo Hóa và các tạo vật, Thiên Chúa chịu “trách nhiệm” gián tiếp trong khi ban cho con người tự do và *biết trước* rằng con người có thể lạm dụng tự do và làm điều xấu. Trong khi Thiên Chúa ban tự do cho con người như việc Ngài cho con người thông chia tính toàn năng của Thiên Chúa thì họ lại lạm dụng đi ngược với ý định của Ngài. Thế rồi, Thiên Chúa đã chịu trách nhiệm trong **tình liên đới** với tội lỗi con người. Điều này đã được thánh Phaolô diễn tả tuyệt vời qua câu nói: “*Đáng chẳng hề biết tội là gì, thì Thiên Chúa đã biến Người thành hiện thân của tội lỗi vì chúng ta, để làm cho chúng ta nên công chính trong Người*” (2 Cr 5,21). Chính khi Đức Giêsu chết vì tội lỗi chúng ta mà Người đã chịu trách nhiệm và chữa lành những vết thương do con người lạm dụng tự do gây nên. Như thế, việc một số người cho rằng Thiên Chúa đã đứng dung trước đau khổ của con người là một sai lầm. Thiên Chúa không can thiệp vào lịch sử nhân loại theo ý muốn của con người. Đức Giêsu chẳng xuống thập giá vì một lời thách thức của con người. Dần dà, chúng ta sẽ nhận ra cách hành động của Thiên Chúa: thay vì Ngài rút lại hay ngăn chặn hành động tự do của con người, thì Ngài lại hóa giải từ sự dữ ra sự lành. Thiết tưởng, đó là cách tốt nhất để Thiên Chúa mặc khải Ngài là Đấng toàn năng đầy yêu thương.

Người đồng hành

Chúng ta đã từng nghe câu chuyện về giấc mơ của một chàng thanh niên. Mỗi ngày chàng đi dạo bộ với Chúa Giêsu trên bãi biển rất êm ả và bình yên. Chàng thích thú vì những dấu chân song hành như hai người bạn. Đến một ngày sóng to gió lớn, chàng lại chỉ thấy có một dấu chân. Trong hoảng hốt và sợ hãi, chàng hỏi Chúa đi đâu lúc cuộc đời đầy biến động. Chúa trả lời: “*Chính những lúc ấy Ta đang bỗng bé con trên tay*”. Kinh nghiệm của chàng thanh niên này là một bài học khích lệ chúng ta tin tưởng và phó thác vào tình thương Chúa. Quả thật, Người vẫn đồng hành với chúng ta trên mọi nẻo đường cuộc sống.

Trong những lúc chúng ta bị hiểu lầm, chối từ, cô lập...thiết tưởng, việc đồng hóa mình vào những nhân vật trong các sách Tin Mừng sẽ là một lợi khí giúp ta dễ dàng vượt qua những đêm tối. Một người đàn bà trắc nết bị xã hội lên án, ruồng bỏ...lại được ngồi bên chân Chúa. Một Giakêu bị xếp vào hàng người bất chính, lại được Chúa đồng bàn ăn uống...Những mảnh đời đau khổ luôn tìm được nguồn nâng đỡ nơi Chúa Giêsu. Đôi khi, chúng ta chỉ có một câu lời Chúa như lời hứa về một tương lai bất định, làm ánh sáng hướng dẫn bước ta đi. Những lúc chúng ta bị hiểu lầm, đặt điều, bôi nhọ, thì lời hứa: *sự thật sẽ giải phóng các con*, sẽ là một cái neo bám chặt vào lòng Chúa yêu thương. Điều quan trọng là tránh nổi giận, la lối thóa mạ, vì theo lời thánh Gioan Vianney: “*Đau khổ trong an bình, sẽ chẳng còn đau khổ nữa*”. Có thể nói, sự bình an trong tâm hồn là dấu chỉ sự hiện diện của Chúa giữa con biến động. *Tâm bất biến giữa dòng đời vạn biến* là thế !

Xét cho cùng, chỉ trong cơn khốn khó, người ta mới nhận ra đâu là “vàng thật”; chỉ những người xác tín sự hiện diện của Chúa trong đời và chọn Chúa làm ý nghĩa của cuộc sống, mới khả dĩ vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong cuộc đời.

Nạn nhân

Một người phụ nữ kia đang đau lòng vì vừa mất đứa con tám tuổi duy nhất của bà. Cái chết bất ngờ của người con này đã làm tăng nỗi cô đơn trong bà. Trong nỗi tức giận, mê sảng, bà

tim đến Cha xứ, bà hỏi: “Tại sao tôi có một đứa con duy nhất mà Chúa cũng cướp đi ?” Thấy người đàn bà này quá bị kích động, vị linh mục liền nghĩ ra một cách giúp bà giải tỏa, ngài đề nghị: “Đây, tôi gởi bà một cuốn tập, bà hãy tưởng tượng ra Chúa đang có mặt ở đây trước mặt bà và hãy viết những gì bà cần nói”. Và rồi, như một cơ hội bà trút hết sự tức giận lên một vị Thiên Chúa tưởng tượng. Nỗi đau quá lớn khiến bà trở thành một kẻ khát máu; bà không chỉ phỉ nhổ, chửi rủa Ngài mà còn muốn treo Ngài lên cao giữa trời và đất...Lát sau, bà đã thấm mệt và thiếp đi lúc nào không biết. Vị linh mục vào, bà liền tỉnh dậy và trao lại cuốn tập đã viết với những dòng chữ đầy “máu và lửa”. Đọc xong, vị linh mục nói: “Thế là bà đã giết Thiên Chúa một lần nữa. Phần Ngài, Ngài nói với bà điều gì, bà biết không ?” Bà đáp: “Thưa, không”. Vị linh mục nói: “Chúa bảo rằng xin Cha tha cho bà vì bà không biết việc bà làm”.

Tha cho kẻ muốn giết mình đó là cách thể hiện tình yêu của Thiên Chúa. Chết thay và cứu chuộc cho kẻ giết mình là cách thể hiện tình yêu nhưng không của Thiên Chúa. Chúng ta có thể hỏi Ngài ở đâu trong lúc tôi gặp đau khổ. Ngài là nạn nhân trong kẻ xấu số là bạn. Ngài trở nên bất lực với người bất lực nhưng không tuyệt vọng. Ngài đã chấp nhận để bạn treo Ngài lên thập giá vì tôn trọng tự do của bạn. Chúa muốn bạn dùng tự do để yêu mến Ngài nhưng bạn đã dùng tự do để giết Chúa. Ngài toàn năng nhưng không rút lại tự do của bạn. Ngài không hối hận khi ban tự do cho bạn. Ngài đợi chờ bạn chính nơi bạn đã giết Ngài. Núi Sọ phải trở thành điểm hẹn thương xuyên của bạn khi đang đối diện với những đau khổ hay bất công đời này. Không ai đau khổ hơn Ngài vì bị người yêu phản bội. Không ai chịu bất công như Ngài dù vốn là người vô tội. Bạn có sẵn sàng chấp nhận khổ giá cùng với Đức Kitô để được phục sinh với Người không ? Đó là thách đố và đồng thời là một hồng ân trong cuộc biến đổi. Chúng ta chỉ thực sự biến đổi và trưởng thành trong đau thương. Chúng ta chỉ trở nên vững mạnh sau những lần gục ngã thảm thương. Sau những lần như thế, bạn sẽ ngộ ra thân phận bất lực của con người khi đứng trước đau khổ. Đồng thời, sống phó thác vào Đấng rút từ sự dữ ra sự lành cho những ai yêu mến Ngài.

Tóm lại, chúng ta đã trình bày Thiên Chúa toàn năng và Tình Yêu như một minh giải cho vấn đề đau khổ mà những người vô thần đã dùng để khước từ và phủ nhận sự hiện hữu của Thiên Chúa. Bởi đó, việc suy tư và đào sâu trong lãnh vực này sẽ giúp chúng ta có một hướng nhìn đúng đắn và thích hợp theo nhãn quan Kitô giáo. Chúng ta cần tái khẳng định rằng đau khổ là một huyền nhiệm, nó gắn liền với cuộc hiện sinh của con người. Thế nên, chúng ta sẽ không có một câu trả lời thỏa đáng mà chỉ là những kinh nghiệm bản thân hết sức chủ quan. Xét cho cùng, chỉ có đau khổ của Đức Kitô mới đích thực là mô phạm của mọi người. Vì khi chiêm ngắm Người trên Thánh Giá, chúng ta nhận ra hình ảnh bản thân. Dần dà, chúng ta nhận ra Người là Đấng rất gần gũi, đang đồng hành và là nạn nhân cùng chịu đau khổ với ta; và nói như thi sĩ Paul Claudel: *“Đức Kitô đến không phải để hủy bỏ cũng không phải để giải thích đau khổ, nhưng làm cho đau khổ đầy tràn hiện hữu của Người”*.

Cuối cùng, Đức Giêsu đã là ý nghĩa cuộc đời tôi khi Người hiện diện với tôi trong mọi khoảnh khắc cuộc đời, nhất là trong lúc đau khổ, tưởng chừng như bế tắc và buông xuôi. Người là hy vọng duy nhất cuộc đời tôi.

10.SỰ CHẾT

Một vài ghi nhận về tình hình tôn giáo sau biến cố khủng bố 11.9.2001 tại Mỹ. Tờ báo Wall Street Journal cho biết rằng số người quan tâm theo dõi các chương trình tôn giáo trên Truyền hình Mỹ đã tăng lên vùn vụt. Những cuộc thăm dò còn cho thấy số người đi nhà thờ cũng tăng lên nhiều. Chẳng hạn ở Anh: Tại nhà thờ chính toà Winchester, con số tăng là 60%. Việc đọc kinh tại các nơi công cộng, kể cả các cơ sở như trường học, hội đồng thành phố, cơ quan lập

ở Hoa Kỳ cũng vậy. Nói chung, người ta quan tâm hơn đến tôn giáo. "*Ngay cả một số người vô thần hình như cũng đã tìm thấy Thiên Chúa*", bài báo viết. Ngoài ra, phải nhắc đến một số lớn trong họ muốn trở về với những giá trị truyền thống như gia đình, tình bạn, tôn giáo... Qua đó, chúng ta nhận ra từ cái chết bất ngờ của hàng ngàn người tại tòa Tháp Đôi ấy mà họ đã liên tưởng cách nào đó đến cái chết gần kề của mình để đi tìm một cuộc sống có ý nghĩa hơn. Điều này càng làm sáng tỏ cho kinh nghiệm thiêng liêng của tác giả John Donne.

John Donne, nhà thi hào Kitô giáo người Anh, mà chúng ta biết đến qua câu nói nổi tiếng của ông : « *Không ai là một hòn đảo* »³⁹, đã trực giác và kinh nghiệm đời đời khi đối diện với cái chết của người nào đó. Thật vậy, khi nghe tiếng chuông ngân lên theo đám tang của một người chết, ông đã nảy ra ý nghĩ rằng : chỉ có một cái chết duy nhất cho mọi người ; và khi tiếng chuông báo tử ngân lên, tức là nó ngân lên cái chết của chính tôi.

Xét trên bình diện nhân bản và tâm lý nói chung, tác giả đã đạt đến độ đồng cảm sâu xa với một người đã ra đi ngang qua tiếng chuông báo tử. Họ đã chết và kết thúc cuộc đời với những dự phóng dang dở, phần tôi, cái chết ấy thay vì lấy hết mọi sinh lực nơi tôi, nó lại giúp tôi sống khấn trương hơn vì thời gian không còn bao lâu nữa ! Từ đây, tôi sẽ sống giây phút hiện tại thật ý nghĩa và tràn đầy với tất cả tình yêu. Như thế, các nhà tâm lý học có lý khi khẳng định rằng : *nhận thức về cái chết giúp nâng cao ý nghĩa cuộc sống* ; rằng cuộc sống này đáng sống, và con người học sống bằng cách học chết. Theo tác giả Scolt Peck, khi vật lộn với mâu nhiệm sự chết của mình, bạn sẽ khám phá ra ý nghĩa của cuộc sống mà mình đang sống. Nói cách khác, con người chỉ thực sự sống khi chấp nhận cái chết như một thực tại gắn liền với hiện hữu của mình.

Còn theo nhãn giới đức tin, cái chết không phải là một kết thúc nhưng là một cánh cửa mở ra một thực tại lớn hơn hiện hữu con người. Có nhà thi sĩ Công Giáo đã ví cái chết như một cuộc hòa nhập vào hội hoa đăng nơi tràn ngập ánh sáng. Kinh Thánh lại dùng hình ảnh bữa tiệc Cánh Chung như một niềm vui sung mãn cho những ai khao khát được dự phần tiệc cưới Con Chiên. Một điều kiện duy nhất là bạn phải mặc áo cưới. Áo cưới là biểu tượng cho những tâm tình xứng hợp. Mà áo cưới ấy bạn có thể sắm sẵn ở đâu ? Thừa ở đời tạm này.

Thế gian này được coi là đời tạm vì nó mang tính thời gian và chóng qua. Nhưng nó lại là nơi giúp bạn sắm sẵn chiếc áo cưới cuộc đời mình. Một cuộc sống ở đời này có ý nghĩa sẽ giúp tạo nên chiếc áo cưới hoàn hảo. Thánh Phanxicô Assisi thật chí lý khi nói : người ta chỉ mang theo sau khi chết những gì mà họ đã cho đi. Hóa ra chính bác ái làm nên chiếc áo cưới hoàn hảo nhất !

Mẹ Têrêsa Calcutta đã nói : đức bác ái đích thực đòi buộc người cho đi phải mất mát một điều gì đấy. Hay nói như thi sĩ Xuân Diệu : yêu là chết trong lòng một ít. Sự mất mát, sự chết đi trong lòng ấy là cái chết mỗi ngày của một đời hy sinh. Cuộc đời này đáng sống và đầy ý nghĩa nhờ một cuộc ra khỏi mình để phục vụ dân thân cho những thực tại lớn hơn bản thân mình. Hy sinh phục vụ đến mức đổ máu vì người mình yêu theo gương Chúa Giêsu, quả là một thách đố ! Nhưng đối với Chúa, mọi sự đều có thể.

Một người chấp nhận chết đi mỗi ngày bằng những hy sinh quên mình thì cái chết cuối cùng chỉ là cửa bước vào Nguồn Sống. Mâu nhiệm Đức Kitô phục sinh đã là một minh chứng hùng hồn cho chiến thắng của Thập Giá. Trong Người, cái chết mang chiều kích cứu độ. Và cuộc sống của chúng ta có ý nghĩa vì được cùng với Người cứu độ thế giới. Nói cách khác, ơn cứu độ của Đức Kitô bao trùm trên hiện hữu của tôi. Tôi có sống là sống cho Chúa và có chết cũng là chết cho Chúa ; và : *Sống là Đức Kitô và chết là một mối lợi*. Đây cũng là cách mà nhà tâm lý

³⁹ Sau này, tác giả Thomas Merton đã dùng nó làm tiêu đề cho tác phẩm viết về đời sống chiêm niệm.

học C.Jung đã đề nghị khi con người đối diện trước cái chết : *sống thái độ tôn giáo*. Nghĩa là sống một cuộc tái sinh về mặt thiêng liêng ; để Chúa biến đổi tự bên trong.

Tóm lại, một cuộc sống có ý nghĩa luôn bao hàm một thái độ chấp nhận thực tại của cái chết. Cái chết giúp con người đối diện với sự hữu hạn của bản thân, đồng thời, tạo nên một không gian « trống rỗng » cho Chúa hành động. Như vậy, ý nghĩa của cuộc sống được soi dẫn trong cái chết và cuộc phục sinh của Đức Kitô. Cái chết không phải là tiếng nói cuối cùng nhưng là giúp chúng ta mở ra với Đức Kitô, ý nghĩa tối hậu của toàn nhân loại. Cái chết là một hình thức kinh nghiệm « thần bí » đưa con người vào trạng thái nên một với Chúa.

Để kết thúc, xin ghi nhận những tâm tình rất thật của nhà soạn nhạc piano Mozart mà ông đã diễn tả qua là thư gởi cho người cha của mình : *« Con sẽ nói với cha rằng con không còn thấy lo lắng về cái chết trước mắt. Mọi sự đã trở nên dễ chịu hơn. Vì cái chết chính là mục đích đời sống của mỗi chúng ta. Con đã tìm thấy mình trở thành quen thuộc với sự thật này và cái chết chính là người bạn thân nhất của con. Ý tưởng chết chóc không còn khiến con lo sợ nữa, mà là một cảm giác yên ả nhẹ nhàng. Con cảm ơn Thượng Đế đã cho con cơ hội được nhìn vào cái chết như một chìa khóa để tìm ra hạnh phúc đích thực. Con chưa bao giờ nằm xuống mỗi đêm trước khi đi ngủ mà không nghĩ rằng, mặc dù con còn rất trẻ, có lẽ ngày mai thức dậy con sẽ không còn tồn tại nữa... vì thế con rất cảm ơn Tạo Hóa đã ban cho con sự sống hằng ngày... »*⁴⁰

Như thế, cái chết không còn là nỗi ám ảnh của con người nhưng nghĩ về nó, chúng ta sẽ không ngừng cảm tạ Thiên Chúa đã cho ta vẫn còn tồn tại trên thế gian. Và nói như thi sĩ Kahlil Gibran: Cảm ơn đời mỗi sớm mai thức dậy, ta có thêm ngày nữa để yêu thương.

11.CẦU NGUYỆN

Chúng ta nghe nhiều những định nghĩa về cầu nguyện. Xét như thái độ nội tâm, cầu nguyện là hướng lòng lên Chúa hay xét theo tương quan, cầu nguyện là cuộc gặp gỡ giữa Thiên Chúa và con người... Chung qui, những định nghĩa ấy giúp chúng ta có một thái độ đúng đắn và cần thiết khi cầu nguyện. Nếu như không ý thức về giá trị và ý nghĩa của việc thực hành này, chúng ta sẽ phải đối diện với sự trống rỗng của nội tâm. Thật vậy, cầu nguyện không đem ích lợi thiết thực gì cho tôi thì cầu nguyện để làm gì. Một trong những yếu tố mà cuốn sách này muốn gợi ý là : Cầu nguyện giúp tìm ra ý nghĩa của cuộc sống.

Con người khó có thể sống chiều kích ý nghĩa cuộc sống nếu chưa thực sự một lần đi vào nội tâm mình. Như chúng ta đã biết xã hội ngày nay đề cao thái độ sống: yêu cuồng sống vội, sống thử... Nền văn hóa hưởng thụ này đã nhồi nhét con người bằng những tư tưởng tiêu cực như : sống hết mình, chơi hết tình, hưởng thụ không biết đến ngày mai... Những tư tưởng đại loại như thế đã được mặc định trong đầu của phần lớn giới trẻ mà họ cũng không có thời gian để lượng giá và không còn khả năng nhạy bén để chọn lựa một hướng đi riêng trong cuộc đời của mình. Đến một lúc nào đó, khi đã có mọi sự trong tay, họ đi tìm cái chết vì không tìm ra đâu là ý nghĩa của cuộc đời. Qua đó cho thấy, nơi con người còn có một nhu cầu tinh thần cao hơn và mong tìm đạt được một điều gì đó tuyệt đối, vượt xa mọi thực tại trần gian.

⁴⁰ Trích lại Nguyễn Thơ Sinh, *Các học thuyết tâm lý nhân cách*, Nxb Lao Động, tr.241-242.

Các triết gia Hiện Sinh thật có lý khi khẳng định : con người là một hữu thể hướng về Đấng Tuyệt Đối. Và thật sự, con người chỉ tìm được sự no thỏa cho những nhu cầu tinh thần của mình nơi Đấng Siêu việt mà đức tin chúng ta không ngừng tuyên xưng Đấng ấy chính là Đức Giêsu. Thật vậy, trong một xã hội đang bị đảo lộn và khủng hoảng về những bậc thang giá trị thì với đức tin, chúng ta cần tuyên xưng Chúa Giêsu như một khuôn mẫu đích thực.

Hơn lúc nào hết, con người ngày nay được mời gọi sống đời cầu nguyện để có thể thực sự trở về với lòng mình hầu tìm ra đâu là ý nghĩa của cuộc đời. Trong khi sự giả dối đang thống trị và điều khiển tâm thức con người thời đại thì tôn giáo phải là nơi duy nhất giúp con người tìm lại thế quân bình trong hành trình tâm linh. Làm sao con người có thể dám sống thật khi không ý thức : sự thật sẽ giải phóng bản thân ? Điều này chúng ta khả dĩ thực hiện được trong Đức Kitô. Với sức riêng của mình, con người dễ bị xô đẩy với mọi chiều hướng đạo lý không lành mạnh. Nhưng trong Đức Kitô và nhờ ơn Người, các tín hữu sẽ vượt qua và chinh phục đỉnh cao của tinh thần, là đạt đến Đức Kitô, Đấng là ý nghĩa của cuộc sống tôi. Đó là hiệu quả mà Chúa hứa ban cho những ai sống đời cầu nguyện.

Chúng ta cần cầu nguyện để nhận ra đâu là nhu cầu tôn giáo trong đời sống mình, đâu là cảm thức tâm linh cần thiết cho kẻ tin và đâu là ánh sáng giúp soi chiếu hầu đánh giá những thực tại trần gian ; từ đó, tìm ra đâu là ý nghĩa của cuộc đời tôi. Thực tại này nhằm soi chiếu con đường ta đi và giúp ta hướng nhìn tương lai với một niềm hy vọng chung cuộc đích thực. Quả thật, ở đâu có người thiện chí đi tìm ý nghĩa đích thực, ở đó có Đức Giêsu đang đồng hành như Người đã đồng hành với hai môn đệ trên đường Emau trong một tâm trạng đau buồn và thất vọng, vì Đức Giêsu ý nghĩa của cuộc đời họ đã chết. Chính trong ánh sáng Phục Sinh mà chúng ta có thể tuyên xưng Đức Giêsu là ý nghĩa cuộc sống.

Đức Bênêdictô XVI đã khai mở cho chúng ta một nhãn quan mới về thực tại này khi khẳng định : « Ý nghĩa của thế giới là một con người, một ngôi vị sống động ».⁴¹ Thật vậy, ý nghĩa cuộc đời ta không phải là một ý tưởng trừu tượng như một đối tượng của lý trí mà là một ngôi vị sống động, là Logos theo Tin Mừng thứ tư, là Ý Nghĩa, là Ngôi Lời Nhập Thể, Đấng đã chấp nhận đi vào đời sống con người để đồng hành và hướng dẫn con người đạt đến cùng đích của đời sống mà Thiên Chúa luôn mời gọi mỗi người không ngừng nỗ lực sống. Chính trong chiều hướng này mà đời sống cầu nguyện được hiểu là cuộc gặp gỡ giữa Thiên Chúa và con người. Con người khao khát gặp gỡ Thiên Chúa làm gì nếu không phải là để được sáp nhập vào sự sống ấy và lấy Người làm lẽ sống cho cuộc đời mình.

Cha Jean Vanier đã chia sẻ một kinh nghiệm về cầu nguyện của một thành viên ở cộng đoàn Arche, nơi ngài sinh sống. Có một người trong cộng đoàn hỏi ngài rằng không biết làm sao anh cứ cảm thấy thua kém người khác, anh em ai cũng thành đạt và có một vị trí quan trọng trong cộng đoàn, còn mình thì không. Khi tìm hiểu về hoàn cảnh gia đình, cha được biết, anh luôn bị coi là người thất bại. Cha anh coi thường anh đến nỗi khiến anh cảm thấy làm lỗi và mang một ấn tượng tồi tệ về chính mình. Đó là lý do thúc đẩy anh tìm đến cộng đoàn này. Anh đã trải qua ở đó một kinh nghiệm cầu nguyện lâu dài, và nội tâm anh thật sự được chữa lành, nhất là khi anh được mặc khải khuôn mặt của Đức Giêsu, Đấng đã yêu thương và thí mạng vì

⁴¹ Đức Bênêdictô XVI, *Đức tin Kitô giáo hôm qua và hôm nay*, Nxb Tôn Giáo, tr.79.

anh. Trong cộng đoàn, anh là người sống thiên về tình cảm, dễ mủi lòng, dễ suy sụp, dần dà anh lẫn lộn các mối quan hệ thường ngày. Sau thời gian dài đắm mình trong Chúa, anh đã khám phá ra ánh nhìn của mọi người trong cộng đoàn đã tiếp nhận anh đúng như thực trạng con người anh. Thế rồi, anh đã có thể thừa nhận vết thương thời thơ ấu của anh thực sự là một hồng ân và cầu nguyện là con đường giúp anh tìm ra ý nghĩa của cuộc sống ; Đức Giêsu – ý nghĩa cuộc đời anh.⁴²

12. CHÚA GIÊSU THÁNH THỂ - TRUNG TÂM ĐỜI SỐNG

Vào một ngày lễ bổn mạng của tôi, tôi đã chạy đến một vị Cha già, cự bề trên của nhà dòng, để xin ngài cầu nguyện cho tôi. Gặp tôi, ngài vui vẻ chúc mừng và hứa sẽ dâng lễ cầu nguyện cho tôi. Tôi ngỏ ý xin ngài một món quà, vị Cha già thánh thiện đáp : « *Cầu nguyện là nhất rồi* ». Nhưng tôi lại nài nỉ xin ngài một món quà tinh thần là kinh nghiệm và những lời khuyên. Ngài nói : « *Vì con chọn thánh Eymard, Tông đồ Thánh Thể, làm thánh quan thầy nên cha có vài lời về Bí Tích Thánh Thể.⁴³ Nếu con không sống đức tin trong Bí tích này, thì con không thể sống sự hiện diện của Người ở chỗ khác được* ». Tôi tự nhủ : quả thật, sự hiện diện của Chúa trong Bí tích này là sự hiện diện đích thực mà tôi không thể giục lòng tin thì làm sao có thể sống sự hiện diện quyền năng của Chúa trong mọi tạo vật. Vị Cha đáng kính ôn tồn nói tiếp : « *Con đừng khinh thường những động tác xem ra nhỏ mọn: cúi bái sâu trước Thánh thể hay sự trang nghiêm nét na trong nhà nguyện trước sự Hiện Diện đó* ». Tôi hỏi ngài về tầm quan trọng của những động tác này, ngài nói : « *Những động tác này trông có vẻ nhỏ mọn như việc của con nít nhưng nó giúp ta ý thức mình đang sống trước sự hiện diện của Chúa* ». Từ đó, tôi nhận ra rằng những thái độ được thể hiện bên ngoài ấy, dần dà, chúng được nội tâm hóa, đi sâu vào bên trong giúp ta làm sống động cảm thức đức tin trước sự hiện diện của Người. Nhờ đó, tâm tình bên trong sẽ đồng điệu với những cử chỉ bên ngoài ; tạo cho ta một phong thái *trông thành trong đức tin*. Và lời khuyên của vị cự bề trên đáng kính ấy là lời Chúa nhắc bảo tôi.

Nhưng tôi tự hỏi : làm sao mình có thể sống kinh nghiệm về sự hiện diện của Chúa trong Bí Tích Thánh Thể ?

Tôi đã tìm được câu trả lời từ kinh nghiệm trong tù của HY Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận. Ngài đã cử hành thánh lễ với ba giọt rượu và một giọt nước trên tay. Bàn tay ngài trở thành chén thánh và con tim ngài là bàn thờ để tế lễ. Phải chăng khi người ta không còn bị chi phối bởi các nghi thức bên ngoài, họ dễ dàng cảm nghiệm sự hiện diện của Chúa ? Chính khi trên thập giá, Chúa Giêsu bị tước đoạt và lột trần mọi sự thì lại thấy le lói ánh sáng của Phục Sinh. Chính trong cảnh tù đày, vị tôi tớ Chúa lại thấy mình giống Chúa trên thập giá hơn hết, đến nỗi đã thốt lên : *Nhà tù là tòa Giám Mục đẹp nhất đời tôi*. Quả thật, theo lời ngài tâm sự : sự hiện diện của Chúa lan tỏa trong khắp nhà tù khởi đi những người Công giáo vốn khô khan đạo nghĩa. Giờ đây, họ cảm thấy được sự nâng đỡ của Chúa, họ yêu thương nhau và giúp đỡ mọi người

⁴² X. Jean Vanier, *Đời sống cộng đoàn*, người dịch: Nguyễn Ngọc Mỹ, tr.36.

⁴³ Theo truyền thống của các dòng tu, mỗi khi vào nhà tập, mỗi người có thể chọn một vị thánh làm Đấng bảo trợ mình trong suốt quá trình tu. Tôi chọn thánh Eymard, vị Tông Đồ Thánh Thể, không phải vì đã yêu mến Bí tích này, nhưng vì năm 2004, Đức Gioan Phaolô II đã chọn là năm học hỏi về Thánh Thể. Và lại, từ những gì tôi học hỏi được về Bí Tích này, tôi đã quyết định chọn thánh nhân như vị bảo trợ đời tu, cách riêng, bầu cử cho tôi thêm lòng mộ mến Bí Tích cực trọng này.

không kể lương giáo. Có thể nói, chấp nhận để mình bị tước đoạt là bước đầu hành trình tâm linh của vị tôi tớ Chúa.

Kinh nghiệm ấy cho thấy chúng ta chưa cảm nghiệm được sự hiện diện của Chúa vì còn sống cho mình quá nhiều. Thiết tưởng, tư tưởng của thánh Gioan Tẩy Giả giúp chúng ta dần dần tiếp cận mầu nhiệm này : « *Người phải nổi bật lên còn tôi phải lưu mờ đi* ».

Thật vậy, giờ đây tôi mới hiểu tại sao nhà nguyện được thiết kế ở trung tâm của cộng đoàn ; không những để thuận tiện cho việc đi lại của các tu sĩ mà còn nhằm giúp mọi tu sĩ ý thức rằng Chúa Giêsu Thánh Thể là trung tâm đời sống của mọi tâm hồn tận hiến. Dù ăn dù uống hay bất cứ làm việc gì thì tôi đều qui về Chúa Giêsu Thánh Thể, Đấng ban sức mạnh cho tôi và hoàn thành tốt đẹp nhất những gì Người đã khởi sự nơi tôi. Cuối cùng, chúng ta ghi nhận lời khuyên của Đức Phanxicô trong một bài giảng về Bánh Hằng Sống : *Tin vào Chúa Giêsu là đặt Người vào trọng tâm ý nghĩa cuộc đời ta.*

Để kết thúc xin gọi đến bạn đọc câu chuyện của HY Martini, Tổng Giám Mục Milan, về Bí tích Thánh Thể. Ngài kể rằng có một cặp tân hôn người Ý, đã được Cha Sở đồng ý cho tổ chức một bữa tiệc tân hôn nhỏ trong sân nhà xứ, ngoài nhà thờ. Nhưng trời đổ mưa làm trở ngại cho cuộc tiếp tân ấy, họ đến trình với cha sở :

-Xin cha thông cảm cho chúng con được phép tổ chức bữa tiệc trong khuôn viên nhà thờ.

Cha sở không vui chút nào khi nghe chuyện chiêu đãi trong nhà thờ, nhưng họ năn nỉ mãi :

-Chúng con sẽ dùng chút bánh ngọt, hát vài bài hát, nhâm tí rượu, rồi giải tán êm.

Thế là ngài nhượng bộ rộng phép cho họ. Nhưng vì là những người Ý rất mực yêu đời, nên họ uống một chút, hát một chút rồi lại chút nữa. Và trong vòng nửa tiếng đồng hồ, trong nhà thờ đã diễn ra một đại tiệc hân hoan. Ai nấy đều đã đời, sáng khoái. Song cha sở thì hết sức căng thẳng, ngài đi đi lại lại trong phòng thánh, hết sức lo lắng vì sự ồn ào do đám tiệc gây ra. Lúc ấy, cha phó đến gặp ngài và nói :

-Con thấy cha căng thẳng quá.

-Tất nhiên rồi, tôi đang căng thẳng. Cứ nghe những tiếng ồn ào của họ, trời ơi, lại ở ngay trong Nhà Chúa Trời mới chết chứ !

-Nhưng thưa cha, họ thực sự không còn chỗ nào khác để tổ chức.

-Biết thế, nhưng họ phải làm âm ỉ lên như vậy mới được à ?

-Thưa cha, có lẽ chúng ta đừng quên rằng chính Chúa Giêsu cũng đã từng có mặt trong bữa tiệc cưới Cana.

-Tôi biết Chúa Giêsu đã từng hiện diện trong một bữa tiệc cưới. Ông không cần phải nhắc tôi về điều đó. Nhưng hỏi đó đâu có Bí tích Thánh Thể.⁴⁴

Ở đây, chúng ta thấy có một sự nhập nhằng khi cha sở phân biệt giữa sự hiện diện của Chúa Giêsu và Bí tích Thánh Thể. Thật ra, cả hai sự hiện diện ấy đều là một Chúa Giêsu, chỉ có khác là một đàng sự hiện diện thể lý của Người, còn đàng kia, sự hiện diện đích thực trong đức tin. Điều thiết yếu là chúng ta cần để cho Chúa Giêsu nhập thể một lần nữa trong đời sống chúng ta trong từng khoảnh khắc cuộc đời. Như thế, chúng ta mới hiểu vì sao thánh Biển Đức đã khuyên các đan sĩ : ***luôn đặt mình sống dưới sự hiện diện của Chúa.*** Đó cũng là cách mỗi người diễn tả niềm tin vào Chúa Giêsu là ý nghĩa cuộc đời ta.

⁴⁴ X. Anthony de Mello, *Thức Tỉnh*, tr.77-78.

13. THINH LẶNG NỘI TÂM

Chúng ta đang sống trong thời bùng nổ thông tin. Chúng ta cập nhật tin tức hằng ngày, đọc « tin » rồi « tức ». Đền nổi, chúng làm cho một số người mất phương hướng, *không biết đứng vào đâu cho vững*, bởi muôn vàn những sự xấu xa quanh mình. Để rồi, họ không còn tin vào bản thân và đổ tin vào tha nhân. Có thể nói, đó là hình thức « khủng bố » về thông tin. Đã đến lúc, chúng ta cần dành những phút thình lặng để lượng giá thông tin hầu rút ra những thông điệp giúp cuộc sống có ý nghĩa hơn.

Dường như con người ngày nay sợ đối diện với thình lặng ? Vì đối với họ, thình lặng là một hình thức phủ nhận hiện hữu bản thân cách nào đó. Thế nên, họ nói luyên thuyên hoặc nghe bất cứ sự gì để bớt cảm giác trống rỗng trong tâm hồn. Ở những nơi buôn bán sầm uất, họ kích thích người khác mua sắm bằng cách mở nhạc kích động nhằm tác động tâm lý người mua mau mắn quyết định chọn lựa sản phẩm của mình. Ở tư gia, họ thoải mái chọn các kênh truyền hình mình yêu thích để vui cửa vui nhà... Chưa hết, giới trẻ thể hiện đẳng cấp của mình bằng cách nghe những loại nhạc rẻ tiền, yêu nhau 3 (ba) ngày rồi xa nhau. Những bài hát đại loại như thế đã tiêm nhiễm những tâm hồn nhạy cảm khiến giới trẻ ngày nay yêu cuồng sống vội, sống thử sống hoang... Đã đến lúc, chúng ta cần dành những phút thình lặng để lượng giá cuộc sống của mình, rằng : những gì mang lại cho ý nghĩa cuộc sống của tôi ?

Thình lặng không có nghĩa là câm nín mà là để lắng nghe. Chúng ta được Thượng Đế ban cho một cái miệng để nói nhưng có hai tai để lắng nghe. Thình lặng để lắng nghe, lắng nghe để thuận theo. *Lắng nghe* tiếng Chúa mời gọi trong từng khoảnh khắc cuộc sống và *thuận theo ý* muốn của Người. Đó là thái độ đúng đắn của người khao khát sống tâm linh và đi tìm ý nghĩa cuộc sống.

Lắng nghe

Chúng ta thình lặng để lắng nghe những gì ?

Trước tiên, chúng ta cần lắng nghe những tiếng thổn thức của lòng mình. Bạn có phải là người đam mê danh vọng ? Bạn thích nghe những lời nói uy quyền và cũng thích dùng « quyền » để « hành » người khác. Bạn thích ăn trên ngồi trốc, ăn trắng mặc trơn... Những thứ ấy giúp người khác đánh giá đẳng cấp của bạn, tạo « thương hiệu » cho bản thân mình. Bạn có phải là người đam mê trục lợi ? Bạn thích vợ vét về cho mình mọi sự cả những gì thuộc quyền sở hữu của người khác. Bạn phá kho lẫm nhỏ để xây kho chứa lớn hầu lấp đầy tham vọng của mình. Bạn dễ nghe tiếng nói của tiền bạc hơn là tiếng thét gào đỏi khổ của tha nhân. Bạn như chú cọp no môi đang nằm vuốt ve bộ cánh của mình... Bạn có phải là người đam mê sắc dục ? Sự tươi mát của người khác là niềm hương phấn cho bạn. Nhân phẩm của con người chỉ đáng giá một cuộc mua vui. Mọi sự trên đời được ban cho con người để chỉ thụ hưởng... Bạn cần lắng nghe những thổn thức của lòng mình để nhận ra những cám dỗ danh, lợi và thú đang cuốn trôi trong tâm hồn để biết mình hơn. Thình lặng khả dĩ giúp người ta biết mình và tự chủ.

Cũng liên quan đến chiều kích cá nhân, để có thể lắng nghe tiếng Chúa, con người phải thình lặng và cô tịch đến mức hoàn toàn nghĩa là chết đi con người cũ của mình. Điều này nhà thần học Maurice Zundel đã kinh nghiệm khi nói rằng : « *Chỉ có thình lặng của toàn thể bản thể con người, trong cái chết của cái tôi mới có thể nghe được tiếng vang vọng nhiệm mầu của cái thình lặng nơi Thiên Chúa* ». ⁴⁵

Tiếp đến, thình lặng để lắng nghe tiếng nói của tha nhân. Trong lúc chúng ta mưu tìm mọi thuận lợi cho bản thân mình thì đâu đó, tiếng gào thét của bao người đau khổ ; những Ladarô của thời đại đang ngồi trước cửa nhà bạn. Họ là bản trắc nghiệm cho lòng trắc ẩn của bạn. Thánh

⁴⁵ Marc Donzé, *Tư tưởng thần học của Maurice Zundel*, chuyên ngữ Nguyễn Thị Chung, Nxb Tôn Giáo, tr.609.

Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã nói thật chí lý : *Thiên Chúa đặt để những người bất hạnh quanh bạn để giúp bạn thi thố lòng quảng đại. Có thể chúng ta vẫn lắng nghe nhưng đưa mắt làm ngo.* Đức Phanxicô đã mạnh mẽ cảnh báo con người thời đại về thái độ toàn cầu hóa sự dửng dưng. Sự dửng dưng ấy làm giảm trừ tính người trong chúng ta. Bởi đó, chúng ta cần thình lặn để lắng nghe tiếng nói của tha nhân, để nhạy bén và đồng hành với những mảnh đời bất hạnh. Thình lặn giúp khai thông lòng trắc ẩn nơi sâu thẳm lòng người.

Sau hết, thình lặn để lắng nghe tiếng Chúa. Kinh nghiệm của ngôn sứ Elia cho ta thấy : phải thình lặn đủ mới ý thức Chúa đến trong cơn gió hiu hiu. Khi khước từ cuộc chiến thắng với 450 tư tế của Baal và chạy trốn mọi thế lực trần gian, ông mới sẵn sàng bước vào cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa. Chính trong sự bất lực khi ông thốt lên : « *Chúa ơi đủ rồi, hãy lấy mạng con đi, vì con cũng không hơn gì các bậc cha ông con xưa* » (1V 19,4) mà ông có thể dễ dàng lắng nghe tiếng Thiên Chúa. Chính trong sự bất lực, buông xuôi tưởng chừng như vô vọng, Thiên Chúa lại tỏ mình ra cho ta mà chỉ có một tâm hồn thình lặn biết lắng nghe mới nhận thức giờ Chúa viếng thăm.

Đôi khi, chúng ta thình lặn để lắng nghe tiếng Chúa nhưng vì sự hiểu biết của ta có thể cản trở một cuộc tiếp xúc với Chúa đích thực. Evagre le Pontique đã lưu ý chúng ta : « *Sự tĩnh lặng có khả năng làm tan biến mọi tư tưởng, mọi hình ảnh của ta về Thiên Chúa. Chỉ như thế, chúng ta mới có thể gặp gỡ Thiên Chúa thật* ». ⁴⁶ Điều này đã được minh chứng rõ nét trong cuộc đời thánh Toma Aquino. Đọc trọn bộ Tổng luận thần học và những tác phẩm của ngài, chúng ta mới nhận ra sự uyên bác của thánh nhân và những tư tưởng ấy ngày nay vẫn còn ảnh hưởng mạnh mẽ trong Giáo Hội. Thế mà, khi được vị thư ký hỏi : sao ngài không hoàn tất bộ Tổng luận này vì chỉ còn ít chương, ngài trả lời một cách chân thành : tôi coi tất cả như rơm rác. Và từ đó, ngài đã ngưng mọi việc tri thức, bắt đầu cuộc sống thình lặn và chiêm niệm. Chúng ta không được ngài chia sẻ về những kinh nghiệm thiêng liêng trong cuộc tiếp xúc với Thiên Chúa, nhưng một khi coi những gì mình viết là rơm rác thì chúng ta cũng liên tưởng đến thánh Phaolô khi ngài quả quyết : « *...tôi coi tất cả như đồ bỏ, để được Đức Kitô và được kết hợp với Người* » (Pl 3,9). Đó là những người đã đạt được Đức Kitô trong hành trình tâm linh.

Sau khi thình lặn để lắng nghe tiếng Chúa, chúng ta đi thêm bước nữa là *thuận theo* ý muốn của Ngài.

Thuận theo

Có thể nói, trong cuộc lữ hành trần thế, chúng ta là những người mò mẫm đi tìm thánh ý Thiên Chúa. Chính những sa sẩy trong cuộc sống mà chúng ta ý thức rằng chúng ta qui về bản thân hơn là thuận theo ý muốn của Ngài.

Mỗi ngày chúng ta không ngừng thực hiện những cuộc chọn lựa. Nếu chúng ta không thiết lập bậc thang giá trị đúng đắn, nghĩa là qui về Nước Thiên Chúa và Đức Công chính của Ngài, chúng ta vẫn còn lằm lạc. Điều này đòi buộc chúng ta phải có óc biện phân, sống theo Thần Khí mà kinh nghiệm của thánh Inhã, Tổ phụ dòng Tên, sẽ là một kim chỉ nam cho đời sống tâm linh của chúng ta. Một trong những cách được ngài đề nghị trong tập Linh Thao là *phân biệt tiếng thần dữ và tiếng Chúa*. Tiếng thần dữ thường ồn ào, xáo trộn, gây mất bình an ; trái lại, tiếng Chúa luôn nhẹ nhàng, lâu bền và thiết lập bình an trong tâm hồn. Biện phân được đâu là tiếng thần dữ hay đâu là tiếng Chúa đã khó, thực hành càng khó hơn. Đó cũng là kinh nghiệm giảng co nội tâm của thánh Phaolô : « *Điều tôi muốn, thì tôi không làm, nhưng điều tôi ghét, thì tôi lại cứ làm* » (Rm 7,15b). Đúng thế, ý chí con người muốn hướng về ý Chúa, nhưng vì bản tính yếu đuối, con người lại muốn tìm sự dễ dãi, mà đường thênh thang dẫn đến diệt vong. Ngay

⁴⁶ Anselm Grun, *Hãy mở giác quan bạn cho Thiên Chúa*, Nxb Phương Đông, tr.57.

như Chúa Giêsu, một khi biết ý muốn của Cha là hoàn tất con đường thập giá, Người cũng xin được miễn uống chén đắng ; song, ngay sau đó, Người đã hoàn toàn sẵn sàng khi thốt lên : « *Xin đừng theo ý con, một vâng theo ý Cha* » (x. Lc 22,42).

Có thể nói, chính những giờ phút sống thanh lặng và cô tịch hoàn toàn mà Chúa Giêsu đã đọc ra ý muốn của Cha, và cũng nhờ một thái độ vâng phục hoàn toàn mà ý muốn cứu độ của Cha đã thành toàn. Những giọt mồ hôi máu của Chúa Giêsu là cái giá phải trả cho một cuộc chiến đấu nội tâm không ngừng nơi Người.

Xét cho cùng, thanh lặng nội tâm chỉ có ý nghĩa thực sự khi tạo cho mỗi chúng ta một không gian tốt khả dĩ giúp chúng ta sống ý muốn của Cha trong sứ mạng đặc thù của mình. Và một điều chúng ta cần xác tín rằng : ý muốn của Cha lớn hơn bản thân ta vì nhờ đó, ý định của Ngài thành toàn trong cuộc đời ta. Làm sao cuộc sống của chúng ta có ý nghĩa nếu không miệt mài tìm kiếm ý muốn của Chúa ? Chính thanh lặng nội tâm sẽ giúp ta dần dần khám phá bản thân, sống hết mình với tha nhân và hết tình với Thiên Chúa.

Còn bạn, bạn làm gì để sống một cuộc sống có ý nghĩa trong một xã hội ồn ào và trống rỗng như ngày nay ? Thách đố ấy vẫn luôn đeo bám bạn. Thiết tưởng, chúng ta cần nhắc lại lời khích lệ của Đức Phanxicô : « *Những sự dữ của thế giới chúng ta và của Giáo Hội không phải là một lý do để giảm bớt sự dấn thân và nhiệt tình của chúng ta. Hãy chỉ coi chúng như những thách đố để lớn lên* ». ⁴⁷

Những thách đố có giúp bạn lớn lên ? Sự lớn lên của chúng ta hệ tại ở việc để Chúa hành động trong cuộc đời ta. Chính trong thanh lặng nội tâm, chúng ta sẽ khám phá ra Chúa Giêsu là giải đáp cho mọi vấn đề và Người là ý nghĩa cuộc đời ta.

14. NIỀM HY VỌNG

Karl Marx đã không ngừng lên án Giáo hội khi cho rằng các Kitô hữu chỉ nghĩ tưởng những chuyện trời cao mà quên đi mình đang sống dưới đất. Rằng: sự ảo tưởng ấy đã làm cho các Kitô hữu trở thành những kẻ vong thân. Để đối lại, ông đề nghị một cuộc sống lấy thiên đàng trần thế làm cùng đích đời người. Học thuyết nhân bản của ông đã ảnh hưởng rất mạnh vào mọi giới sống đồng thời với ông. Nhưng lý tưởng này đã sụp đổ cùng với bức tường Berlin năm 1989. Dù sao, các vị Nghị Phụ của Công Đồng Vatican II cũng đã dành một phần để trả lời cho những nhận định quá khích này. Chung qui, nó thuộc về niềm hy vọng của các Kitô hữu.

Có thể ví, niềm hy vọng của chúng ta như ánh sáng trên cao soi chiếu bước đường ta đi trong hiện tại; nó như ánh mây rọi sáng ban ngày và cột lửa soi chiếu ban đêm hầu giúp dân Do thái sống trong đường lối của Thiên Chúa. Hiểu như thế, niềm hy vọng của chúng ta là chất liệu giúp mỗi người sống tích cực giây phút hiện tại. Giáo hội luôn mời gọi mỗi tín hữu không ngừng sống chu toàn bốn phần hàng ngày theo ơn gọi mình lãnh nhận, đó là cách xây dựng quê hương trần thế và là cách tốt nhất thánh hóa bản thân hầu đạt đến ơn cứu độ chung cuộc mà mỗi người chúng ta hằng hy vọng.

Trong khi nói lên lập trường của mình, Giáo hội cũng không ngừng cảnh báo các Kitô hữu về lối sống lấy thiên đàng trần thế làm cứu cánh đời mình. Vì như thế, họ chỉ biết sống hưởng thụ, ích kỷ... lấy sự sống người khác làm bàn đạp, bệ phóng cho bản thân mình được vinh quang. Đức Bênêdictô XVI đã nhận định về họ rằng: “*Chủ thuyết nhân bản loại Thiên Chúa là một chủ thuyết phi nhân bản*”. ⁴⁸ Chưa hết, họ còn chủ trương lấy vật chất lấp đầy khát vọng con tim của con người. Từ đó, họ cổ xúy mọi người sống hưởng thụ trong hiện tại và duy hiện tại là ý

⁴⁷ Đức Phanxicô, *Sđd*, số 84.

⁴⁸ Đức Bênêdictô XVI, *Caritas in Veritate*, số 78.

nghĩa của con người. Hậu quả, họ đã tạo ra một trào lưu sống phóng túng trong người trẻ là tương lai của đất nước. Bức tường Berlin đã sụp đổ, hy vọng hoàn toàn vào thực tại trần gian đã sụp đổ nhưng hệ lụy vẫn còn đó, bằng chứng là con người vẫn tự coi mình là thượng đế, nắm quyền sinh sát và tự do quyết định định mệnh đời mình.

Ngày nay, con người quá đặt hy vọng vào của cải vật chất, lấy sự an toàn của vật chất làm đủ cho đời sống mình. Thế nhưng, việc tự tử của các đại gia, tài tử (một thời là thần tượng của mọi người), họ đã chết trên đồng vàng kết xù, là một câu hỏi lớn về việc: *đâu là ý nghĩa cuộc đời ?* Thêm vào đó, con người luôn đối diện với những thử thách, đau khổ khiến họ mất phương hướng, cuối cùng, sống buông trôi qua ngày mặc cho số phận ra sao... Tất một lời, họ nguyện rửa quá khứ, mãi chờ đợi tương lai và gặm nhấm hiện tại.

Trong khi đó, các Kitô hữu được mời gọi: *phó thác quá khứ cho lòng thương xót của Chúa, phó thác tương lai cho sự quan phòng của Chúa và sống với Người trong hiện tại.* Sống với Chúa trong phút hiện tại nghĩa là sống chiều kích thiên đàng tại thế này. Trong khi sống sung mãn giây phút hiện tại, các Kitô hữu lại không ngừng ý thức rằng mọi thực tại trần gian không làm no thỏa con tim con người mà chỉ có Chúa. Thật vậy, chúng ta mãi khắc khoải cho đến khi nào được nghỉ yên trong Chúa, vì Chúa là gia nghiệp cho mỗi người chúng ta.

Xét cho cùng, chỉ có Đức Kitô là nguồn hy vọng, vì Người đã chết và sống lại, vượt qua mọi thực tại trần gian mà về với Cha. Người cũng sẽ giải thoát chúng ta thắng vượt mọi thực tại chóng qua này mà về bến bình an, vì Người là ý nghĩa cuộc đời ta. Có thể nói, giải thoát để được cứu độ là giá trị đáng mọi Kitô hữu ước ao, và điều này sẽ được thành toàn trong Đức Kitô, nguồn Hy vọng đích thực của đời ta.

15. TÌNH YÊU

Văn hào Shakespeare đã định nghĩa về hạnh phúc của con người là *yêu và được yêu*. Có thể nói, đây là bài học chúng ta học cả đời vì không bao giờ chúng ta yêu cho *đầy đủ* và yêu cho *đúng đắn*. Từ đây, có những xáo trộn trong cuộc sống đã cướp đi cách nào đó hạnh phúc của mỗi người ; đồng thời chúng cản trở bạn sống một cuộc đời có ý nghĩa.

Yêu bản thân

Nhiều người đã hiểu sai khi cho rằng yêu bản thân là ích kỷ. Thật ra, yêu bản thân cho đúng mức là cả một nghệ thuật và là điều đáng khuyến khích. Trong khi người ích kỷ chỉ tìm lo cho mình, co cụm và khép kín trên chính mình, người yêu bản thân biết mình cần trang bị những gì để có thể sống và sống dồi dào.

Yêu mình là biết chấp nhận chính mình như *mình là*. Thật vậy, mỗi người đều có những phần ưu điểm và khuyết điểm mà chúng ta cần phát huy tối đa thế mạnh và khắc phục triệt để thế yếu. Nhưng có một điều trong thực tế chúng ta thường hay mắc phải đó là tình trạng dẫm chân tại chỗ. Bạn nói : *« Tôi là thế đó, anh chấp nhận thì chơi còn không thì chia tay »*... kiểu nói đại loại như thế, nó khiến bạn không nhận rõ bản thân để khắc phục và lớn lên. (Bởi vì, một người biết mình đủ, họ luôn cởi mở và tiếp nhận với những thực tại mới mẻ của cuộc sống. Họ luôn mở rộng với mọi tương quan và thích ứng với mọi điều kiện sống). Trong khi mẫu người mà chúng ta đang bàn họ ở lì trong tình trạng ấu trĩ của mình, nói cách khác, họ chưa thực sự chấp nhận những điểm yếu của mình. Ngược lại, cũng có người biết rõ những thế mạnh của mình nhưng thay vì dùng nó để phục vụ và dần dần xây dựng đời sống bản thân và xã hội, họ chỉ tìm sự khoái lạc trên những gì mình có. Họ như người mãi soi bóng mình dưới mặt nước đến nỗi muốn ôm lấy hình bóng ấy và rồi họ chết chìm trong tình trạng *« tự sướng »*. Cả hai trường hợp chúng ta vừa nêu trên đều là những hình thức yêu mình không đúng cách.

Một hình thức khác của yêu mình, chấp nhận chính mình, đó là *nhìn tích cực về bản thân*. Thay vì nói : mùa xuân đến, tôi già thêm một tuổi và tiến gần đến cái chết, bạn có thể nói : Tạ ơn Chúa, con được sống thêm một năm mới với tinh thần mới và con người mới... Chỉ cần bạn nghĩ và nói như thế, cuộc sống luôn mở ra trước mắt bạn tất cả những gì là mới mẻ cần được khám phá. Và cả đến tội lỗi của bạn đã phạm trong quá khứ cũng thành « tội hồng phúc » giúp bạn khiêm tốn tiến đến gần Chúa hơn. Như thế, không có gì khiến bạn phải nghĩ và sống tiêu cực. Cuộc sống có tích cực không tùy thuộc hướng nhìn của bạn. Cuộc sống có ý nghĩa không tùy thuộc chọn lựa của bạn.

Yêu mình còn là *bao dung với chính mình*. Kẻ thù, trước hết và trên hết, cần được chúng ta tha thứ là chính mình, vì không có kẻ thù nào nguy hiểm bằng bản thân ta. Đôi khi vì không chấp nhận những giới hạn của mình mà ta không thể tha thứ cho bản thân. Sự co cụm, gặm nhấm bản thân là một hình thức không thể bao dung với chính mình và như thế, tự hủy diệt mình. Nếu Giuda hướng nhìn về Chúa chắc hẳn ông đã nhận ra ánh mắt yêu thương, trìu mến của Người nhưng vì cuộn tròn trên chính mình mà ông quyết định tìm đến cái chết. Bởi đó, sự bất bao dung với chính mình làm có cho tâm hồn xa lìa tình yêu Chúa. Yêu mình, bao dung với chính mình là con đường dẫn đến cảm nghiệm tình yêu Chúa, Đấng hằng yêu thương và tha thứ cho mọi tội nhân.

Ngoài ra, yêu mình còn thể hiện qua việc tôn trọng bản thân. Lòng tự trọng được nuôi dưỡng và phát huy nhờ việc chủ thể chọn lựa và sống với những phẩm chất cao đẹp. Những bậc thang giá trị ấy sẽ giúp nâng cao tâm hồn và giúp tạo lập một bầu khí yêu thương và tôn trọng lẫn nhau. Thật vậy, tôn trọng bản thân hay lòng tự trọng luôn được biết đến trong những giá trị nhân bản của con người. Theo nhà tâm lý học Maslow, tôn trọng là một trong những nhu cầu quan trọng của con người ; không những nó làm tăng vẻ đẹp của nhân cách mà còn giúp xây dựng con người toàn diện. Trong đó, những tương quan liên vị luôn được đề cao, và chủ thể sống với trách nhiệm liên đới. Đây là cách yêu bản thân được các nhà tâm lý học khuyến khích trong việc xây dựng con người toàn vẹn và thống nhất.

Bên cạnh đó, một điều rút ra từ những mặt tích cực trên là luôn khám phá bản thân và ra sức thi hành sứ mạng mình nhận lãnh từ nơi Thiên Chúa. Thiết tưởng, đó là cách yêu mình được Giáo hội đề cao và khuyến khích mọi tín hữu thực hành triệt để. Thật vậy, một khi bạn không biết mình đủ, bạn phải mất nhiều công sức, tiêu hao nhiều năng lực cho một vấn đề mà với người khác chỉ như trở bàn tay. Chúng ta không bàn đến những nén bạc, khả năng Chúa ban cho mỗi người. Ở đây, một người không biết mình đủ, nghĩa là không cố gắng tìm cách khắc phục những thế yếu và phát huy những thế mạnh khiến công việc họ giải quyết trở nên bế tắc, rồi sinh ra cảm ràm, mặc cảm... Những thái độ ấy luôn kéo ghì mình xuống hơn là vươn lên. Bởi đó, yêu mình đúng nghĩa là phải loại trừ mọi hình thức tiêu cực và nuôi dưỡng mình bằng những tư tưởng tích cực, nói những lời xây dựng và hành động vì thiện ích chung.

Ngoài ra, theo nghĩa tiêu cực khi yêu mình, chúng ta cần bảo vệ mình khỏi những ảnh hưởng xấu của những yếu tố ngoại lai. Chẳng hạn như việc chúng ta bị ảnh hưởng bởi những thông tin tiêu cực hoặc những trang mạng bản. Đức Phanxicô đã nói với giới trẻ ở Sarajevo vào ngày 07 tháng 06 năm 2015 rằng : « *Nếu các con xem những nội dung bản trên máy vi tính. Các con đánh mất phẩm giá của mình* ». Nếu như phẩm giá là giá trị đáng ước ao của mỗi con người, khi tránh xa những tin tức và hình ảnh bản, chúng ta thể hiện cách thức yêu bản thân cách cụ thể hơn.

Tóm lại, mỗi lần thể hiện cách thức yêu mình, chúng ta làm hiển lộ dung mạo Đức Kitô nơi bản thân ta, và như thế, tôi trở thành ý nghĩa cho đời sống tha nhân.

Yêu tha nhân

Có thể nói, yêu tha nhân như yêu chính mình là tiêu chuẩn giúp ta đánh giá một người có yêu tha nhân không. Nói cách khác, yêu mình thế nào, yêu tha nhân là vậy !

Yêu tha nhân bằng cách chấp nhận họ như *họ là*. Nghĩa là chấp nhận ưu điểm và khuyết điểm cùng những yếu đuối xác hồn của tha nhân. Một người chưa kinh nghiệm đủ về những nỗ lực của bản thân trong việc xây dựng con người nhân bản sẽ khó kiên nhẫn và đón nhận những cố gắng xem ra nhỏ bé của tha nhân. Họ luôn đặt mình ở tư thế trung tâm nên nghĩ rằng người khác cũng như mình mà quên rằng mỗi người có một hành trình và một bước tiến khác nhau. Một khi tâm thức của ta thiếu lành mạnh thì không dễ thông cảm và đồng cảm với tha nhân. Sự bất tương hợp này sẽ làm cho bầu khí tình thân bị ô nhiễm, đồng thời, khiến cho bầu khí nhiệt huyết dần thân và cộng tác xây dựng ích chung bị đe dọa.

Yêu tha nhân là đánh giá tích cực về họ. Khi ý thức tha nhân là huyền nhiệm, chúng ta sẽ không dễ dàng cho phép mình đánh giá hời hợt về tha nhân. Trong mọi tình huống của cuộc sống, chúng ta cần ghi nhận những thiện chí và nỗ lực của tha nhân. Vì theo triết gia Socrate, *không ai cố tình làm điều ác*. Mỗi người có cách thức riêng để hoàn thiện bản thân và xây dựng cộng đồng. Nhưng không phải ai cũng thể hiện cách đúng đắn về ý muốn đó, vì thế, khi đánh giá tích cực về những thiện chí của người khác, sẽ giúp họ tự tin hơn trong việc thể hiện bản thân là người hữu dụng. Làm sao chúng ta có thể đánh giá tích cực về tha nhân nếu không nhìn nhận những giá trị nơi bản thân mình.

Yêu tha nhân là bao dung với những lỗi lầm của họ. Bao dung ở đây không có nghĩa là bao che và dung túng những lỗi lầm người khác, nhưng là mở ra cho họ những cơ hội để chữa lành và lớn lên. Thánh Biển Đức thật chí lý khi khuyên mỗi người : hãy chê ghét nét xấu nhưng thương yêu anh em. Thật vậy, những lỗi lầm người khác sa phạm vì yếu đuối, không vì thế, khiến chúng ta phải xa lánh người anh em. Thánh Phillipê Nêri đã khiêm tốn nói rằng nếu không được ơn Chúa giữ gìn trong trường hợp đó, tôi đã sa phạm nặng nề hơn họ. Một tâm hồn tế nhị như thế chắc hẳn họ ý thức sự yếu đuối bản thân, đồng thời, dễ dàng thông cảm và đồng cảm với những lỗi lầm của tha nhân. Tình yêu khóa lấp muôn vàn tội lỗi là thế !

Bên cạnh đó, yêu thương bao hàm sự tôn trọng người khác. Yêu thương đúng nghĩa là đặt người khác ngang hàng với mình, nói cách khác, tôn trọng họ như một nhân vị. Nếu yêu thương không giả thiết một tương quan liên vị, đó chỉ là một hình thức thương cảm hay thương hại cách nào đó. Yêu thương như thế không đặt người khác ngang hàng với mình, không tôn trọng đủ cho một tương giao lành mạnh giúp đôi bên lớn lên.

Chúng ta cần lưu ý, đôi khi có người giải thích Lời Chúa một cách tùy tiện đến mức lệch lạc. Họ nói : Chúa nói điều gì anh em muốn người khác làm cho mình thì hãy làm cho người khác vậy ! Họ vốn thích uống rượu cho say nên cũng mời người khác uống rượu và ngụy biện rằng đó là cách thực thi lời Chúa dạy. Tình yêu mà không giúp đôi bên tôn trọng nhau hơn và lớn lên trong tình thân, đó là một tình yêu lệch lạc.

Một cách thức khác khi yêu tha nhân mà đôi khi chúng ta không ý thức đủ là chấp nhận hiện hữu của họ như một điều thiện hảo đem lại ý nghĩa cuộc đời ta. Những gì tha nhân mang lại cho bạn mà có thể cân, đong, đo và đếm được chỉ là những « món quà » có thể thấy được, nhưng còn cả một tấm lòng quảng đại của chính người tặng món quà mà chúng ta không quan tâm đủ. Món quà lớn nhất mà chúng ta có thể nhận lãnh nơi họ chính là hiện hữu của họ trong cuộc đời mình. Ngay cả những người xem ra bạn ghét bỏ, đến một lúc nào đó, họ cũng làm nên hiện hữu của bạn. Chính những điều bạn nhận thấy không tốt đẹp nơi họ lại phản ảnh trong chính con người vô thức của bạn. Bởi đó, tình thức là thái độ cần thiết cho những ai biết cách yêu bản thân và tha nhân.

Ngoài ra, yêu tha nhân bằng cách giúp họ hoàn thành sứ mạng của mình ở trần gian, đồng thời, bản thân cũng sống trọn vẹn ơn gọi Chúa trao. Bạn hát hay, tôi đàn giỏi, cả hai cùng nhau dệt nên một bản nhạc hoàn hảo phục vụ bằng cách mua vui cho mọi người. Nhờ đó, những thánh giá kia lại làm việc hương phấn hơn để phục vụ đời sống nhân loại.

Cuối cùng, yêu tha nhân vì họ là hiện thân của Đức Kitô. Họ thành công trong Đức Kitô làm phép lạ ; họ đau khổ trong Đức Kitô bị con người loại trừ ; họ thất bại trong Đức Kitô chịu đóng đinh...Bạn đừng đánh mất một cơ hội nào để chứng tỏ tình yêu của mình đối với Chúa bằng cách đón nhận và yêu mến tha nhân.

Yêu Thiên Chúa

Với những người chủ trương bài tôn giáo, họ coi việc tiếp xúc với Thượng Đế là ảo tưởng. Một thế giới không quan sát bằng mắt, không đụng bằng tay...thì không có thực. Như thế, tình yêu của con người với Thiên Chúa là tình yêu một chiều, tình đơn phương. Với những người này, họ phủ nhận cả đời sống tâm linh, đời sống nội tâm của con người. Tuy nhiên, với những người sống đức tin, việc tương quan với Thiên Chúa là việc thiết yếu của linh hồn con người. Nói một cách triết để hơn theo nhà tâm lý học C.Jung : thức ăn cần thiết cho thân xác con người thế nào thì việc khát khao Thiên Chúa cần thiết cho linh hồn con người thế ấy. Nói cách khác, yêu mến Thiên Chúa là việc thiết yếu và sống còn của đời sống con người.

Vấn đề được đặt ra : Làm sao con người có thể yêu mến một Thiên Chúa vô hình ?

Có thể nói, yêu Chúa bao hàm mọi ý hướng và hành động của con người. Chúng ta có thể giải thích từ việc yêu bản thân và tha nhân. Nếu con người chỉ yêu bản thân vì chính mình thì điều gì sẽ xảy ra ? Họ sẽ chết chìm trong biển mê như thần thoại về chàng Narcisse, khi chàng ngắm nhìn chính mình dưới dòng nước và muốn ôm hình ảnh ấy vào mình, chung cục, là chàng đã chết chìm trong dòng nước ấy. Hoặc là họ sẽ chết vì thất vọng về những giới hạn của bản thân mình. Nếu như chàng Narcisse đã chết vì « tự sướng » về nét đẹp của bản thân thì ở đây, có người lại thất vọng về hình ảnh xấu xa và tội lỗi của mình. Chúng ta có thể nhận ra hình ảnh của một Giuda vì quá chăm chú đến những nỗi bất hạnh của bản thân mà tự tìm đến cái chết. Cả hai cách yêu bản thân qui về chính mình chỉ nhằm hủy hoại sự sống cách nào đó. Thế nên, con người chỉ thực sự lớn lên và trưởng thành khi yêu bản thân vì Chúa.

Chúng ta đã bàn đến những cách thức thể hiện yêu bản thân, ở đây, chúng ta giải thích lý do vì sao chúng ta lại yêu bản thân vì Chúa. Trả lời thỏa đáng câu hỏi này giúp chúng ta sống tình yêu với tất cả ý hướng ngay lành của nó. Khi yêu bản thân, chúng ta duy trì và phát triển thân xác sao cho chúng phát triển cân đối và lành mạnh, đồng thời, chúng ta nhắc nhở mình về thực tại thân xác là đền thờ của Chúa Thánh Thần. Chính xác tín mạnh mẽ này giúp ta tránh xa những dịp tội làm hoen ố thân xác và tổn thương linh hồn ta khi sa đà trong những chuyện tình dục ngoài đời sống hôn nhân. Một ví dụ cụ thể ấy cũng khả dĩ giúp chúng ta xác tín hơn trong việc thể hiện tình yêu Chúa qua việc tôn trọng thân xác mình.

Còn việc yêu tha nhân vì Chúa là một điều rõ ràng trong những chỉ dẫn của Lời Chúa và giáo huấn của Giáo Hội. Ai cho anh em một bát nước lạnh vì Chúa thì làm cho chính Chúa vậy ! Qua đó, Chúa Giêsu muốn đồng hóa mình nơi tha nhân. Nói cách khác, tha nhân là hiện thân của Chúa. Như thế, chúng ta có thể tỏ tình yêu với Ngài qua việc yêu thương tha nhân.

Thiết tưởng cũng cần nói qua về hậu quả của việc yêu tha nhân chỉ vì tha nhân. Khuynh hướng tự nhiên, tôi thích và yêu những người đã thích và yêu tôi. Điều này khiến tôi chỉ gói gọn tình yêu trong chiều kích nhân bản. Thực tế cho thấy, có rất nhiều chủ thuyết nhân bản nhưng đôi khi làm băng hoại đời sống con người hơn là giúp họ lớn lên, trưởng thành và sống với chính mình. Nhân phẩm con người, đôi khi được họ đánh giá tùy theo mức độ lao động hiệu quả. Và như thế, một khi con người không còn khả năng lao động thì trở thành một kẻ ăn bám xã hội, từ

đó, dẫn đến việc hợp thức hóa an tử, trợ tử... Tất một lời, tôi yêu bạn chỉ vì bạn hữu dụng. Chủ trương như thế, những kẻ chống đối, kẻ thù... sẽ là đối tượng của sự loại trừ. Điều này đi ngược lại giáo lý của Đức Giêsu. Như thế, nếu chúng ta chọn Người là ý nghĩa của cuộc sống thì cần thể hiện tình yêu tha nhân bằng chính sức mạnh của tình yêu Chúa.

Bên cạnh đó, chúng ta còn khám phá ra vô vàn cách thức thể hiện tình yêu Chúa. Một trong những động lực thúc đẩy chúng ta yêu mến Chúa hiệu quả nhất là yêu Chúa vì Chúa yêu tôi trước. Điều này cho thấy tình yêu của chúng ta là cách thức đáp trả tình yêu. Chúa Cha yêu tôi đến nỗi ban Con Một. Người Con ấy đã yêu thương và thí mạng vì tôi. Người lại trở nên của ăn nuôi dưỡng tôi trên đường dương thế. Qua đó, chúng ta nhận ra tình yêu của Người bao bọc chúng ta trong suốt hành trình cứu độ. Phải chỉ chúng ta tốt lành và đạo đức để Người yêu thương ta. Không, Người yêu thương ta một cách nhưng không ngay khi chúng ta là kẻ tội lỗi, Thiên Chúa yêu tôi chỉ vì Người là tình yêu.

Một trong những thái độ được Chúa Giêsu sống và đề nghị với chúng ta là *lắng nghe*. Người đã tỏ tình yêu của Người đối với Chúa Cha bằng cách lắng nghe và thực thi lời Cha. Lời Cha trở thành lương thực nuôi sống Người. Nếu như thánh Augustinô đã ví Lời Chúa như bức thư tình đẹp nhất dành cho loài người, thì những tâm tình yêu mến ấy phải như kim chỉ nam hướng dẫn và như đèn soi chiếu cuộc đời ta. Không phải lúc nào cuộc đời chúng ta cũng xuôi chèo mát mái cả, chính những lúc sóng to gió lớn thì lời trấn an của Chúa khiến ta an lòng : Có Thầy đây, đừng sợ. Ngay như Mẹ Maria, khi chưa hiểu ra ý Chúa trong từng khoảnh khắc cuộc đời, Mẹ đã chọn thái độ khiêm tốn tuân phục : *suy đi nghĩ lại trong lòng*. Mẹ làm thế chỉ vì xác tín Ý Chúa là nhất cho cuộc đời Mẹ. Thật vậy, một cuộc sống có ý nghĩa là một cuộc sống biết lắng nghe và thực thi lời Chúa, Đấng làm chủ lịch sử và vận mệnh đời ta. Ngài sẽ trợ giúp chúng ta từ khởi sự cho đến hoàn thành.

16.SÓNG PHÚT HIỆN TẠI

Có những rào cản lớn khiến chúng ta không thể sống trọn vẹn phút hiện tại, đó là : níu kéo quá khứ, ngưỡng vọng tương lai và ảo tưởng hiện tại. Những viên đá này có thể khiến ta vấp ngã nhưng cũng khả dĩ trở thành bệ dưới chân ta. Điều này tùy thuộc vào thái độ của mỗi người khi đối diện với thực tại cuộc sống. Vì đối với những người tiêu cực, họ thường thấy khó khăn trong những cơ hội, còn những người tích cực, họ luôn khám phá ra những cơ hội trong mọi khó khăn để sống phút hiện tại với tất cả lòng tin cậy mến.

Níu kéo quá khứ

Chúng ta dễ nhận ra tình trạng này khi phân tích hình ảnh của một Madalena trong tương quan với Chúa Giêsu. Bà là người đã được Đức Giêsu trừ cho khỏi bảy quỷ, và sau đó, bà đã tự nguyện theo Người trên mọi nẻo đường truyền giáo. Điều này cho thấy bà đã đặt Chúa làm trung tâm đời sống bà ; nhưng rồi cái chết của Chúa Giêsu, đồng nghĩa với việc sụp đổ hoàn toàn lý tưởng đời bà. Bà ra mồ Chúa mà khóc như để níu kéo một quá khứ tốt đẹp về tương quan giữa bà và Chúa. Thay vì những hình ảnh ấy làm động lực thúc đẩy bà sống tốt hơn phút hiện tại, bà lại khóc cho một cuộc tình vắng bóng người yêu. Vết thương lòng này quá sâu xa đến nỗi bà đi tìm sự xoa dịu và an ủi trong chính nơi tạo nên nỗi bất hạnh cho mình. Hình ảnh về Đức Giêsu càng đẹp đẽ và êm đềm bao nhiêu thì khi mất đi, nó càng tạo nên nơi tâm hồn bà một sự trống vắng và bất hạnh bấy nhiêu. Bà khóc cho sự ra đi của « thân tượng » thì ít nhưng bà khóc cho chính sự trống rỗng và cô đơn của tâm hồn.

Có thể nói, không có kẻ nào bị tổn thương bằng kẻ sống trong mặc cảm vì cuộc đời vô nghĩa. Cũng không có vết thương nào hằn sâu trong ký ức bằng vết thương do mất đi lý tưởng của cuộc đời. Họ có thể tìm đến cái chết như giải pháp cuối cùng để tránh trực diện với thực tại

mình đang sống. Cho dù họ đang sống nhưng tất cả những gì đi qua cuộc đời họ đều chịu tác động dưới lăng kính của kẻ bị tổn thương. Một người bị tổn thương chưa được chữa lành, họ sẽ phóng chiếu những lối nghĩ tiêu cực, bi quan yếm thế lên người khác. Họ vẫn sống phút hiện tại nhưng thực tại họ đang sống lại trở nên hỗn độn và trống rỗng như chính thực trạng nội tâm của họ vậy ! Mọi tương quan với thực tại đã trở nên nhỏ bé dưới góc nhìn quy ngã của họ. Tất cả diễn ra trong cái tiêu vũ trụ nhỏ hẹp đáng thương. Họ chỉ có thể được chữa lành thực sự qua lăng kính của Đấng Phục Sinh. Như bà Madalena, họ cũng được Chúa Phục Sinh mời gọi sống sứ mạng Người trao trong phút hiện tại, là ra đi loan báo Tin Mừng. Và họ sống phút hiện tại với ý thức lớn lao rằng có Chúa cùng đồng hành với họ.

Chúng ta cần phân biệt thái độ níu kéo quá khứ với việc hồi tâm trong đời sống thiêng liêng. Nếu hiểu *níu kéo quá khứ* là tình trạng chôn mình trong ký ức đã qua thì *hồi tâm* là một bước lượng giá để sống tốt hơn trong phút hiện tại. Thật vậy, quá khứ chỉ có ý nghĩa khi nó giúp ta kinh nghiệm hơn, nhờ đó, sống tích cực hơn trong hiện tại. Hồi tâm ví như những thước phim trong quá khứ được quay chậm lại dưới ý thức của chủ thể để rồi đề ra những bước tiến trong tương lai và bắt tay thực hiện ngay trong chính phút hiện tại này. Bởi đó, một trong những cách giúp sống trọn vẹn phút hiện tại là chúng ta cần ghi lại lịch sử đời mình dưới ánh sáng của Đấng Phục sinh. Xét cho cùng, hồi tâm không phải là níu kéo quá khứ hay làm sống lại những cảm xúc đã qua nhưng là để nhắc nhở bản thân sống xứng đáng và trân trọng những gì mình đang có. Và cái có lớn nhất trong đời là được Đức Giêsu ở cùng. Có thể nói, sự hiện diện của Người là phần thưởng cho kẻ sống thanh liêm.

Nếu như *níu kéo quá khứ* làm cho con người giẫm chân tại chỗ trong hành trình tâm linh, *ngưỡng vọng tương lai* dễ khiến con người xa rời thực tế cuộc sống. Tương lai là một cái gì mơ hồ vượt khỏi tầm với của con người. Khi ai đó nhìn về tương lai trong những dự phóng của mình mà không hành động ngay từ bây giờ thì bị coi là người phi thực tế. Họ lên kế hoạch (một điều hữu ích) nhưng vì không tinh thức để nắm bắt cơ hội đến trong hiện tại, họ thất bại. Cũng có những người đi tìm vận mệnh đời mình trong bói toán, họ nghĩ rằng quyền sinh sát ở trong tay ta, nhưng kỳ thực họ càng hoang mang vì những dự đoán thiếu cơ sở hoặc sẽ háo hức đón chờ một tương lai tốt đẹp bằng thái độ « há miệng chờ sung thối rụng ». Chung cục, họ đánh mất chính mình trong một tương lai bất định.

Có nhà phê bình tôn giáo nhìn nhận rằng một số Kitô hữu sống hướng về trời cao mà quên đi thực tại mình đang sống. Họ không thể chấp nhận về thái độ của những người dám sống chết vì lý tưởng tôn giáo. Nếu các tín hữu vì quá chăm chú hướng về quê hương trên trời mà bỏ quên bổn phận xây dựng quê hương trần thế là một điều đáng tiếc ; điều này cần được hoán cải mỗi ngày để sống tốt hơn trong hiện tại. Còn nếu những người này trong đức tin họ vốn lấy Chúa làm lẽ sống thì họ không đơn độc bước đi trên đường lữ thứ vì có Chúa luôn đồng hành với họ như Ngài đã dùng đám mây ban ngày và cột lửa ban đêm soi lối cho cha ông họ tìm về Đất Hứa.

Như thế, để sống trọn vẹn và ý nghĩa trong phút hiện tại, chúng ta cần sống tinh thức nhờ ánh sáng Phục Sinh chiếu rọi. Vì chúng ta không thể bước đi trong bóng tối của chính mình mà cần tiến bước trong ánh sáng của ngày cứu độ. Nói cách khác, chúng ta chỉ được ngưỡng vọng tương lai như hướng về Đức Giêsu là cùng đích để khả dĩ tiến bước mà không sợ lạc đường.

Quá khứ đã qua, tương lai chưa đến còn hiện tại thì bấp bênh và thử thách còn đây dễ khiến chúng ta *ảo tưởng* mà phủ nhận hoặc khước từ thực tại đời sống của mình cách nào đó. Đôi khi có những người vì quá lý tưởng cuộc sống như chỉ trái nệm hồng mà đã bỏ cuộc khi chân phải chảy máu vì giẫm vào gai. Khi ấy, họ mới ngộ ra cuộc đời không như ta tưởng !

Chúng ta đang sống trong thời đại mà khoa học kỹ thuật lên ngôi, đó là lợi thế cho việc con người tiếp cận với các phương tiện thông tin, và con người ngày nay đang chìm đắm trong

thế giới ảo khiến con người thêm ảo tưởng về bản thân và thực tại đời sống. Thế giới tưởng chừng như quá gần gũi trong tầm tay mọi người ; họ đến với nhau bằng một kết nối và không cần biết gì về nhau. Vì thế, cả hai bên được tự do tâm sự mà không sợ làm nhau tổn thương. Cũng có khi họ ảo tưởng cho mình là vị linh hướng vì giúp cho một ai đó được hoàn lương, hoặc là vị cứu tinh vì giúp một người xa lạ vượt qua khó khăn...họ đeo đủ thứ mặt nạ, thủ đủ mọi vai diễn ; trong khi đó, họ chỉ là những người vô công rồi nghề dùng phương tiện ảo để giết thời gian.

Tâm lý tự nhiên, ai cũng muốn người khác nhìn nhận mình là nhân vật quan trọng và xử sự sao đáng cho mọi người tôn trọng, nhưng không vì thế, người ta bán sĩ diện để mua chút tiếng khen ngoài môi miệng. Họ tưởng rằng mình toàn năng có thể làm được mọi chuyện mà kỳ thực hứa ảo chứ không buồn động ngón tay vào. Họ quên lời Chúa cảnh báo : mù mà dẫn mù thì lăn cù xuống hố.

Đó là thứ ảo tưởng chính mình, từ đó, kéo theo cái nhìn méo mó về thực tại. Do sự thể không xảy ra như ý mình, họ khước từ và phủ nhận ý nghĩa sự việc và giá trị của người khác. Ngoài ra, để tránh né trực diện vấn đề, họ giải thích sai lệch và bóp méo thực tế sự việc. Một câu nói quan tâm chân thành, họ lại biện giải là soi mói cá nhân ; một hành vi bác ái tha nhân, họ cho đó là mua chuộc trá hình...Thực ra, họ đã phóng chiếu chính những bóng tối ẩn khuất của mình lên người khác. Điều này cho thấy họ bị tổn thương và mặc cảm trong tuổi thơ bất hạnh mà chưa được chữa lành.

Để có thể sống tích cực trong phút hiện tại, những người này phải được thanh luyện và chữa lành trong ánh sáng của Đấng Phục Sinh. Trước tiên, họ phải tập đánh giá đúng đắn về những giới hạn và giá trị của bản thân. Kế đến, họ cần can đảm trực diện với những vấn đề trong cuộc sống và đánh giá mọi sự như *nó là*. Có thể, họ dễ dàng đạt được những bước tiến bộ trong hành trình tâm linh mà phần thưởng chung cuộc là chính Đức Giêsu.

Tác giả thư Do thái mời gọi mọi người : « ...hãy kiên trì chạy trong cuộc đua dành cho ta, mất hướng về Đức Giêsu là Đấng khai mở và kiên toàn lòng tin » (Dt 12,1b-2). Thật vậy, cuộc đời lữ thứ này là một cuộc đua vượt qua chướng ngại vật là *nếu kéo quá khứ, ngưỡng vọng tương lai và ảo tưởng hiện tại* để tăng tốc chạy đến đích là Đức Giêsu, phần thưởng của những người kiên trì đến cùng trong hành trình đức tin. Có thể, mỗi phút sống tròn đầy trong hiện tại sẽ kết thành một cuộc sống sung mãn trong Đức Giêsu.

Xin ghi nhận câu chuyện có thực do một linh mục miền Bắc chia sẻ để tăng phần khích lệ chúng ta trong cuộc sống làm chứng cho Chúa và lấy Người làm lẽ sống đời ta. Lúc đó, ngài còn là một chú bé giúp lễ. Vào một đêm lạnh buốt khắc nghiệt của miền Bắc, Cha Xứ được tin có người cần chịu các phép sau cùng. Ngài đã quyết định đi ngay trong đêm ấy để đến bên giường bệnh nhân an ủi và ban các phép sau cùng. Có ngờ đâu, sau khi thi hành xong sứ vụ, ngài đã ra đi trước sự chứng kiến của chú bé giúp lễ và người nhà bệnh nhân. Sự ra đi của ngài đã để lại trong lòng mọi người niềm cảm phục sâu xa và nhớ thương vô hạn. Ngài đã sống hết mình trong phút hiện tại để phục vụ tha nhân. Ngọn nến ấy đã tiêu hao đến cùng, giờ đây hy vọng được thấp sáng mãi trong ánh nến Phục Sinh của Đức Giêsu.

KẾT LUẬN

Đã đến lúc chúng ta chia tay để trở về với thực tế cuộc sống. Cuộc sống vốn muôn màu muôn sắc chỉ có những tâm hồn nhạy bén biết ngạc nhiên với những gì xảy ra quanh mình mới tìm ra được ý nghĩa đích thực mà cuộc sống mang lại.

Bạn có thể tìm ra ý nghĩa trong hai chiều kích của cuộc sống. Một, ở nơi chính bạn (nội tại), hai, ở nơi sự vật, hoàn cảnh...(ngoại tại). Hy vọng cuốn sách phần nào đã giải quyết hai yếu

tổ ấy khi khai thác ý nghĩa nằm trong chính hiện hữu của bạn : những giác quan của bạn và những năng lực tinh thần ; và khi bàn đến mọi khía cạnh cuộc sống từ đau khổ, sự chết là những vấn nạn lớn của phận người, đồng thời, những yếu tố của đời sống tâm linh : cầu nguyện, hy vọng, tình yêu... Dù nội tại hay ngoại tại, một khi chủ thể đã chấp nhận cho nó đi vào cuộc sống của mình đã là cách sống có ý nghĩa. Điều còn lại, tôi phải khám phá chúng dưới nhãn quan đức tin, có thể, ý nghĩa ấy mới được nhìn nhận nơi Đức Giêsu.

Làm sao Đức Giêsu có thể là ý nghĩa cuộc đời tôi khi những giác quan không giúp tôi nhận ra chính Chúa trong mọi thực tại đời sống.

Làm sao Người có thể là ý nghĩa cuộc đời tôi khi tôi không nỗ lực khám phá những năng lực nội tại trong mình, chúng giúp tôi đến gần Chúa.

Làm sao đối diện trước những đau khổ, những khủng hoảng, đêm tối, cả những cái chết đang rình chờ mà còn tuyên xưng Người là ý nghĩa cuộc đời tôi.

Tập sách mỏng này dường như để lại trong bạn nhiều thắc mắc hơn là những lời giải đáp có sẵn. Không có một giải pháp nào khả dĩ giúp bạn quán triệt mọi khía cạnh cuộc sống ; ngoài Đức Giêsu. Thánh Giáo Hoàng Gioan XXIII thật chí lý khi khẳng định : Đức Giêsu là giải đáp cho mọi vấn đề. Điều còn lại là tự do của chúng ta ; chúng ta có thực sự để cho Người hướng dẫn cuộc đời ta không. Và cho dù bạn đã xác tín trên môi miệng đi nữa thì khi nhập cuộc, bạn vẫn đối mặt với thất bại. Tội lỗi là một dấu chứng hùng hồn và chắc chắn cho việc bạn chưa thực sự chọn Người là ý nghĩa cuộc sống bạn.

Nếu Người vẫn kiên nhẫn với bạn và tôi thì chúng ta cũng đừng quá thất vọng về chính mình. Lời của thánh Augustinô thật ý nghĩa cho chúng ta : *bắt đầu lại mỗi ngày*. Câu nói này sẽ mang một tầm mức quan trọng và khẩn thiết hơn khi nó được thốt ra từ môi miệng của một người từng lún sâu trong đường tội lỗi, đã sám hối và trở về cùng Chúa. Con người ấy đã được Hội thánh tuyên dương như một vị thánh của cuộc hoán cải ngoạn mục. Ngài đã bắt đầu lại mỗi ngày sau những lần lầm lỡ.

Thiết tưởng tâm tình sám hối là một thái độ cần thiết của mỗi chúng ta khi ý thức mình là tội nhân. Mỗi lần qui mọi sự về mình, chúng ta đặt mình ngang hàng với Chúa ; còn nếu luôn tuyên xưng Chúa là ý nghĩa cuộc đời ta, chính Chúa sẽ làm chủ và Người dẫn dắt cuộc đời ta.

Bạn và tôi, chúng ta cùng **xuất phát lại từ Đức Kitô** ! Vì Người đích thực là ý nghĩa cuộc đời ta.